HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
PGS, TS NGUYỄN QUỐC BẢO - TS DOÃN THỊ CHÍN
(Đồng chủ biên)

GIÁO TRÌNH
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

CT-HC NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

K V
5209/13

GIÁO TRÌNH
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
PGS, TS NGUYỄN QUỐC BẢO - TS DOÃN THỊ CHÍN
(Đồng chủ biên)

GIÁO TRÌNH
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

(Lưu hành nội bộ)

HỌC VIỆN BÁO CHÍ & TUYÊN TRUYỀN
5209 - 2013

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
Hà Nội - 2013

TẬP THỂ TÁC GIẢ

1. PGS,TS Nguyễn Quốc Bảo

2. TS Doãn Thị Chín

3. ThS Lê Đình Năm

4. ThS Nguyễn Văn Bằng

5. ThS Đinh Ngọc Tường

6. ThS Lê Thị Thảo

7. ThS Nguyễn Thị Minh Thùy

8. GVC Nguyễn Đức Hùng

LỜI NÓI ĐẦU

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã khẳng định: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi".

Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là nhằm thấm nhuần sâu sắc hệ thống quan điểm toàn diện về cách mạng Việt Nam, nâng cao lòng yêu nước, tinh thần phục vụ nhân dân, đạo đức cách mạng của mỗi người, làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam trong hành động của chúng ta.

Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tập thể giảng viên Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh đã biên soạn ***Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*** do PGS, TS Nguyễn Quốc Bảo và TS Doãn Thị Chín đồng chủ biên.

Cuốn sách được biên soạn trên cơ sở kế thừa nội dung *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh* của Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các tập giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh của

Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và cập nhật những nội dung phù hợp với đối tượng đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Tuy nhiên, do những hạn chế khách quan và chủ quan nên vẫn còn những nội dung cần được tiếp tục bổ sung, sửa đổi. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để lần tái bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

TẬP THỂ TÁC GIẢ

Chương 1

KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Khái niệm tư tưởng

Theo nghĩa chung nhất, tư tưởng là "quan điểm hoặc ý nghĩ chung của con người đối với thế giới tự nhiên và xã hội"[1]. Trong thuật ngữ "tư tưởng Hồ Chí Minh", khái niệm "tư tưởng" ở đây không có nghĩa là tinh thần tư tưởng, ý nghĩa tư tưởng của một cá nhân, một cộng đồng, mà với nghĩa là một hệ thống những quan điểm, luận điểm mang giá trị như một học thuyết được xây dựng trên một nền tảng triết học (thế giới quan và phương pháp luận) nhất quán, đại biểu cho ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc, phù hợp với nhu cầu tiến hóa của thực tiễn nhất định, trở lại chỉ đạo và cải tạo thực tiễn đó.

2. Khái niệm nhà tư tưởng

Không phải ai hoạt động trong lĩnh vực tư tưởng - lý luận đều có thể được gọi là nhà tư tưởng, nhà lý luận. Theo

---

[1] Nguyễn Như Ý (Chủ biên): *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb.Văn hóa - Thông tin, H.1999, tr.1757.

V.I.Lênin: "Chỉ xứng đáng với danh hiệu "nhà tư tưởng" khi nào họ đi trước phong trào tự phát, chỉ đường cho nó, khi nào họ biết giải quyết trước người khác tất cả các vấn đề về lý luận, chính trị, sách lược và các vấn đề về tổ chức mà "những yếu tố vật chất" của phong trào húc phải một cách tự phát"[1]. V.I.Lênin còn chỉ rõ: chỉ xứng đáng được gọi là "nhà tư tưởng" khi người đó "có được chuẩn bị đầy đủ về mặt lý luận", "có được một tầm mắt chính trị bao quát, một nghị lực cách mạng, một tài ba tổ chức để có thể sáng lập một chính đảng chiến đấu trên cơ sở một phong trào mới".

Như vậy, nhà tư tưởng theo quan niệm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin, phải là người thống nhất được ý chí và hành động, lý luận và thực tiễn, tức là phải biến tư tưởng thành "lực lượng vật chất" trong hoạt động thực tiễn.

Hồ Chí Minh chính là một nhà tư tưởng theo quan niệm của chủ nghĩa Mác-Lênin.

3. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh được các nhà khoa học đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau, từ vấn đề cụ thể đến hệ thống hoàn chỉnh. Đảng Cộng sản Việt Nam qua các kỳ đại hội đã dần dần hoàn thiện nhận thức về khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6-1991) đã đánh dấu một cột mốc quan trọng trong nhận thức của Đảng về tư tưởng Hồ Chí Minh. Tại Đại hội này, Đảng đã khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư

[1, 2] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Tiến bộ, M.1975, t.5, tr.446, 447.

tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Văn kiện Đại hội đã nhận định: "Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của dân tộc"[1].

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Đề tài khoa học cấp Nhà nước KX-02 nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó Đại tướng Võ Nguyên Giáp đưa ra định nghĩa: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là lý luận về con đường cách mạng Việt Nam, từ cách mạng giải phóng dân tộc quá độ lên chủ nghĩa xã hội".

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4-2001) xác định khá toàn diện và có hệ thống những vấn đề cốt yếu thuộc nội hàm khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb.Sự thật, H.1991, tr.127.

và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta"[1].

Trong định nghĩa này, Đảng ta đã bước đầu làm rõ được:

- Bản chất cách mạng, khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Nguồn gốc tư tưởng - lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Nội dung cơ bản nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Giá trị, ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Như vậy, dựa trên định hướng cơ bản định nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nhà khoa học đã đưa ra định nghĩa: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ của thể nước ta, đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người"[2].

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2001, tr.83-84.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2003, tr.19.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của môn học là hệ thống các quan điểm, luận điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam, mà cốt lõi là tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Các quan điểm, luận điểm của Hồ Chí Minh không chỉ được phản ánh trong các bài nói, bài viết mà còn được thể hiện qua quá trình chỉ đạo thực tiễn cách mạng phong phú của Người; được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng và phát triển sáng tạo qua các giai đoạn cách mạng.

Như vậy, đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là bản thân hệ thống các quan điểm, luận điểm thể hiện trong toàn bộ di sản của Hồ Chí Minh mà còn là quá trình vận động, hiện thực hóa các quan điểm, luận điểm đó trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Đó là quá trình mang tính quy luật: sản sinh tư tưởng và hiện thực hóa các tư tưởng theo các mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở đối tượng nghiên cứu, môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiệm vụ nghiên cứu làm rõ các nội dung sau:

- Cơ sở (khách quan, chủ quan) hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Các giai đoạn hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Vai trò nền tảng, kim chỉ nam hành động của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam;

- Giá trị tư tưởng của Hồ Chí Minh đối với kho tàng tư tưởng lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở phương pháp luận

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh phải trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin để xem xét mọi vấn đề có liên quan tới lịch sử tư tưởng và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, việc nắm vững phương pháp luận Hồ Chí Minh cũng đóng vai trò quan trọng khi nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh. Dưới đây là một số nguyên tắc phương pháp luận trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh:

a. Đảm bảo sự thống nhất nguyên tắc tính đảng và tính khoa học

- Tính đảng là phải đứng trên lập trường, quan điểm, phương pháp luận chủ nghĩa Mác-Lênin và quan điểm, đường lối, mục tiêu chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Tính khoa học là đảm bảo tính khách quan, chân thực. Vì vậy, khi phân tích, lý giải, đánh giá tư tưởng Hồ Chí Minh, tránh việc áp đặt, cường điệu hóa, hiện đại hóa tư tưởng của Người.

- Tính đảng và tính khoa học thống nhất với nhau trong sự phản ánh trung thực, khách quan tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở lập trường, phương pháp luận và định hướng chính trị.

b. Quan điểm thực tiễn và nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn

Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng: thực tiễn là thước đo chân lý, vì vậy lý luận và thực tiễn luôn gắn liền với nhau.

Hồ Chí Minh là người luôn biết gắn lý luận với thực tiễn. Người đã khẳng định: Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thực tiễn mù quáng, dễ mắc bệnh chủ quan, lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông. Hồ Chí Minh là người luôn xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn đất nước, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, lãnh đạo nhân dân giành được những thắng lợi vẻ vang.

c. Quan điểm lịch sử - cụ thể

Khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh cần vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử mới đảm bảo tính khách quan, khoa học. Đánh giá một quan điểm nào đó của Hồ Chí Minh phải xem xét trong điều kiện lịch sử - cụ thể. Trong nghiên cứu, V.I.Lênin nói, chúng ta không được quên mối liên hệ lịch sử căn bản, nghĩa là phải xem xét một hiện tượng nhất định đã xuất hiện trong lịch sử như thế nào, hiện tượng đó đã trải qua những giai đoạn phát triển chủ yếu nào và đứng trên quan điểm của sự phát triển đó để xem xét hiện nay nó đã trở thành như thế nào. Như vậy, nắm vững quan điểm này giúp chúng ta nhận thức được bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh.

d. Quan điểm toàn diện và hệ thống

Khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trên bình diện tổng thể hay từng bộ phận là phải luôn quán triệt mối liên hệ qua lại

giữa các yếu tố, các nội dung khác nhau trong hệ thống tư tưởng đó và phải lấy hạt nhân cốt lõi là tư tưởng độc lập, tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh cần nắm vững toàn diện hệ thống quan điểm của Người, nếu tách rời một yếu tố nào đó khỏi hệ thống sẽ hiểu sai tư tưởng Hồ Chí Minh, vì tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

e. Quan điểm kế thừa và phát triển

Hồ Chí Minh là mẫu mực về sự vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Người đã bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trên nhiều lĩnh vực quan trọng và hình thành nên một hệ thống những quan điểm lý luận mới hết sức sáng tạo. Vì vậy, nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi không chỉ biết kế thừa, vận dụng mà còn phải biết phát triển sáng tạo tư tưởng của Người trong điều kiện lịch sử mới hiện nay.

g. Kết hợp nghiên cứu các tác phẩm với thực tiễn chỉ đạo cách mạng của Hồ Chí Minh

Nghiên cứu học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết chúng ta phải nắm vững đối tượng nghiên cứu, phải có tư liệu và tài liệu. Cơ sở tư liệu, tài liệu cho việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là các trước tác, tài liệu, các di sản quý báu mà Người để lại cho Đảng và nhân dân ta; các văn kiện của Đảng, của các tổ chức tiền thân và các tổ chức quần chúng của Đảng.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh còn phải thông qua cuộc sống, những hoạt động cách mạng rất phong phú và đa dạng của

bản thân Người; các hồi ký của bạn bè, đồng chí, học trò của Hồ Chí Minh; những công trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh ở trong nước và ngoài nước cũng là một đóng góp không nhỏ về tài liệu để làm sáng tỏ tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh còn thông qua thực tiễn chỉ đạo cách mạng của Người, bởi vì Hồ Chí Minh là nhà lý luận - thực tiễn. Người xây dựng lý luận, vạch cương lĩnh, đường lối, chủ trương cách mạng và trực tiếp tổ chức, lãnh đạo thực hiện. Từ thực tiễn Người tổng kết, bổ sung để hoàn chỉnh và phát triển lý luận, vì vậy mà tư tưởng của Người mang tính cách mạng, khoa học, luôn sáng tạo, không lạc hậu, giáo điều.

2. Các phương pháp cụ thể

- *Phương pháp lịch sử và lôgíc:* Phương pháp lịch sử là nghiên cứu sự vật, hiện tượng theo quá trình phát sinh, tồn tại, phát triển. Phương pháp lịch sử khi nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ giúp chúng ta nhận thức về mặt lịch sử quá trình tư duy của Hồ Chí Minh. Nếu thiếu quá trình đó chúng ta không thể nhận thức được lôgíc của vấn đề - tính quy luật của tư duy. Phương pháp lôgíc là nghiên cứu một cách tổng quát nhằm tìm ra được cái bản chất vốn có của sự vật, hiện tượng và khái quát thành lý luận, vì vậy nếu thiếu phương pháp lôgíc, người nghiên cứu sẽ không tìm ra cái cốt lõi của tư duy và hướng phát triển mà tư duy sẽ đạt tới.

- *Vận dụng phương pháp liên ngành trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh:* Phương pháp phân tích, chứng minh, thống kê, tổng hợp, so sánh, điều tra xã hội học, tiếp xúc các nhân

chứng lịch sử... cũng là phương pháp cần thiết cho việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, bởi vì Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng, Người đã thể hiện tư tưởng của mình như một hệ thống, bao quát nhiều lĩnh vực: tư tưởng chính trị, tư tưởng kinh tế, tư tưởng triết học, tư tưởng quân sự, tư tưởng văn hóa, đạo đức... Trước một đối tượng nghiên cứu đa dạng và phong phú nhiều mặt như vậy cần thiết phải áp dụng các phương pháp liên ngành để nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.

IV. Ý NGHĨA VIỆC HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng, vì vậy việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.

1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho Đảng và nhân dân ta trên con đường thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Vì vậy, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh giúp cho người học nắm vững được những quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Từ đó tạo niềm tin cho người học vào sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong điều kiện hiện nay khi mà các thế lực thù địch đang tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng nước ta.

Thông qua học tập tư tưởng Hồ Chí Minh để bồi dưỡng cho cán bộ, sinh viên phương pháp công tác, năng lực công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng của đất nước.

2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị

Học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh giúp cho cán bộ, sinh viên tự rèn luyện mình về tư cách, phẩm chất đạo đức cách mạng theo tấm gương của Hồ Chí Minh. Giáo dục cho cán bộ, sinh viên biết sống có đạo lý, yêu cái tốt, cái thiện, ghét cái ác, cái xấu, từ đó giúp cho người học nâng cao lòng tự hào về Hồ Chí Minh, về Đảng, về Tổ quốc Việt Nam.

Thông qua việc học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh bồi dưỡng, củng cố cho cán bộ, sinh viên lập trường, quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tích cực chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, cán bộ, sinh viên cần vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống, cần tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành con người có ích cho xã hội, góp phần thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng theo con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng đã lựa chọn.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh?

2. Trình bày đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh?

3. Trình bày các phương pháp nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh?

4. Phân tích ý nghĩa việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh?

Chương 2

NGUỒN GỐC, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Nguồn gốc khách quan

a. Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

- Hoàn cảnh gia đình

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, nơi ấy chứa đựng những nét đẹp của một gia đình Việt Nam truyền thống, đồng thời lại có nét đặc trưng của một gia đình trí thức, gia giáo. Mỗi thành viên trong gia đình là một tấm gương sáng có ảnh hưởng sâu sắc tới nhân cách và suy nghĩ của Hồ Chí Minh.

Cha là Nguyễn Sinh Sắc (1862-1929) là nhà nho có lòng yêu nước, thương dân sâu sắc. Là tấm gương về lao động cần cù, ý chí kiên cường vượt khó khăn gian khổ trong học hành, thi cử, ông đã trải qua ba lần thi Hội để có được học vị Phó bảng nhưng lại khước từ làm quan trong triều đình phong kiến.

Mẹ là Hoàng Thị Loan (1868-1901) sinh ra trong gia đình nhà nho có lòng thương người, gia giáo, nền nếp. Bà là một phụ nữ cần mẫn, chăm lao động, dôn hậu, đảm đang, yêu chồng thương con, hết lòng chăm lo cho chồng con.

Chị gái là Nguyễn Thị Thanh (1884-1954) là phụ nữ hiền

hậu, đảm đang, sống có trách nhiệm với gia đình. Chị tham gia phong trào yêu nước sôi nổi, bị bắt kết án tù đày, bị tra tấn dã man nhưng kiên cường vượt qua.

Anh trai là Nguyễn Sinh Khiêm (1888-1950) là người thông minh, hiểu biết nhiều, giỏi chữ Hán, biết chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Cùng với chị, anh tham gia phong trào yêu nước, vận động tài chính tiếp tế cho nghĩa quân. Bị bắt, kết án 9 năm tù khổ sai.

Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên còn được sự yêu thương, chăm sóc, giáo dục của ông bà ngoại là Hoàng Xuân Dường và Nguyễn Thị Kép, một gia đình nhà nho cấp tiến, có lòng yêu thương người, một gia đình gia giáo.

- Hoàn cảnh quê hương

Nghệ Tĩnh, quê hương của Hồ Chí Minh là mảnh đất tuy nghèo nhưng nổi bật với nhiều truyền thống văn hóa tốt đẹp như truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm, truyền thống cần cù, anh dũng kiên cường, truyền thống hiếu học... Đó cũng là quê hương của nhiều anh hùng nổi tiếng trong lịch sử dân tộc Việt Nam như Mai Thúc Loan, Nguyễn Biểu, Đặng Dung, các lãnh tụ yêu nước thời cận đại như: Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu... và biết bao những người con ưu tú khác của dân tộc Việt Nam.

Ngay ở mảnh đất Kim Liên cũng đã xuất hiện biết bao những tấm gương anh hùng trong chống Pháp như: Vương Thúc Mậu, Nguyễn Sinh Quyến, Vương Thúc Quý... cả chị và anh của Nguyễn Tất Thành cũng đều tham gia hoạt động trong phong trào yêu nước, chống Pháp bị bắt giam và lưu đày nhiều năm.

Từ nhỏ, Nguyễn Tất Thành đã đau xót chứng kiến cuộc sống nghèo khổ, bị đàn áp, bị bóc lột cùng cực của đồng bào mình ngay trên mảnh đất quê hương. Những năm ở Huế, Anh đã tận mắt nhìn thấy tội ác của bọn thực dân và thái độ ươn hèn, bạc nhược của quan lại Nam Triều. Tất cả đã thôi thúc Anh phải ra đi tìm con đường mới để cứu dân, cứu nước. Gia đình, quê hương đã chuẩn bị cho Anh nhiều mặt, đã góp phần hun đúc nên nhân cách, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Hoàn cảnh đất nước

Giữa thế kỷ XIX, Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập đã bị thực dân Pháp xâm lược, trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam không có tự do, đã không ngừng nổi dậy chống lại chúng, song các phong trào kháng chiến đều bị dìm trong biển máu.

Thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa, khiến cho xã hội Việt Nam biến đổi về nhiều mặt. Từ đó, xã hội Việt Nam có sự phân hóa giai cấp sâu sắc, hình thành giai cấp công nhân, giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản. Sự ra đời các giai cấp, tầng lớp mới đã tạo ra những tiền đề bên trong cho phong trào yêu nước giải phóng dân tộc vào đầu thế kỷ XX.

Cùng vào thời điểm đó, chịu ảnh hưởng của trào lưu cải cách ở Nhật Bản, Trung Quốc tràn vào Việt Nam, phong trào yêu nước của nhân dân ta chuyển sang xu hướng dân chủ tư sản. Tiêu biểu cho các phong trào yêu nước theo xu hướng dân chủ tư sản đó là phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân, Việt Nam Quang Phục Hội... Nhưng các phong trào ấy cũng chỉ rộ lên được một thời gian ngắn rồi lần lượt bị dập tắt,

một phần vì chưa lôi cuốn, tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân, phần khác vì các phong trào đó chủ yếu do các sĩ phu phong kiến truyền bá và dẫn dắt nên không tránh khỏi hạn chế và thất bại.

Sau thất bại của phong trào Cần Vương, Văn Thân, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng về đường lối. Phong trào cứu nước của nhân dân ta muốn giành được thắng lợi phải đi theo một con đường mới.

- Bối cảnh thời đại

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tình hình thế giới cũng có những biến chuyển to lớn.

Chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn độc quyền, đã xác lập quyền thống trị của chúng trên phạm vi toàn thế giới. Trên thế giới xuất hiện mâu thuẫn mới của thời đại, mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa đế quốc đã trở thành kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa.

Chủ nghĩa Mác ra đời và thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đã mở ra thời đại mới trong lịch sử loài người. Chính cuộc cách mạng vĩ đại này đã làm "thức tỉnh các dân tộc châu Á".

Cuộc cách mạng vô sản ở nước Nga thành công đã nêu một tấm gương sáng về sự giải phóng các dân tộc bị áp bức, "mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc".

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, Quốc tế Cộng sản được thành lập (3-1919) để chỉ đạo phong trào đấu

tranh của giai cấp vô sản toàn thế giới. Vì vậy, phong trào công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phương Đông có quan hệ mật thiết với nhau hơn trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Ở châu Á, trừ Nhật Bản là nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa còn lại hầu hết các nước đều là nước thuộc địa, phụ thuộc của các nước đế quốc, do vậy phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước châu Á đầu thế kỷ XX diễn ra sôi nổi ở nhiều nước, song cuối cùng các phong trào cũng lần lượt thất bại, bế tắc.

Trong bối cảnh lịch sử chung của dân tộc và thời đại, Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh đã xuất hiện, đáp ứng đòi hỏi bức thiết của dân tộc và thời đại.

b. Nguồn gốc tư tưởng - lý luận

- Truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam

Việt Nam là dân tộc có nền văn hóa lâu đời, được hình thành và phát triển qua hàng ngàn năm lịch sử, có bản sắc riêng, trở thành nguồn nuôi dưỡng tinh thần, nguồn sống mãnh liệt giúp cho dân tộc chiến thắng âm mưu đồng hóa của mọi kẻ thù xâm lược.

Thứ nhất, đó là chủ nghĩa yêu nước và ý chí bất khuất trong đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Yêu nước là một trong những truyền thống cơ bản, sâu sắc, nổi bật của con người Việt Nam, được thể hiện qua nhiều thế hệ từ xưa tới nay, là dòng chủ lưu chảy xuyên suốt trường kỳ lịch sử Việt Nam, là chuẩn mực cao nhất, đứng đầu bảng giá trị văn hóa - tinh thần Việt

Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"[1].

Ngay từ nhỏ, Nguyễn Tất Thành đã sớm tiếp thu truyền thống yêu nước của dân tộc. Chính sức mạnh truyền thống ấy đã thúc giục Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Đó là động lực chi phối mọi suy nghĩ, hành động của Người trong suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng. Người đã viết: "Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"[2].

Thứ hai, là tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái. Truyền thống này được hình thành xuất phát từ hoàn cảnh và nhu cầu đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên và với giặc ngoại xâm của dân tộc. Người Việt Nam sống gắn bó, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau trong tình làng nghĩa xóm, tắt lửa tối đèn có nhau. Truyền thống này là cơ sở hình thành nên nhân cách, tư tưởng nhân văn, đạo đức, đoàn kết Hồ Chí Minh.

Thứ ba, là truyền thống lạc quan yêu đời. Trong cuộc sống người Việt Nam luôn gặp muôn vàn khó khăn, gian khổ, hiểm nguy nhưng vẫn động viên nhau "chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo". Tinh thần lạc quan đó là cơ sở hình thành niềm tin và sức mạnh của bản thân mình, tin vào sự tất thắng của chân lý, chính

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.6, tr.171.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.10, tr.128.

nghĩa, dù trước mắt còn đầy gian truân khổ ải, phải chịu đựng, vượt qua. Hồ Chí Minh chính là hiện thân của truyền thống lạc quan đó.

Thứ tư, truyền thống cần cù, dũng cảm, thông minh sáng tạo trong sản xuất và chiến đấu. Dân tộc Việt Nam hình thành và phát triển trong điều kiện hoàn cảnh tự nhiên và xã hội không ít những khó khăn, khắc nghiệt ngay từ buổi đầu dựng nước và giữ nước. Để tồn tại và phát triển, người Việt Nam từ thế hệ này đến thế hệ khác đã phải lao động cần mẫn phải chiến đấu anh dũng kiên cường và trí thông minh sáng tạo. Đó là truyền thống tốt đẹp góp phần tạo nên bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam. Hồ Chí Minh kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp đó.

- Tinh hoa văn hóa nhân loại

Cùng với tinh hoa văn hóa dân tộc, Hồ Chí Minh còn tiếp thu có chọn lọc, kế thừa và phê phán tinh hoa văn hóa của nhân loại đó là văn hóa phương Đông, phương Tây để làm giàu trí tuệ, hình thành nhân cách, tư tưởng của mình.

Văn hóa phương Đông

Tư tưởng Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo đã có ảnh hưởng lớn tới Hồ Chí Minh.

Về Nho giáo, ngay từ nhỏ Nguyễn Tất Thành đã có vốn tri thức về Hán học khá phong phú. Vì vậy, Người biết chắt lọc lấy những gì tinh tuý nhất trong tư tưởng Nho giáo. Đó là các triết lý hành động, tư tưởng nhập thế hành đạo, giúp đời, là ước vọng về một xã hội bình trị, hòa mục, hòa đồng, là triết lý nhân sinh, tu thân dưỡng tính, đề cao văn hóa, lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học... Ở Nho giáo, Hồ Chí Minh cũng thấy được mặt hạn chế của

nó như yếu tố duy tâm, lạc hậu, phản động: tư tưởng đẳng cấp, coi thường phụ nữ... để loại bỏ và khắc phục.

Về Phật giáo, mặc dù còn những yếu tố duy tâm, huyền bí song Phật giáo có nhiều mặt tích cực ảnh hưởng sâu sắc tới hình thành nhân cách, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân, là nếp sống có đạo đức, trong sạch, giản dị, chăm lo làm việc thiện, là tinh thần bình đẳng, dân chủ chất phác, chống phân biệt đẳng cấp, đề cao lao động, chống lười biếng, là chủ trương sống không xa lánh việc đời mà gắn bó với dân, với nước, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh của nhân dân chống kẻ thù của dân tộc...

Tư tưởng Lão giáo với thuyết "vô vi" đã ảnh hưởng tới hình thành nhân cách Hồ Chí Minh, đó là sống luôn lạc quan, yêu đời, yêu thiên nhiên, cỏ cây, sông núi... đó là những nét đẹp ở Hồ Chí Minh, một con người bình dị mà thanh cao.

Đến khi trở thành người mácxít, Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục tìm hiểu về *chủ nghĩa Tam dân* của Tôn Trung Sơn và tìm thấy trong đó "những điều thích hợp với điều kiện nước ta".

Là người mácxít tỉnh táo và sáng suốt, Hồ Chí Minh đã biết khai thác những yếu tố tích cực của tư tưởng và văn hóa phương Đông để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của nước ta. Người đã dẫn lời của Lênin: "Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại".

Văn hóa phương Tây

Ba mươi năm sống, lao động và học tập ở nước ngoài, Hồ

Chí Minh đã chịu ảnh hưởng rất sâu rộng của *nền văn hóa dân chủ và cách mạng của phương Tây*. Ngay từ khi còn học ở Trường Tiểu học Đông Ba, rồi vào học Trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành đã làm quen với văn hóa Pháp, những tư tưởng tiến bộ của cách mạng Pháp về "Tự do, Bình đẳng, Bác ái" đã ảnh hưởng mạnh đến Người và là một trong những yếu tố tác động tới hướng đi tìm đường cứu nước của Người.

Những năm tháng sống ở Pháp, ở Mỹ, ở Anh, Hồ Chí Minh đã có điều kiện để tìm hiểu, nghiên cứu và trực tiếp trải nghiệm qua các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội ở đây. Người đã tiếp thu các giá trị về quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của *Tuyên ngôn độc lập* nước Mỹ năm 1776, các giá trị của bản *Tuyên ngôn nhân quyền, dân quyền* của Đại cách mạng Pháp. Người đã trực tiếp tìm hiểu tư tưởng dân chủ qua các tác phẩm của các nhà khai sáng như Vônte, Rútxô, Môngtexkiơ... Cùng với những hoạt động thực tiễn phong phú, sôi nổi của mình, Hồ Chí Minh đã hấp thụ được tư tưởng dân chủ và hình thành phong cách dân chủ của mình trong cuộc sống.

Tóm lại, trên hành trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tự biết làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn trí tuệ của thời đại. Đông và Tây vừa tiếp thu, vừa gạn lọc để từ tầm cao tri thức nhân loại mà suy nghĩ, lựa chọn, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển.

- Chủ nghĩa Mác-Lênin

Với hành trang giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc cùng với giá trị văn hóa của nhân loại, Hồ Chí Minh đã có điều kiện đến và thâu nhận một cách tự nhiên, bằng cả lý trí và

tình cảm, học thuyết giải phóng con người triệt để nhất của thời đại là chủ nghĩa Mác-Lênin. Chủ nghĩa Mác-Lênin mang lại thế giới quan và phương pháp luận khoa học cách mạng cho Hồ Chí Minh, để trên cơ sở đó Người đánh giá, phân tích các học thuyết đương thời và tổng kết thực tiễn đúc rút lý luận và hình thành nên một hệ thống những quan điểm cơ bản về cách mạng Việt Nam, hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Vì vậy, chủ nghĩa Mác-Lênin chính là một nguồn gốc lý luận, là cơ sở chủ yếu nhất hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh, chính là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong thời đại mới.

Trên cơ sở năng lực và trí tuệ cao, từ những nhận thức ban đầu về chủ nghĩa Lênin, Hồ Chí Minh đã tiến dần tới những nhận thức "lý tính", trở lại nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin sâu sắc hơn, để rồi tiếp thu học thuyết Mác-Lênin một cách có chọn lọc, không rập khuôn máy móc, không sao chép giáo điều. Người tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin theo phương pháp mácxít, cốt nắm lấy cái tinh thần, cái bản chất. Người vận dụng lập trường quan điểm, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam, chứ không đi theo những kết luận sẵn có trong sách vở. Chủ nghĩa Mác-Lênin được Hồ Chí Minh coi đó "là cái cẩm nang thần kỳ, là kim chỉ nam mà còn là ánh sáng mặt trời soi đường chúng ta đi đến thắng lợi cuối cùng, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản", và Người khẳng định: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân

chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"[1].

Như vậy, các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc đã được nâng lên tầm thế giới với việc thâu nhận tinh hoa văn hóa của nhân loại và chủ nghĩa Mác-Lênin đã hình thành và tạo ra bước phát triển mới phù hợp với tiến hóa của nhân loại trong thời đại mới của tư tưởng Hồ Chí Minh.

c. Nguồn gốc thực tiễn

- Thực tiễn cuộc sống và hoạt động ở trong nước.

Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong bối cảnh nước mất nhà tan, được trực tiếp chứng kiến cảnh đế quốc Pháp cùng bè lũ tay sai áp bức bóc lột đồng bào ta. Thảm kịch ở Cửa Rào rồi những cảnh trái ngược ở Huế đã gây ấn tượng mạnh, khơi dậy tình thương yêu sâu sắc đối với đồng bào mình. Đặc biệt khi phải chứng kiến sự đàn áp của thực dân Pháp và tay sai đối với cuộc biểu tình chống sưu thuế ở Trung Kỳ (4-1908) mà chính Người đã từng tham gia, đã gây cho Người nhiều suy nghĩ, vì sao phong trào lại thất bại. Đó cũng là cơ sở thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân.

Từ năm 1941 đến năm 1969, Hồ Chí Minh về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam: đấu tranh giành chính quyền, bảo vệ và xây dựng chính quyền, tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Đây chính là cơ sở thực tiễn phong phú, sinh động để hình thành, phát triển tư tưởng của Người.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.2, tr.268.

- Thực tiễn cuộc sống và hoạt động trên thế giới.

Ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã đặt chân đến nhiều nước trên thế giới trong đó có các nước thuộc địa, các nước tư bản, nước đế quốc và nước xã hội chủ nghĩa, được chứng kiến cuộc sống của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và tầng lớp thượng lưu của giai cấp tư sản, đã hình thành tư tưởng ban đầu ở Hồ Chí Minh là: chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân la nguyên nhân gây đau khổ cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Vì vậy, muốn có độc lập tự do phải đoàn kết quốc tế rộng rãi để cùng nhau tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc.

Những năm tháng sống ở nước Anh, nước Pháp (1914-1923), Người tích cực tham gia vào các hoạt động chính trị, văn hóa, khoa học, nghệ thuật đa dạng (như Hội những người lao động hải ngoại, Hội nghệ thuật và khoa học, câu lạc bộ Phôbua, Đảng Xã hội Pháp, Đảng Cộng sản Pháp, Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa...). Qua đó, giúp Người mở rộng tầm nhìn, tầm hiểu biết, phát triển trí tuệ của mình.

Từ năm 1923, Người đến Liên Xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, chứng kiến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở đây, Người tham dự nhiều Hội nghị quốc tế quan trọng và được nhận công tác trong Ban Phương Đông, Quốc tế Cộng sản.

Những năm 1924-1930, hoạt động ở Trung Quốc, Thái Lan, ở đây Nguyễn Ái Quốc đào tạo cán bộ, xúc tiến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Như vậy, thực tiễn phong phú, sinh động đã đem lại cho Hồ Chí Minh vốn sống, vốn kinh nghiệm, vốn hiểu biết phong phú

về nhiều mặt. Thực tiễn ấy là cơ sở làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành và phát triển ngày càng phong phú, toàn diện. Nó là kết quả tác động biện chứng giữa nhận thức và hoạt động, lý luận và thực tiễn. Vì vậy mà tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng tiếp cận với chân lý cuộc sống, tư tưởng của Người ngày càng nâng cao tính chất cách mạng và khoa học.

2. Nhân tố chủ quan

Năng lực của bản thân Hồ Chí Minh là yếu tố quyết định trực tiếp đến việc hình thành tư tưởng của Người.

Cùng thời với Hồ Chí Minh, nhiều nhà yêu nước tiền bối cũng đã có những quan sát, nhưng họ chưa nhận thấy hoặc nhận thức chưa đúng về sự thay đổi của dân tộc và thời đại. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh khám phá các quy luật vận động xã hội, đời sống văn hóa và cuộc đấu tranh của các dân tộc trong hoàn cảnh cụ thể để khái quát thành lý luận, đem lý luận chỉ đạo thực tiễn và được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Nhờ vào con đường nhận thức chân lý như vậy mà lý luận Hồ Chí Minh mang giá trị khách quan, cách mạng, khoa học.

Có được điều đó trước hết là nhờ vào tài năng, trí tuệ siêu việt của Hồ Chí Minh. Tài năng đó được biểu hiện trước hết ở trí thông minh sắc sảo, ở tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, cùng với đầu óc phê phán tỉnh tường, sáng suốt trong việc nhận xét, đánh giá các sự vật hiện tượng xung quanh.

Tài năng còn được biểu hiện ở Hồ Chí Minh là người có tầm nhìn chiến lược, bao quát thời đại. Để trở thành nhà lý luận tiên phong, có khả năng đi trước phong trào, giải quyết trước những

vấn đề về đường lối chiến lược, sách lược... mà phong trào đang vướng mắc nhằm thúc đẩy phong trào tiến lên, đòi hỏi nhà lý luận phải có tầm nhìn chiến lược, bao quát thời đại.

Tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh là kết quả của sự nắm vững và vận dụng sáng tạo lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời trên cơ sở vốn văn hóa Đông - Tây sâu sắc, vốn tri thức lịch sử và thực tiễn rộng lớn, Người đã kiên trì học tập, từng bước vươn lên đỉnh cao của trí tuệ thời đại để có được tầm nhìn xa, trông rộng, bao quát thời đại. Vì vậy, những quan điểm của Người luôn đúng đắn, cách mạng, khoa học.

Ở Hồ Chí Minh còn có những phẩm chất vô cùng cao đẹp: có bản lĩnh kiên định, có lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, luôn tin vào nhân dân, khiêm tốn, bình dị, ham học hỏi. Chính vì thế mà Hồ Chí Minh là người có khả năng cảm hóa đối với mọi người, được cả dân tộc và bạn bè quốc tế tin yêu, kính trọng.

Phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh còn biểu hiện ở việc khổ công học tập để chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức nhân loại, là tâm hồn của một nhà yêu nước chân chính, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành cách mạng, sẵn sàng chịu đựng hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân.

Chính những tài năng, phẩm chất cá nhân hiếm có đó đã quyết định việc Hồ Chí Minh tiếp nhận, chọn lọc, chuyển hóa, phát triển những tinh hoa của dân tộc và thời đại thành tư tưởng đặc sắc của mình.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh có cội nguồn và được hình thành từ các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn

hóa của nhân loại mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác-Lênin thông qua hoạt động trí tuệ và thực tiễn của Người.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Là một hệ thống các quan điểm cơ bản, toàn diện về cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành qua quá trình tìm tòi, xác lập, phát triển và hoàn thiện gắn liền với tiến trình lịch sử của dân tộc, của nhân loại và sự vận động của lịch sử trong thời đại mới. Tiến trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện qua các giai đoạn lịch sử sau đây.

1. Giai đoạn 1890-1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng

Đây là giai đoạn Nguyễn Tất Thành tiếp nhận giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc đó là chủ nghĩa yêu nước và nhân văn Việt Nam trong môi trường gia đình, quê hương, đất nước. Người cũng được tiếp nhận tinh hoa văn hóa phương Đông qua nền giáo dục Nho giáo Việt Nam và bước đầu tiếp xúc với văn hóa phương Tây qua quá trình học tập ở nhà trường. Được chứng kiến cuộc sống khổ cực, điêu đứng của một dân tộc nô lệ và tinh thần đấu tranh bất khuất của cha ông, điều đó đã sớm hình thành trong Nguyễn Tất Thành tư tưởng yêu nước, thương dân.

Phát huy truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc, truyền thống tốt đẹp của gia đình, quê hương, với sự nhạy cảm đặc biệt về chính trị, Hồ Chí Minh đã sớm nhận ra hạn chế của

những người đi trước. Người nhận ra rằng, không thể theo con đường của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Hoàng Hoa Thám... Người từ chối Đông Du không phải vì đã hiểu bản chất của đế quốc Nhật, mà chỉ cảm thấy rằng: không thể dựa vào nước ngoài để giải phóng Tổ quốc, như thế chẳng khác gì: "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau". Hay tư tưởng "ỷ Pháp cầu tiến bộ" chẳng qua chỉ là việc: "cầu xin Pháp rủ lòng thương"... Nguyễn Tất Thành đã tự định ra cho mình một hướng đi mới: sang phương Tây tìm hiểu cho rõ bản chất của những từ tự do, bình đẳng, bác ái và xem xét họ làm thế nào sau đó trở về giúp cho đồng bào mình.

Bằng trí tuệ và sự mẫn cảm, với hoài bão lớn lao Nguyễn Tất Thành đã quyết định ra đi tìm con đường cứu nước mới.

2. Giai đoạn 1911-1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc sang phương Tây tìm đường cứu nước. Người đã đi qua nhiều nước thuộc địa, nước tư bản, đế quốc ở khắp các châu lục. Người đã xúc động trước cảnh khổ cực bị áp bức của những người dân lao động và nhận thấy ở đâu nhân dân cũng mong muốn thoát khỏi áp bức bóc lột.

Với lòng yêu nước nồng nàn, Nguyễn Tất Thành đã kiên trì chịu đựng mọi khó khăn, gian khổ. Người chú ý xem xét, nghiên cứu tình hình các nước và các cuộc cách mạng đã diễn ra trên thế giới, suy nghĩ về những điều mắt thấy tai nghe, đồng thời Người tích cực học tập, hăng hái tham gia các hoạt động thực tiễn để không ngừng nâng cao sự hiểu biết của mình. Năm 1919, tại

Pháp. Người cùng một nhóm người Việt Nam yêu nước đã viết bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi tới Hội nghị Vécxây, đòi Chính phủ Pháp các quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Bản yêu sách không được Hội nghị quan tâm tới. Chính điều đó tạo cho Nguyễn Ái Quốc hình thành tư tưởng mới đó là muốn có được độc lập, tự do không thể trông chờ vào chủ nghĩa đế quốc mà các dân tộc thuộc địa phải tự đứng lên giải phóng cho mình.

Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc được *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin. Người đã: "Cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng... vui mừng đến phát khóc lên...". Luận cương của Lênin đã chỉ ra cho Người con đường giành độc lập dân tộc và tự do cho đồng bào, đáp ứng những tình cảm, suy nghĩ, hoài bão được ấp ủ bấy lâu nay ở Người.

Tháng 12-1920, Nguyễn Ái Quốc đã biểu quyết tán thành đi theo Quốc tế III, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Người đã trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, đánh dấu sự chuyển biến về chất trong tư tưởng của Người, từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước trở thành người cộng sản.

3. Giai đoạn 1921-1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam

Đây là giai đoạn hoạt động thực tiễn và lý luận sôi nổi, phong phú của Nguyễn Ái Quốc để tiến tới thành lập chính đảng cách mạng ở Việt Nam. Người hoạt động ở Pháp (1921-1923), ở Liên Xô (1923-1924), ở Trung Quốc (1924-1927), ở

Thái Lan (1928-1929). Đây cũng là thời gian mà Nguyễn Ái Quốc thông qua các tác phẩm có giá trị của mình, như: *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), *Đường cách mệnh* (1927), *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt* (1930) của Đảng. Những tác phẩm đó là sự phát triển và hoàn thiện tư tưởng về cách mạng giải phóng dân tộc của Người, chứa đựng những nội dung cơ bản sau:

- Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới, phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Giải phóng dân tộc phải gắn liền với giải phóng nhân dân lao động, giải phóng giai cấp công nhân.

- Cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có quan hệ khăng khít với nhau, nhưng không lệ thuộc vào nhau. Cách mạng giải phóng dân tộc có thể chủ động nổ ra giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

- Cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa trước hết là một cuộc "dân tộc cách mệnh", đánh đuổi ngoại xâm giành độc lập, tự do.

- Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp của toàn dân vì vậy cần xây dựng khối liên minh công nông làm động lực, đồng thời cần phải thu hút, tập hợp rộng rãi các giai cấp xã hội khác vào trận tuyến đấu tranh chung của dân tộc.

- Cách mạng muốn thành công trước hết phải có Đảng lãnh đạo. Đảng phải theo chủ nghĩa Mác-Lênin và phải có đội ngũ cán bộ sẵn sàng hi sinh, chiến đấu vì lý tưởng của Đảng vì lợi ích và sự tồn vong của dân tộc.

4. Giai đoạn 1930-1941: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng

Do không nắm được tình hình thực tế các thuộc địa ở phương Đông và Việt Nam, lại bị chi phối bởi quan điểm "tả" khuynh đang ngự trị lúc bấy giờ, Quốc tế Cộng sản đã chỉ trích và phê phán đường lối của Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra trong Hội nghị thứ nhất. Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 của Đảng ta, theo chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, đã ra Nghị quyết "thủ tiêu Chánh cương, Sách lược vắn tắt của Đảng" và đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

Trên cơ sở xác định chính xác con đường cần phải đi của cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã kiên trì bảo vệ quan điểm của mình về vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, về cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản, chống lại những biểu hiện "tả" và biệt phái trong Đảng.

Khi nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới mới đang đến gần, Đại hội VII Quốc tế Cộng sản đã có sự phê bình về xu hướng "tả", cô độc, biệt phái, bỏ rơi mất ngọn cờ dân tộc, dân chủ. Đại hội có sự chuyển hướng về sách lược, chủ trương thành lập *Mặt trận dân chủ chống phát xít*. Sự chuyển hướng đấu tranh của Quốc tế Cộng sản đã chứng tỏ quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về cách mạng Việt Nam, về tập trung mũi nhọn vào chống chủ nghĩa đế quốc là hoàn toàn đúng đắn.

Trước khi về nước, trong thời gian còn hoạt động ở nước ngoài, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vẫn luôn theo dõi tình hình trong nước, kịp thời có những chỉ đạo để cách mạng Việt Nam tiếp tục tiến lên. Khi tình hình thế giới có những biến động mới, Người

đã chủ động đề nghị Quốc tế Cộng sản cho về nước hoạt động.

5. Giai đoạn 1941-1969: Giai đoạn tư tưởng phát triển và hoàn thiện

Sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, ngày 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc. Người đã chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ tám (từ ngày 10 đến 19-5-1941) tại Pắc Bó (Cao Bằng). Những quan điểm của Người được thông qua tại hội nghị này có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta, dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh được tiếp tục phát triển đáp ứng tình hình mới, nhiệm vụ cách mạng mới. Đó là những quan điểm về xây dựng nhà nước dân chủ mới ở nước ta, về những vấn đề chính trị đối nội, đối ngoại, về xây dựng kinh tế, văn hóa, con người mới... để bảo vệ thành quả của cách mạng.

Khi thực dân Pháp quay lại hòng xâm lược nước ta một lần nữa, Hồ Chí Minh cùng Đảng đề ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, tư tưởng về xây dựng Đảng vững mạnh, về xây dựng nền văn hóa mới, đạo đức mới đảm bảo thực lực vững mạnh cho kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi.

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, nhưng đất nước vẫn bị chia cắt bởi âm mưu gây chiến, xâm lược của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Đứng trước yêu cầu

mới của sự nghiệp cách mạng, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng đã sớm xác định đường lối cách mạng chung cả nước là: tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, miền Bắc làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Những quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh cách mạng ở miền Nam đã dẫn dắt nhân dân ta giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta bản *Di chúc* thiêng liêng, chỉ rõ sự tất thắng của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, tổng kết những bài học của cách mạng Việt Nam và chỉ ra những phương hướng lớn để xây dựng đất nước sau chiến tranh nhằm thực hiện cho được mục tiêu "xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới". Thực hiện *Di chúc* của Người, Đảng đã lãnh đạo nhân dân hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam, thống nhất Tổ quốc đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành và phát triển đáp ứng đòi hỏi của lịch sử dân tộc và nhân loại trong thời đại mới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, thắng lợi của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới đã khẳng định giá trị nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam. Đây là tài sản tinh thần vô cùng quý giá của Đảng và dân tộc ta.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh?

2. Phân tích nguồn gốc truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh?

3. Chứng minh chủ nghĩa Mác-Lênin là nguồn gốc quyết định nhất hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh?

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành, phát triển trong các giai đoạn 1890-1911; 1911-1920 và 1921-1930?

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành và phát triển trong giai đoạn 1941-1969?

Chương 3

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Dân tộc là một vấn đề rộng lớn. C.Mác và Ph.Ăngghen không đi sâu giải quyết vấn đề dân tộc vì tại Tây Âu trong thời kỳ đó, vấn đề dân tộc về căn bản đã được giải quyết cùng với cách mạng tư sản. Mặc dù vậy, hai ông đã để lại nhiều quan điểm cơ bản có tính chất phương pháp luận giúp cho việc nhận thức và giải quyết những vấn đề về nguồn gốc, bản chất của dân tộc.

Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, cách mạng giải phóng dân tộc trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, V.I.Lênin đã phát triển vấn đề dân tộc thành một hệ thống lý luận, chính những tư tưởng của V.I.Lênin là nguồn gốc lý luận ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành và phát triển tư duy cách mạng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và về cách mạng giải phóng dân tộc.

Vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất là vấn đề dân tộc thuộc địa, là vấn đề đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa nhằm thủ tiêu sự thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc, xoá bỏ ách áp bức, bóc lột của thực dân, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập nhà nước dân tộc độc lập.

1. Quyền dân tộc

a. Quyền độc lập, tự do

Đây là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc. Độc lập, tự do là khát vọng chi phối mọi suy nghĩ, hành động của Hồ Chí Minh: "ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"[1].

Theo Hồ Chí Minh, độc lập ở đây là độc lập thực sự, độc lập hoàn toàn, không phải độc lập giả hiệu. Độc lập trong hòa bình chân chính, hòa bình trong độc lập, tự do. Độc lập thực sự phải được thể hiện ở các nội dung cơ bản: Đó là độc lập về mọi mặt bao gồm đầy đủ về chủ quyền quốc gia, về chính trị, về kinh tế, an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ...

Độc lập thực sự phải gắn với quyền tự quyết dân tộc. Nền độc lập thực sự và độc lập hoàn toàn phải được thực hiện một cách triệt để theo nguyên tắc: Nước Việt Nam của người Việt Nam, mọi vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia đều do nhân dân Việt Nam tự giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài và nhân dân Việt Nam cũng quyết không chấp nhận bất cứ sự can thiệp nào; mọi sự ủng hộ và giúp đỡ Việt Nam đấu tranh cho độc lập, tự do đều được hoan nghênh và ghi ơn; mọi sự áp đặt xâm phạm chủ quyền quốc gia đều bị chối từ, gạt bỏ. Độc lập phải được thể hiện ở cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân, "ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành".

Tuy nhiên, để có được độc lập, tự do và bình đẳng thực sự

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.161.

không phải bằng con đường cầu xin mà có được mà phải trải qua quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ.

Trong *Chánh cương vắn tắt*, *Sách lược vắn tắt* và *Điều lệ vắn tắt* của Đảng được thông qua tại Hội nghị hợp nhất Đảng Cộng sản Việt Nam (1930) đã xác định: "a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập"[1].

Năm 1945, khi thời cơ cách mạng chín muồi, Người khẳng định quyết tâm: Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hi sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải cương quyết giành cho được độc lập.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (19-12-1946), Hồ Chí Minh khẳng định ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc của nhân Việt Nam: "Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"[2]. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu cao quyết tâm "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", khẩu hiệu đó đã trở thành chân lý bất hủ, là mục tiêu chiến đấu, nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là nguồn động viên đối với các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

b. Quyền bình đẳng dân tộc

Quyền bình đẳng dân tộc thể hiện quyền ngang hàng của một dân tộc với các dân tộc khác về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao... Không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.3, tr.1.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.480.

lợi. Hồ Chí Minh phê phán chủ nghĩa đế quốc thực hiện chính sách xâm lược, biến nhiều dân tộc châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh thành thuộc địa. Tạo ra sự đối lập, sự bất bình đẳng lớn nhất trong lịch sử nhân loại giữa các dân tộc đi áp bức và các dân tộc bị áp bức.

Năm 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã gửi đến Hội nghị Vécxây bản *Bản yêu sách* 8 điểm, đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân An Nam.

Thứ nhất, đòi quyền bình đẳng về chế độ pháp lý cho người bản xứ Đông Dương như đối với người châu Âu, được thể hiện ở điểm thứ 2: "Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xoá bỏ hoàn toàn* các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam"[1].

Thứ hai, đòi các quyền tự do dân chủ tối thiểu cho nhân dân (tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội và hội họp, tự do cư trú...).

Quyền bình đẳng dân tộc còn được Người khẳng định rõ trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2-9-1945): "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"[2]. Từ quyền mỗi con người, Hồ Chí Minh

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr. 435.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.3, tr.555.

nâng lên thành quyền của các dân tộc, suy rộng ra: "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"[1]. Đây là chân lý hiển nhiên, bất di, bất dịch của các dân tộc.

Theo Hồ Chí Minh, các dân tộc muốn có bình đẳng thực sự phải tự đứng lên đánh đuổi chủ nghĩa đế quốc, vạch trần bản chất xâm lược của nó với chiêu bài "khai hóa văn minh", đồng thời xóa bỏ những đặc quyền đặc lợi mà chủ nghĩa đế quốc đã gây ra cho các dân tộc thuộc địa.

2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

Vấn đề dân tộc bao giờ cũng gắn với vấn đề giai cấp, từ khi có dân tộc, đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp bao giờ cũng có quan hệ mật thiết với nhau. Trong mỗi thời đại lịch sử nhất định, mỗi dân tộc đều do một giai cấp làm đại biểu. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản không tách rời với dân tộc; ngay từ đầu nó đã gắn với dân tộc và mang tính chất dân tộc "... giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc"[2].

Thời đại Lênin, khi chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một hệ thống thế giới, cách mạng giải phóng dân tộc trở thành bộ phận của cách mạng vô sản, Lênin mới phát triển vấn đề dân tộc thành học thuyết về cách mạng thuộc địa. Khẩu hiệu của Mác được bổ sung: "Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức,

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.3, tr.555.

[2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.626-628.

đoàn kết lại!". Đúng như Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Lênin đã đặt tiền đề cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa"[1].

Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong tư tưởng Hồ Chí Minh là mối quan hệ biện chứng, gắn bó chặt chẽ, thống nhất với nhau. Giải phóng dân tộc là trên hết và trước hết, là điều kiện, là tiền đề để giải phóng giai cấp.

Đối với các dân tộc thuộc địa phương Đông, "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước"[2]. Theo Người, trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, "người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ"[3]. Cần lưu ý là chủ nghĩa dân tộc mà Nguyễn Ái Quốc nói đến ở đây được hiểu là chủ nghĩa dân tộc chân chính, khác với những chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi hay chủ nghĩa dân tộc sôvanh.

Đối với Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng Việt Nam là một nước thuộc địa nửa phong kiến, mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa đế quốc là mâu thuẫn cơ bản cần được giải quyết hơn bao giờ hết. Do đó, chỉ có thể giải quyết vấn đề dân tộc mới giải phóng được giai cấp. Quyền lợi dân tộc và giai cấp là thống nhất, quyền lợi dân tộc không còn, thì quyền lợi mỗi giai cấp, mỗi bộ phận trong dân tộc cũng không thể thực hiện được.

Hồ Chí Minh, từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, đã nhận thức được mối quan hệ chặt chẽ giữa dân

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.2, tr.136.

[2, 3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr.466, 467.

tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lựa chọn cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Người nêu rõ, các nước thuộc địa phương Đông không phải làm ngay cách mạng vô sản, mà trước hết giành độc lập dân tộc. Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Điều này vừa phản ánh được quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản, vừa phản ánh được mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Tư tưởng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở việc vạch rõ và chỉ đạo việc thực hiện con đường giành được độc lập mà xa hơn là nó tìm thấy tính hiện thực trong dự báo của Mác về xã hội mới trong đó "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện tự do cho tất cả mọi người" và triển khai trong hiện thực con đường đem lại sự giải phóng và hạnh phúc cho toàn thể xã hội, nhân dân.

3. Mối quan hệ giữa dân tộc Việt Nam với các quốc gia dân tộc khác trên thế giới

Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, bắt gặp chân lý của thời đại. Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và tìm thấy con đường cách mạng Việt Nam trong quỹ đạo cách mạng vô sản. Vì vậy, ngay từ rất sớm Người đã nhận thức được giá trị sâu sắc của tư tưởng chiến lược này và đặt vấn đề phải "làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới đảm bảo cho giai cấp

công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng"[1].

Một trong những thành công của Hồ Chí Minh là đã giải quyết một cách đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác trên thế giới. Khi tìm thấy con đường cứu nước và trở thành người cộng sản, Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập của tất cả các dân tộc khác bị áp bức. Quan điểm của Người là: độc lập cho dân tộc mình đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc khác. Nêu cao tinh thần tự quyết, nhưng Hồ Chí Minh vẫn không quên nghĩa vụ quốc tế của mình trong việc đấu tranh giành độc lập cho các dân tộc thuộc địa trên thế giới với quan điểm "giúp bạn là tự giúp mình" và chủ trương phải bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp chung vào thắng lợi của cách mạng thế giới.

Nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta cũng như Hồ Chí Minh là được quan hệ bình đẳng, hữu nghị, hợp tác và cùng chung sống hòa bình với tất cả các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Tháng 1-1946, Hồ Chí Minh gửi điện tới Liên hợp quốc đề nghị công nhận nước Việt Nam độc lập, kết nạp Việt Nam vào Liên hợp quốc. Tháng 9-1947, trả lời nhà báo Mỹ S.Eli Mâysi, Hồ Chí Minh nêu rõ lập trường trong chính sách đối ngoại của nhà nước Việt Nam là "làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai"[2].

Tháng 1-1950, Người tuyên bố với các nước trên thế giới: "Căn cứ trên quyền lợi chung, Chính phủ Việt Nam Dân chủ

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.2, tr.124.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.220.

Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới"[1]. Sau tuyên bố trên của Hồ Chí Minh, Chính phủ các nước xã hội chủ nghĩa, các nước dân chủ đã lần lượt chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong quan điểm về các mối quan hệ quốc tế, Hồ Chí Minh đã luôn xem xét và giải quyết trên cơ sở của phép biện chứng mácxít, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, nên vừa đảm bảo được sự đúng đắn vừa tạo điều kiện để đưa cách mạng đến thành công.

Hồ Chí Minh nhất quán với quan điểm Việt Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của tất cả các quốc gia, kể cả quyền lựa chọn chế độ chính trị. "Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên Hợp quốc"[2].

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.6, tr.8.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.470.

Có thể nói, Hồ Chí Minh luôn quan tâm xây đắp mối quan hệ hữu nghị hợp tác lâu dài với các nước trên thế giới hướng tới một thế giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác lâu dài. Tuy nhiên, mối quan hệ đó phải dựa trên các nguyên tắc: Việt Nam không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia, dân tộc khác, đồng thời "kiên quyết chống hết thảy" những âm mưu, hành động, xâm phạm đến "quyền tự do độc lập" của dân tộc Việt Nam. Việt Nam thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế mà mình đã ký kết, đồng thời yêu cầu các nước trên thế giới tôn trọng và có trách nhiệm thực hiện trung thực các cam kết đã ký kết với Việt Nam; mọi tranh chấp giữa Việt Nam và các dân tộc khác, cũng như mọi vấn đề quốc tế, cần được giải quyết bằng thương lượng hòa bình.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

Nguyên nhân chính dẫn đến sự thất bại của các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở Việt Nam là do thiếu một đường lối và phương pháp đấu tranh đúng đắn trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một hệ thống thế giới. Hồ Chí Minh chứng kiến và rất khâm phục tinh thần dũng cảm của các nhà yêu nước tiền bối nhưng không tán thành con đường của họ. Người quyết tâm đi ra nước ngoài, "xem họ làm như thế nào để trở về giúp đồng bào chúng ta".

Tháng 7-1920, khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Người đã

tìm thấy ở chủ nghĩa Mác-Lênin con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, đặt cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đi theo quỹ đạo của cách mạng vô sản.

Sau những trải nghiệm, tìm tòi, Nguyễn Ái Quốc đã rút ra kết luận: "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*"[1]. Đó là một cuộc cách mạng triệt để, làm cho mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân, giành độc lập cho dân tộc và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Năm 1923, trong *Truyền đơn cổ động mua báo Le Paria*, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: "Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau"[2]. Con đường cứu nước theo lập trường giai cấp vô sản được khẳng định trong *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt*: làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản, con đường đó đáp ứng được yêu cầu của lịch sử dân tộc và nguyện vọng của toàn thể dân tộc.

Nội dung chủ yếu của con đường cách mạng vô sản theo quan điểm của Hồ Chí Minh là:

- Tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc và dần dần từng bước đi tới xã hội cộng sản.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.9, tr.314.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr.461.

- Lực lượng lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản.

- Lực lượng cách mạng là khối đoàn kết toàn dân, nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và lao động trí óc.

- Sự nghiệp cách mạng của Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, cho nên phải đoàn kết quốc tế.

2. Cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa phải do chính Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo

Chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ ra rằng, trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, chỉ khi nào giai cấp công nhân tự tổ chức ra chính đảng của mình để lãnh đạo cuộc đấu tranh mới có thể đảm bảo giành được thắng lợi trọn vẹn.

Từ thực tế phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX với nhiều hình thức tổ chức chính trị như Duy Tân hội, Việt Nam Quang phục hội, Tâm tâm xã, Việt Nam Quốc dân Đảng..., Hồ Chí Minh đã chỉ ra sự yếu kém về đường lối và tổ chức cũng như phương pháp tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ quần chúng. Các tổ chức đó còn thiếu và yếu, chưa vạch ra được đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn theo hệ tư tưởng tiên tiến của thời đại.

Hồ Chí Minh khẳng định vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Đảng cách mệnh, nhân tố đầu tiên, quyết định sự thắng lợi của cách mạng, Người chỉ rõ: "Công nông là gốc cách mệnh nhưng trước hết phải làm cho dân giác ngộ", "cách mệnh phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu", "cách mệnh phải hiểu phong

triều thế giới và bày sách lược cho dân". Nếu dân không được tổ chức thì như đũa "mỗi nơi một chiếc". Để thực hiện được điều đó thì trước hết phải có "Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi"[1].

Có thể nói, chỉ có Đảng mới giác ngộ, đoàn kết và tổ chức được dân chúng, mới giúp cho dân chúng hiểu được vì đâu mà họ bị áp bức bóc lột, giúp họ nhận thức rõ mục đích đấu tranh, chỉ cho họ con đường giải phóng và cũng chỉ có Đảng mới đoàn kết được quốc tế, kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, một nhân tố không thể thiếu được của sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn.

Để hoàn thành sứ mệnh của mình, một trong những yếu tố cơ bản là Đảng phải được xây dựng trên cơ sở lý luận khoa học đúng đắn, Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm cốt. Lý luận cách mạng đối với Đảng được Hồ Chí Minh ví như trí khôn của con người, bàn chỉ nam của con tàu. Người khẳng định: "Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"[2]. Đảng phải được xây dựng theo các nguyên tắc Đảng kiểu mới của Lênin. Đảng phải thường xuyên xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Hồ Chí Minh coi đây là "cái gốc của mọi công việc". Bởi thiếu đi cái gốc này thì Đảng cũng không thể "vững" mạnh được. Do đó, ngay trên trang đầu của tác phẩm *Đường cách mệnh*, Hồ Chí Minh đã đưa ra 23 điều về "Tư cách người cách mệnh". Người chỉ ra ba mối quan hệ: đối với mình, đối với người và đối với việc, trong

---

[1, 2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.2, tr.267-268, 268.

đó nhấn mạnh các chuẩn mực: cần kiệm, vị công vong tư, không hiếu danh, không kiêu ngạo, hi sinh, ít lòng ham muốn về vật chất, sẵn sàng hi sinh vì mục tiêu, lý tưởng của cách mạng.

3. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc là lực lượng của toàn dân

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã đưa những nguyên lý phổ biến về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử: quần chúng là người sáng tạo ra lịch sử, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Từ đó đi đến khẳng định: Sự nghiệp giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân kết hợp với lực lượng hùng hậu, đông đảo các giai cấp và tầng lớp nhân dân lao động lấy khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân làm nền tảng để đánh đuổi kẻ thù của giai cấp và của dân tộc giành thắng lợi cho cách mạng.

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn đó, vận dụng vào cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: "Cách mệnh là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc một hai người"[1]. Người phân tích "dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền"[2] do đó phải tập hợp đoàn kết đông đảo mọi giai cấp và tầng lớp nhân dân lại nhằm tạo ra sức mạnh to lớn quyết định thắng lợi của cách mạng.

Như vậy, lực lượng cách mạng là toàn thể dân tộc trong đó "dân chúng công nông là gốc cách mệnh"[3], là động lực cách

---

[1, 2, 3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.2, tr.261-262, 266, 274.

mạng. Xuất phát từ lý luận và việc đánh giá thái độ, địa vị của hai giai cấp trong xã hội thuộc địa nửa phong kiến cụ thể ở Việt Nam, nông dân chiếm hơn 95% dân số, Hồ Chí Minh xác định: động lực cách mạng giải phóng dân tộc là công nông. Vì nông dân ở các nước thuộc địa và ở Việt Nam chịu nhiều tầng áp bức của đế quốc và địa chủ phong kiến bị bần cùng hóa, cho nên họ luôn có ý thức phản kháng, chống áp bức và sẵn sàng tham gia cách mạng.

Mặc dù đánh giá cao vai trò của giai cấp nông dân, nhưng Hồ Chí Minh vẫn luôn khẳng định giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong của nó là Đảng Cộng sản.

Cùng với chính sách khai thác của thực dân Pháp, giai cấp công nhân Việt Nam ra đời vừa nhỏ bé về số lượng vừa non yếu về chất lượng, song nó có những đặc điểm chung của giai cấp công nhân quốc tế, đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến. Mặt khác, nó bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, vì vậy nó có tinh thần cách mạng triệt để. Đó là "giai cấp tiền tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất và tổ chức chặt chẽ nhất"[2]. Mặt khác, nó là giai cấp bị bóc lột cuối cùng trong lịch sử. Muốn giải phóng giai cấp công nhân phải giải phóng tất cả các giai cấp khác khỏi áp bức bóc lột cho nên nó là giai cấp duy nhất có khả năng lãnh đạo cách mạng Việt Nam đến thắng lợi cuối cùng.

Khẳng định công nông là gốc cách mạng, là chủ cách mạng. Hồ Chí Minh còn chỉ rõ: "Học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ

---

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.9, tr.283.

cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông, ba hạng người ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông"[1]. Người còn viết: "Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp"[2]. Trong khi liên lạc với các giai cấp phải hết sức cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào con đường thỏa hiệp. "Còn đối với bọn phú nông, *trung tiểu địa chủ* và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào mà đã ra mặt phản cách mạng... thì phải đánh đổ"[3].

Với sức mạnh toàn dân đoàn kết trong mặt trận dân tộc thống nhất, nhân dân ta đã giành được thắng lợi trong kháng chiến chống thực dân Pháp với tinh thần: "Thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh".

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện một lần nữa lại được Hồ Chí Minh và Đảng ta lãnh đạo, được kế thừa và phát huy cao độ: "Chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước". "Cuộc kháng chiến của ta là toàn dân, thực sự là cuộc chiến tranh nhân dân"[4]. "31 triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kỳ già trẻ, gái trai, phải là 31 triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ, cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng"[5].

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.2, tr.262.

[2, 3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.3, tr.3.

[4, 5] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.24, 323.

Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã làm sáng tỏ một luận điểm bổ sung phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin đối với cách mạng ở các nước thuộc địa là sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng nhân dân lao động được bắt đầu từ sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng dân tộc là điều kiện tiên quyết để giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

4. Mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản thế giới

Từ rất sớm, trong bài *Đông Dương và Triều Tiên*, Hồ Chí Minh đã xác định: "Thế giới sẽ chỉ có nền hòa bình cuối cùng khi tất cả các dân tộc tự mình thỏa thuận với nhau cùng tiêu diệt con quái vật đế quốc chủ nghĩa ở khắp mọi nơi mà họ gặp nó"[1].

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* đã được Hồ Chí Minh đề cập rõ về việc đoàn kết quốc tế: "Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả"[2].

Theo Hồ Chí Minh, cần phải thiết lập và có khả năng thiết lập để tiêu diệt kẻ thù chung là đoàn kết các dân tộc thuộc địa. Mặt trận này sẽ cùng với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở các nước chính quốc tạo thành hai dòng thác lớn trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thực dân quốc tế. Không chỉ đoàn kết nhân dân các dân tộc thuộc địa mà cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa còn phải đoàn kết với giai cấp vô sản trên thế giới.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr.11.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.2, tr.301.

Đây là điều được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm, bởi chủ nghĩa đế quốc không chỉ là kẻ thù của các dân tộc bị áp bức mà chúng còn là kẻ thù của nhân dân lao động ở chính quốc.

Hồ Chí Minh đã dùng hình ảnh "con đỉa" có hai vòi, một vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc, và cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa, "con đỉa" đó chính là chủ nghĩa tư bản mà muốn giết chết nó, phải đồng thời cắt cả hai vòi, nếu chỉ cắt một vòi thôi thì cái vòi còn lại vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, nó vẫn sống và nguy hiểm hơn là cái vòi bị cắt sẽ lại mọc ra.

Trong khi khẳng định mối quan hệ khăng khít của cách mạng ở các nước thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc, Hồ Chí Minh thấy rõ tính chủ động và độc lập của cách mạng ở thuộc địa, thấy rõ vai trò quan trọng của các thuộc địa đối với phong trào cách mạng vô sản ở chính quốc và đối với sự tồn tại của chủ nghĩa đế quốc. Người phân tích: "Hiện nay, tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đó là nơi chủ nghĩa tư bản lấy nguyên liệu cho các nhà máy của nó, nơi nó đầu tư, tiêu thụ hàng, mộ nhân công rẻ mạt cho đạo quân lao động của nó, và nhất là tuyển những binh lính người bản xứ cho các đạo quân phản cách mạng của nó"[1].

Hồ Chí Minh nhận thấy, sức mạnh to lớn của các dân tộc bị áp bức, sẽ bùng lên mạnh mẽ, hình thành một lực lượng khổng lồ khi được tổ chức và lãnh đạo. Trong bài *Phong trào cộng sản quốc tế - Đông Dương* (1921), Người chỉ rõ: "Người châu Á - tuy bị người phương Tây coi là lạc hậu - vẫn hiểu rõ hơn hết sự cần thiết phải cải

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr.243.

cách toàn bộ xã hội hiện tại"[1]. "Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến... Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"[2].

Người dự báo: "Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn"[3].

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng ở chính quốc, đó là "con đường duy nhất để xoá bỏ sự áp bức". Tuy nhiên, khi đặt cách mạng thuộc địa trong mối quan hệ mật thiết với cách mạng chính quốc, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh tính chủ động và khả năng thắng lợi trước của cách mạng thuộc địa, cách mạng thuộc địa không lệ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc và góp phần thúc đẩy cách mạng chính quốc thắng lợi.

Đây còn là một luận điểm sáng tạo, một cống hiến rất quan trọng vào kho tàng lý luận Mác-Lênin, đã được thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

5. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

Ngay từ năm 1922, Người đã khẳng định: "Các thế lực đế

[1, 2, 3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr.35, 28, 36.

quốc dùng bạo lực cách mạng để đi xâm lược và thống trị thuộc địa, đàn áp dã man các phong trào yêu nước. Chế độ thực dân, bản thân nó đã là hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi"[1]. Vì vậy, Hồ Chí Minh khẳng định: "Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền"[2].

Thứ nhất, bạo lực cách mạng là bạo lực của quần chúng nhân dân có tổ chức và được rèn luyện trong đấu tranh cách mạng

Khi khẳng định khả năng cách mạng to lớn của quần chúng nhân dân, theo Người, vấn đề có tính nguyên tắc là phải động viên, tổ chức toàn dân, "phải bày sách lược cho dân làm", phải xây dựng lực lượng quần chúng nhân dân thành các đạo quân chính trị ngày càng hùng hậu.

Hồ Chí Minh cho rằng cần thông qua hoạt động thực tiễn, thông qua đấu tranh cách mạng để giáo dục, giác ngộ quần chúng là biện pháp mang lại hiệu quả cao, rèn luyện được bản lĩnh chính trị vững vàng cho quần chúng, tăng thêm sự hiểu biết, kinh nghiệm đấu tranh chống kẻ thù, kinh nghiệm xây dựng và phát triển bạo lực cách mạng.

Thứ hai, luôn luôn kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang, hình thức đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang để giành thắng lợi cho cách mạng

Với sự tham gia đông đảo của quần chúng, lực lượng của bạo

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr.96.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.304.

lực cách mạng ở nước ta được tổ chức thành lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. Mỗi lực lượng đều có vị trí, vai trò tác dụng nhất định, song nếu kết hợp với nhau nó sẽ hỗ trợ lẫn nhau tạo nên lực lượng, sức mạnh to lớn của bạo lực cách mạng. Trong đấu tranh để giành và giữ chính quyền cách mạng, lực lượng chính trị luôn kết hợp với lực lượng vũ trang tạo ra sức mạnh tổng hợp to lớn và là vấn đề có tính nguyên tắc của bạo lực cách mạng theo quan điểm của Hồ Chí Minh.

Thứ ba, về hình thái bạo lực cách mạng, Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Tùy tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng"[1]. Như vậy, bạo lực cách mạng trong cách mạng Việt Nam không chỉ là bạo lực vũ trang mà là sự kết hợp chặt chẽ giữa các hình thức đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao v.v.. Trong đó hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang là hai hình thức cơ bản nhất, hai hình thức đó luôn kết hợp với nhau tạo ra sức mạnh to lớn là nguyên nhân cơ bản tạo nên thắng lợi của cách mạng.

Thứ tư, bạo lực cách mạng thống nhất chặt chẽ với chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo hòa bình. Ở Hồ Chí Minh, hòa bình, độc lập, tự do cho dân tộc là điều luôn mong muốn, là khát vọng cháy bỏng. Người nói: "Nhân dân Việt Nam chúng tôi rất yêu chuộng hòa bình, một nền hòa bình chân chính trong độc lập tự do thật sự"[2]. Đối với chiến tranh là một việc "bất đắc dĩ". Ngay khi buộc phải dùng bạo lực trong chiến tranh cách mạng để chống lại

---

[1, 2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.304, 488.

chiến tranh xâm lược Người vẫn muốn tránh chiến tranh, vẫn tìm mọi cách cứu vãn hòa bình, Người nói: "Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hòa bình, chúng tôi không muốn chiến tranh. Cuộc chiến tranh này chúng tôi muốn tránh bằng đủ mọi cách... Nhưng cuộc chiến tranh ấy, nếu người ta buộc chúng tôi phải làm thì chúng tôi sẽ làm..."[1]. Người đã đề nghị với Pháp: "Chính phủ và nhân dân Pháp chỉ cần có một cử chỉ công nhận độc lập và thống nhất của nước Việt Nam là chấm dứt được những tai biến này; hòa bình và trật tự sẽ trở lại ngay tức khắc"[2].

Ý chí và quyết tâm chiến đấu gắn với khát vọng hòa bình trong độc lập tự do thực sự, phản ánh sâu sắc giá trị nhân văn, nhân đạo, hòa bình trong tư tưởng bạo lực cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng bạo lực cách mạng của Hồ Chí Minh là sự bổ sung và phát triển các quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, là ngọn đuốc soi đường cho nhân dân ta đấu tranh cách mạng, làm nên những thắng lợi vĩ đại.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

1. Nhận thức và giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc trên lập trường giai cấp

Thấm nhuần quan điểm của Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam phải luôn xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử và điều kiện cụ thể của dân tộc để từ đó đề ra đường lối vừa đáp ứng

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.473.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.12.

được đòi hỏi của thực tiễn cách mạng nước ta, vừa phù hợp với xu thế phát triển của cách mạng thế giới. Hơn bao giờ hết, phải làm cho quan điểm của Hồ Chí Minh về sự kết hợp dân tộc với giai cấp, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội được quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng và toàn dân. Nội dung mới của sự kết hợp vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, chủ nghĩa yêu nước với tinh thần quốc tế được Đảng xác định: Thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc; phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đây chính là định hướng cho việc nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp hiện nay.

2. Kiên định mục tiêu, con đường xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã xác định: muốn cứu nước giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản. Dưới ngọn cờ tư tưởng đó, cách mạng Việt Nam đã vững bước tiến lên, giành được những thắng lợi lịch sử mang tầm thời đại. Đi theo con đường Hồ Chí Minh đã lựa chọn, Đại hội XI của Đảng đã khẳng định: "Trong bất kỳ điều kiện và tình huống nào, phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân

tộc và chủ nghĩa xã hội"[1]. Kiên trì ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là tư tưởng xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Độc lập dân tộc là điều kiện kiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội thực sự đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho toàn dân ta là nhân tố cơ bản bảo đảm vững chắc cho nền độc lập dân tộc.

3. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong công cuộc đổi mới

Tư tưởng về tập hợp lực lượng, đoàn kết toàn dân trong cuộc đấu tranh giành độc lập tự do của Hồ Chí Minh thực sự đã trở thành chiến lược của cách mạng Việt Nam. Hơn lúc nào hết, thực tiễn đất nước hôm nay đang đòi hỏi chúng ta phải biết tiếp thu, phát triển những quan điểm ấy cho phù hợp với những biến đổi của tình hình mới.

Huy động và tập hợp sức mạnh của toàn dân tộc là yếu tố nội sinh có ý nghĩa quyết định trong thời kỳ lịch sử mới. Trên cơ sở đó, *Báo cáo Chính trị tại Đại hội XI của Đảng* xác định: "Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xóa bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, tr.21.

nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội

4. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng

Thực tiễn lịch sử trong suốt thế kỷ XX đã chứng tỏ Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng chính trị duy nhất đảm đương được nhiệm vụ lịch sử nặng nề, vẻ vang trước dân tộc. Trong giai đoạn hiện nay, để hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang, đòi hỏi phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ, tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng. Đại hội XI đã đề cập đến 8 vấn đề cơ bản trong xây dựng Đảng: "*một là*, tăng cường xây dựng Đảng về chính trị; *hai là*, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận; *ba là*, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân; *bốn là*, tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị; *năm là*, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên; *sáu là*, đổi mới công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ; *bảy là*, Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; *tám là*, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng"[1]. Đây chính là những nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

---

[1] Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, tr.255-264.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc - nội dung và ý nghĩa?

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc - nội dung và ý nghĩa?

3. Những sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc?

4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc trong công cuộc đổi mới hiện nay?

Chương 4

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Chủ nghĩa xã hội - con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam

Tổng kết lịch sử phương Tây, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra tính tất yếu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội trong tiến trình lịch sử nhân loại. Nhưng với các nước phương Đông cụ thể như thế nào thì học thuyết của các ông vẫn để mở. Tiếp thu học thuyết của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã chỉ ra chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan của cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh có cái nhìn bao quát và diễn giải mộc mạc, dễ hiểu, chính xác về tính tất yếu đi lên chủ nghĩa xã hội trong lịch sử xã hội loài người. Người viết: "Cách sản xuất và sức sản xuất phát triển mãi, do đó mà tư tưởng của người, chế độ xã hội v.v., cũng phát triển và biến đổi. Chúng ta đều biết từ đời xưa đến đời nay, cách sản xuất từ chỗ dùng cành cây, búa đá phát triển dần dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử. Chế độ xã hội cũng

phát triển từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản chủ nghĩa và ngày nay gần một nửa loài người đang tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ cộng sản chủ nghĩa. Sự phát triển và tiến bộ đó không ai ngăn cản được"[1]. Cách lý giải này cho thấy, Hồ Chí Minh hoàn toàn tán thành cách tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ những kiến giải kinh tế - xã hội - chính trị - triết học của các nhà kinh điển Mác-Lênin. Mặt khác, Hồ Chí Minh còn tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ nhiều giác độ khác nhau để cho thấy chủ nghĩa xã hội cũng là một tất yếu với Việt Nam:

- Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ lập trường yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc

Người thấy rõ: "Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới"[2]. Như vậy, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới cứu được nhân loại, mới thực sự đem lại độc lập, tự do, bình đẳng cho các dân tộc.

- Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ phương diện đạo đức.

Chủ nghĩa xã hội với mục tiêu và cơ sở kinh tế công hữu của nó sẽ đi đến giải phóng cho cả loài người khỏi áp bức bóc lột. Do đó, chủ nghĩa xã hội là xa lạ và đối lập với chủ nghĩa cá nhân. Theo Hồ Chí Minh, "Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên thắng lợi của chủ nghĩa

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.9, tr.282.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.474.

xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân"[1].

Chống lại chủ nghĩa cá nhân, nhưng Hồ Chí Minh không phủ nhận cá nhân. Theo Người, "Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa"[2]. Bởi vậy, "Có gì sung sướng vẻ vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người"[3]. Như vậy, chủ nghĩa xã hội là giai đoạn phát triển mới của đạo đức, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người và giải phóng cả loài người.

- Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ truyền thống lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam:

+ Lịch sử Việt Nam có truyền thống chống giặc ngoại xâm ngay từ buổi đầu lập nước.

+ Chế độ công điền và công cuộc trị thủy trong nền kinh tế nông nghiệp đã từ lâu tạo nên truyền thống đoàn kết, cố kết cộng đồng.

+ Văn hóa Việt Nam lấy nhân nghĩa làm gốc, có truyền thống trọng dân, khoan dung, hòa mục để hòa đồng. Văn hóa Việt Nam còn là văn hóa trọng trí thức, hiền tài.

+ Con người Việt Nam có tâm hồn trong sáng, giàu lòng vị tha, yêu thương đồng loại, kết hợp được cái riêng với cái chung, gia đình với Tổ quốc, dân tộc và nhân loại.

[1, 2, 3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.9, tr.294, 291, 293.

Những truyền thống tốt đẹp về lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam đã giúp Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội đến với nhân dân Việt Nam như là một tất yếu.

Như vậy, quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là sự thống nhất biện chứng giữa các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội với các nhân tố nhân văn, đạo đức, văn hóa. Từ bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã đi tới khẳng định tất yếu của sự lựa chọn xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Người viết: "Miền Bắc nước ta đang tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Đó là yêu cầu cấp bách của hàng chục triệu người lao động"[1].

2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng, bản chất của chủ nghĩa xã hội

- Hồ Chí Minh có quan niệm tổng quát khi coi chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội như là một chế độ xã hội bao gồm các mặt rất phong phú, hoàn chỉnh, trong đó con người được phát triển toàn diện, tự do. Trong một xã hội như thế, mọi thiết chế, cơ cấu xã hội đều nhằm tới mục tiêu giải phóng con người.

- Hồ Chí Minh diễn đạt quan niệm của mình về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên một số mặt nào đó của nó, như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... Với cách diễn đạt như thế của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, chúng ta không nên tuyệt đối hóa từng mặt, hoặc tách riêng rẽ từng mặt của nó mà cần đặt trong một tổng thể chung. Chẳng hạn, khi nói chuyện tại Lớp hướng dẫn

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.9, tr.291.

giáo viên cấp II, cấp III và Hội nghị sư phạm, tháng 7-1956, Hồ Chí Minh cho rằng: "Chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng, v.v. làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con"[1]. Khi nhấn mạnh mặt kinh tế, Hồ Chí Minh nêu chế độ sở hữu công cộng của chủ nghĩa xã hội và phân phối theo nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin là làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có phúc lợi xã hội. Về mặt chính trị, Hồ Chí Minh nêu chế độ dân chủ, mọi người được phát triển toàn diện với tinh thần làm chủ.

- Hồ Chí Minh quan niệm về chủ nghĩa xã hội ở nước ta bằng cách nhấn mạnh mục tiêu vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, là "làm sao cho dân giàu nước mạnh"[2], là "làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng", "*là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân*"[3], là làm cho mọi người được ăn no, mặc ấm, được sung sướng, tự do, là "nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"[4] như "ham muốn tột bậc" mà Người đã trả lời các nhà báo, tháng 1-1946.

- Hồ Chí Minh nêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong ý thức, động lực của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Xây dựng một xã hội như thế là trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi, động lực của toàn dân tộc. Cho nên, với động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, sức mạnh tổng hợp được

---

[1, 2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.8, tr.226.

[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.10, tr.556.

[4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.161.

sử dụng và phát huy, đó là sức mạnh toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại.

Đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, theo Hồ Chí Minh, cũng trên cơ sở của lý luận Mác-Lênin, nghĩa là trên những mặt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Còn về cụ thể, chúng ta thấy Hồ Chí Minh nhấn mạnh chủ yếu trên những điểm sau đây:

+ Đó là một chế độ chính trị do nhân dân làm chủ.

Chủ nghĩa xã hội có chế độ chính trị dân chủ, nhân dân lao động là chủ và nhân dân lao động làm chủ. Nhà nước là của dân, do dân và vì dân, dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên minh công - nông - trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Mọi quyền lực trong xã hội đều tập trung trong tay nhân dân. Nhân dân đoàn kết thành một khối thống nhất để làm chủ nước nhà. Nhân dân là người quyết định vận mệnh cũng như sự phát triển của đất nước dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh coi nhân dân có vị trí tối thượng trong mọi cấu tạo quyền lực. Chủ nghĩa xã hội chính là sự nghiệp của chính bản thân nhân dân, dựa vào sức mạnh của toàn dân để đưa lại quyền lợi cho nhân dân.

+ Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội có nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật.

Đó là xã hội có một nền kinh tế phát triển dựa trên cơ sở năng suất lao động xã hội cao, sức sản xuất luôn phát triển với nền tảng phát triển khoa học - kỹ thuật, ứng dụng có hiệu quả những thành tựu khoa học - kỹ thuật của nhân loại.

+ Chủ nghĩa xã hội là chế độ không còn người bóc lột người.

Dây là một vấn đề được hiểu nó như là một chế độ hoàn chỉnh, đạt đến độ chín muồi. Trong chủ nghĩa xã hội, không còn bóc lột, áp bức bất công, thực hiện chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Đó là một xã hội được xây dựng trên nguyên tắc công bằng, hợp lý.

+ Chủ nghĩa xã hội là một xã hội phát triển cao về văn hóa, đạo đức.

Đó là một xã hội có hệ thống quan hệ xã hội lành mạnh, công bằng, bình đẳng, không còn áp bức, bóc lột, bất công, không còn sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa thành thị và nông thôn, con người được giải phóng, có điều kiện phát triển toàn diện, có sự hài hòa trong phát triển của xã hội và tự nhiên.

Các đặc trưng nêu trên là hình thức thể hiện một hệ thống giá trị vừa kế thừa các di sản của quá khứ, vừa được sáng tạo mới trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là hiện thân đỉnh cao của tiến trình tiến hóa lịch sử nhân loại. Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội là sự tổng hợp quyện chặt ngay trong cấu trúc nội tại của nó, một hệ thống giá trị làm nền tảng điều chỉnh các quan hệ xã hội, đó là độc lập, tự do, bình đẳng, công bằng, dân chủ, bảo đảm quyền con người, bác ái, đoàn kết, hữu nghị..., trong đó, có những giá trị tạo tiền đề, có giá trị hạt nhân. Tất cả những giá trị cơ bản này là mục tiêu chủ yếu của chủ nghĩa xã hội. Nhưng theo Người, để đạt được mục tiêu đó phải là một quá trình phấn đấu khó khăn, gian khổ, lâu dài, dần dần và không thể nôn nóng.

3. Quan niệm Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội

Ở Hồ Chí Minh, mục tiêu chung của chủ nghĩa xã hội và mục tiêu phấn đấu của Người là một, đó là độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân; đó là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Từ cách đặt vấn đề này, theo Hồ Chí Minh, có nhiều cách đề cập mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Có khi Người trả lời một cách trực tiếp: "Mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì? Nói một cách đơn giản và dễ hiểu là: *không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân*, trước hết là nhân dân lao động"[1]. Hoặc "Mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân"[2]. Có khi Người diễn giải mục tiêu tổng quát này thành các tiêu chí cụ thể: "Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội"[3]. Có khi Người nói một cách gián tiếp, không nhắc đến chủ nghĩa xã hội, nhưng xét về bản chất, đó cũng chính là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội theo quan niệm của Người. Kết thúc bản *Tài liệu tuyệt đối bí mật* (sau này gọi là *Di chúc*), Hồ Chí Minh viết: "Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn

---

[1, 2, 3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.10, tr.271, 159, 291.

Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"[1].

Hồ Chí Minh quan niệm mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là nâng cao đời sống nhân dân. Đó là sự tin tưởng cao độ vào lý tưởng vì dân. Theo Người, muốn nâng cao đời sống nhân dân, phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu nâng cao đời sống toàn dân, đó là tiêu chí tổng quát để khẳng định và kiểm nghiệm tính chất xã hội chủ nghĩa của các lý luận chủ nghĩa xã hội và chính sách thực tiễn. Trượt ra khỏi quỹ đạo đó thì hoặc là chủ nghĩa xã hội giả hiệu, hoặc không có gì tương thích với chủ nghĩa xã hội.

Chỉ rõ mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với các chế độ xã hội đã tồn tại trong lịch sử, chỉ ra nhiệm vụ giải phóng con người một cách toàn diện, theo các cấp độ: từ giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xã hội đến giải phóng từng cá nhân con người, hình thành các nhân cách phát triển tự do.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã xác định các mục tiêu cụ thể của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Mục tiêu chính trị

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chế độ chính trị phải là do nhân dân lao động làm chủ. Nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước có hai

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.512.

chức năng: dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ thù của nhân dân. Hai chức năng đó không tách rời nhau, mà luôn luôn đi đôi với nhau. Một mặt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải phát huy quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của nhân dân; mặt khác, lại yêu cầu phải chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa.

Để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Hồ Chí Minh chỉ rõ con đường và biện pháp thực hiện các hình thức dân chủ trực tiếp, nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng; củng cố các hình thức dân chủ đại diện, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, xử lý và phân định rõ chức năng của chúng.

- Mục tiêu kinh tế

Theo Hồ Chí Minh, chế độ chính trị của chủ nghĩa xã hội chỉ được bảo đảm và đứng vững trên cơ sở một nền kinh tế vững mạnh. Nền kinh tế mà chúng ta xây dựng là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công - nông nghiệp hiện đại, khoa học - kỹ thuật tiên tiến, cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được bỏ dần, đời sống vật chất của nhân dân ngày càng được cải thiện.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta cần phát triển toàn diện các ngành mà những ngành chủ yếu là công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, trong đó "công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế nước nhà".

Kết hợp các loại lợi ích kinh tế là vấn đề rất được Hồ Chí Minh quan tâm. Người đặc biệt nhấn mạnh chế độ khoán là một trong những hình thức của sự kết hợp lợi ích kinh tế.

- Mục tiêu văn hóa - xã hội

Theo Hồ Chí Minh, văn hóa là một mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Văn hóa thể hiện trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội, đó là xóa nạn mù chữ, xây dựng, phát triển văn hóa nghệ thuật, thực hiện nếp sống mới, thực hành vệ sinh phòng bệnh, giải trí lành mạnh, bài trừ mê tín dị đoan, khắc phục phong tục tập quán lạc hậu...

Về bản chất của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Người khẳng định: "phải xã hội chủ nghĩa về nội dung". Để có một nền văn hóa như thế ta phải phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc, đồng thời học tập văn hóa tiên tiến của thế giới. Phương châm xây dựng nền văn hóa mới là: dân tộc, khoa học, đại chúng. Hồ Chí Minh nhắc nhở phải làm cho phong trào văn hóa có bề rộng, đồng thời phải có bề sâu. Trong khi đáp ứng mặt giải trí thì không được xem nhẹ nâng cao tri thức của quần chúng, đồng thời Người luôn nhắc nhở phải làm cho văn hóa gắn liền với lao động sản xuất...

Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa là đào tạo con người. Bởi lẽ, mục tiêu cao nhất, động lực quyết định nhất công cuộc xây dựng chính là con người. Trong lý luận xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh quan tâm trước hết mặt tư tưởng. Người cho rằng: Muốn có con người xã hội chủ nghĩa, phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở mỗi con người là kết quả của việc học tập, vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh đến trau dồi, rèn luyện đạo

đức cách mạng; đồng thời Người cũng rất quan tâm đến mặt tài năng, luôn tạo điều kiện để mỗi người rèn luyện tài năng, đem tài năng cống hiến cho xã hội. Tuy vậy, Hồ Chí Minh luôn gắn tài năng với đạo đức. Theo Người, "có tài mà không có đức là hỏng"; dĩ nhiên đức phải đi đôi với tài, nếu không có tài thì không thể làm việc được. Cũng như vậy, Người luôn gắn phẩm chất chính trị với trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó "chính trị là tinh thần, chuyên môn là thể xác". Hai mặt đó gắn bó thống nhất trong một con người. Do vậy, tất cả mọi người đều phải luôn luôn trau dồi đạo đức và tài năng, vừa có đức vừa có tài, vừa "hồng" vừa "chuyên".

b. Động lực của chủ nghĩa xã hội

Để thực hiện những mục tiêu đó, cần phát hiện những động lực và điều kiện bảo đảm cho những động lực đó thực sự trở thành sức mạnh thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là những động lực bên trong, nguồn nội lực của chủ nghĩa xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, những động lực đó biểu hiện ở các phương diện: vật chất và tinh thần; nội sinh và ngoại sinh. Người khẳng định, động lực quan trọng và quyết định nhất là con người, là nhân dân lao động, nòng cốt là công - nông - trí thức. Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đến lợi ích chính đáng, thiết thân của họ; đồng thời chăm lo bồi dưỡng sức dân. Đó là lợi ích của nhân dân và từng cá nhân.

Xem con người là động lực của chủ nghĩa xã hội, hơn nữa là động lực quan trọng nhất, Hồ Chí Minh đã nhận thấy ở động lực này có sự kết hợp giữa cá nhân (sức mạnh cá thể) với xã hội (sức

mạnh cộng đồng). Người cho rằng, không có chế độ xã hội nào coi trọng lợi ích chính đáng của cá nhân con người bằng chế độ xã hội chủ nghĩa. Truyền thống yêu nước của dân tộc, sự đoàn kết cộng đồng, sức lao động sáng tạo của nhân dân, đó là sức mạnh tổng hợp tạo nên động lực quan trọng của chủ nghĩa xã hội.

Nhà nước đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện chức năng quản lý xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi. Người đặc biệt quan tâm đến hiệu lực của tổ chức, bộ máy, tính nghiêm minh của kỷ luật, pháp luật, sự trong sạch, liêm khiết của đội ngũ cán bộ, công chức các cấp từ Trung ương tới địa phương.

Hồ Chí Minh rất coi trọng động lực kinh tế, phát triển kinh tế, sản xuất, kinh doanh, giải phóng mọi năng lực sản xuất, làm cho mọi người, mọi nhà trở nên giàu có, ích quốc lợi dân, gắn liền kinh tế với kỹ thuật, kinh tế với xã hội.

Cùng với động lực kinh tế, Hồ Chí Minh cũng quan tâm tới văn hóa, khoa học, giáo dục, coi đó là động lực tinh thần không thể thiếu của chủ nghĩa xã hội.

Tất cả những nhân tố động lực nêu trên là những nguồn lực tiềm tàng của sự phát triển. Làm thế nào để những khả năng, năng lực tiềm tàng đó trở thành sức mạnh và không ngừng phát triển. Hồ Chí Minh nhận thấy sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. Đây là hạt nhân trong hệ động lực của chủ nghĩa xã hội.

Ngoài các động lực bên trong, theo Hồ Chí Minh, phải kết hợp được với sức mạnh thời đại, tăng cường đoàn kết quốc tế, chủ nghĩa yêu nước phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế của giai

cấp công nhân, phải sử dụng tốt những thành quả khoa học - kỹ thuật thế giới...

Nét độc đáo trong phong cách tư duy biện chứng Hồ Chí Minh là ở chỗ bên cạnh việc chỉ ra các nguồn động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội, Người còn lưu ý, cảnh báo và ngăn ngừa các yếu tố kìm hãm, triệt tiêu nguồn lực vốn có của chủ nghĩa xã hội, làm cho chủ nghĩa xã hội trở nên trì trệ, xơ cứng, không có sức hấp dẫn, đó là tham ô, lãng phí, quan liêu... mà Người gọi đó là "giặc nội xâm".

Giữa nội lực và ngoại lực, Hồ Chí Minh xác định rất rõ nội lực là quyết định nhất, ngoại lực là rất quan trọng. Chính vì thế, Người thường xuyên nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực cánh sinh là chính, nhưng luôn chú trọng tranh thủ sự giúp đỡ, hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế tạo thành sức mạnh tổng hợp để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên cơ sở bảo đảm các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, chung sống hòa bình và phát triển.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ

a. Thực chất, loại hình và đặc điểm của thời kỳ quá độ

C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đều khẳng định tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chỉ rõ vị trí lịch sử, nhiệm vụ đặc thù của nó trong quá trình vận động, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Theo quan điểm các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, có hai con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Con đường thứ nhất là con đường quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội từ những nước tư bản phát triển ở trình độ cao. Con đường thứ hai là quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội ở những nước chủ nghĩa tư bản phát triển còn thấp, hoặc như V.I.Lênin cho rằng, những nước có nền kinh tế lạc hậu, chưa trải qua thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản, cũng có thể đi lên chủ nghĩa xã hội được trong điều kiện cụ thể nào đó, nhất là trong điều kiện đảng kiểu mới của giai cấp vô sản nắm quyền lãnh đạo (trở thành đảng cầm quyền) và được một hay nhiều nước tiên tiến giúp đỡ.

Trên cơ sở vận dụng lý luận về cách mạng không ngừng, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin và xuất phát từ đặc điểm tình hình thực tế Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định *con đường cách mạng Việt Nam là tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội.* Như vậy, quan niệm Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là quan niệm về một hình thái quá độ gián tiếp cụ thể - quá độ từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu sau khi giành được độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội. Chính ở nội dung cụ thể này, Hồ Chí Minh đã cụ thể và làm phong phú thêm lý luận Mác-Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nước ta có đặc điểm lớn nhất là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đặc điểm này chi phối các đặc

điểm khác, thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và làm cơ sở nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Trong đó, Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý đến mâu thuẫn cơ bản của thời kỳ quá độ, đó là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển cao của đất nước theo xu hướng tiến bộ và thực trạng kinh tế - xã hội quá thấp kém của nước ta.

b. Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ

Theo Hồ Chí Minh, thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình cải biến nền sản xuất lạc hậu thành nền sản xuất tiên tiến, hiện đại. Thực chất của quá trình cải tạo và phát triển nền kinh tế quốc dân cũng là cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp trong điều kiện mới, khi mà nhân dân ta hoàn thành cơ bản cách mạng dân tộc dân chủ, so sánh lực lượng trong nước và quốc tế đã có những biến đổi. Điều này đòi hỏi phải áp dụng toàn diện các hình thức đấu tranh cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm chống lại các thế lực đi ngược lại con đường xã hội chủ nghĩa.

Theo Hồ Chí Minh, do những đặc điểm và tính chất quy định, quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một quá trình dần dần, khó khăn, phức tạp và lâu dài. Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bao gồm hai nội dung lớn:

Một là, xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, xây dựng các tiền đề về kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng cho chủ nghĩa xã hội.

Hai là, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng, trong đó lấy xây dựng làm trọng tâm, làm nội dung cốt yếu nhất, chủ chốt, lâu dài.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến tính chất tuần tự, dần dần của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tính chất phức tạp và khó khăn của nó được Người lý giải trên các điểm sau:

Thứ nhất, đây thực sự là một cuộc cách mạng làm đảo lộn mọi mặt đời sống xã hội, cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cả cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Nó đặt ra và đòi hỏi đồng thời giải quyết hàng loạt mâu thuẫn khác nhau. Như trong Di chúc, Hồ Chí Minh đã coi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc chiến đấu khổng lồ của toàn Đảng, toàn dân Việt Nam.

Thứ hai, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta chưa có kinh nghiệm, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Đây là công việc hết sức mới mẻ đối với Đảng ta, nên phải vừa làm, vừa học và có thể có vấp váp và thiếu sót. Xây dựng xã hội mới bao giờ cũng khó khăn, phức tạp hơn đánh đổ xã hội cũ đã lỗi thời.

Thứ ba, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta luôn luôn bị các thế lực phản động trong và ngoài nước tìm cách chống phá.

Từ việc chỉ rõ tính chất của thời kỳ quá độ, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên trong xây dựng chủ nghĩa xã hội phải thận trọng, tránh nôn nóng, chủ quan, đốt cháy giai đoạn. Vấn đề cơ bản là phải xác định đúng bước đi và hình thức phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, biết kết hợp các khâu trung gian, quá độ, tuần tự từng bước, từ thấp đến cao. Vì vậy, xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi một năng lực lãnh đạo mang tính khoa học, vừa hiểu biết các quy luật vận

động xã hội, lại phải có nghệ thuật khôn khéo cho thật sát với tình hình thực tế.

2. Quan điểm Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một sự nghiệp cách mạng mang tính toàn diện. Hồ Chí Minh đã xác định rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực:

- *Trong lĩnh vực chính trị,* nội dung quan trọng nhất là phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng. Đảng phải luôn luôn tự đổi mới và chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, có hình thức tổ chức phù hợp để đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ mới. Bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã trở thành Đảng cầm quyền. Mối quan tâm lớn nhất của Người về Đảng cầm quyền là làm sao cho Đảng không trở thành Đảng quan liêu, xa dân, thoái hóa, biến chất, làm mất lòng tin của dân, có thể dẫn đến nguy cơ sai lầm về đường lối, cắt đứt mối quan hệ máu thịt với nhân dân và để cho chủ nghĩa cá nhân nảy nở dưới nhiều hình thức.

Một nội dung chính trị quan trọng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, nòng cốt là liên minh công nhân, nông dân và trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo; củng cố và tăng cường sức mạnh toàn bộ hệ thống chính trị cũng như từng thành tố của nó.

- *Trong lĩnh vực kinh tế,* Hồ Chí Minh đề cập đến các mặt: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý kinh tế. Người nhấn mạnh đến việc tăng năng suất lao động trên cơ sở

tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đối với cơ cấu kinh tế, Người đề cập đến cơ cấu ngành và cơ cấu các thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế vùng, lãnh thổ.

Hồ Chí Minh quan niệm hết sức độc đáo về cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, củng cố hệ thống thương nghiệp làm cầu nối tốt nhất giữa các ngành sản xuất xã hội, thỏa mãn nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

Đối với kinh tế vùng, lãnh thổ, Hồ Chí Minh lưu ý phải phát triển đồng đều giữa kinh tế đô thị và kinh tế nông thôn. Người đặc biệt chú trọng phát triển kinh tế vùng núi, hải đảo, vừa tạo điều kiện không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của đồng bào, vừa bảo đảm an ninh, quốc phòng cho đất nước.

Ở nước ta, Hồ Chí Minh là người đầu tiên chủ trương phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Người xác định rõ vị trí và xu hướng vận động của từng thành phần kinh tế. Nước ta cần ưu tiên phát triển kinh tế quốc doanh để tạo nền tảng vật chất cho chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy việc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Kinh tế hợp tác xã là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động, Nhà nước cần đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ nó phát triển. Về tổ chức hợp tác xã, Hồ Chí Minh nhấn mạnh nguyên tắc dần dần, từ thấp đến cao, tự nguyện, cùng có lợi, chống chủ quan, gò ép, hình thức. Đối với người làm nghề thủ công và lao động riêng lẻ khác, Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, ra sức hướng dẫn và giúp họ cải tiến cách làm ăn, khuyến khích họ đi vào con đường hợp tác. Đối với những nhà tư sản công thương, vì họ đã tham gia ủng hộ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân,

có đóng góp nhất định trong khôi phục kinh tế và sẵn sàng tiếp thu, cải tạo để góp phần xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nên Nhà nước không xóa bỏ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của họ, mà hướng dẫn họ hoạt động làm lợi cho quốc kế dân sinh, phù hợp với kinh tế nhà nước, khuyến khích và giúp đỡ họ cải tạo theo chủ nghĩa xã hội bằng hình thức tư bản nhà nước.

Bên cạnh chế độ và quan hệ sở hữu, Hồ Chí Minh rất coi trọng quan hệ phân phối và quản lý kinh tế. Quản lý kinh tế phải dựa trên cơ sở hạch toán, đem lại hiệu quả cao, sử dụng tốt các đòn bẩy trong phát triển sản xuất. Người chủ trương và chỉ rõ các điều kiện thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng. Gắn liền với nguyên tắc phân phối theo lao động, Hồ Chí Minh bước đầu đề cập về vấn đề khoán trong sản xuất: "Chế độ làm khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán là ích chung và lợi riêng...; làm khoán tốt thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay"[1].

- *Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội,* Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng con người mới. Đặc biệt, Hồ Chí Minh đề cao vai trò của văn hóa, giáo dục và khoa học - kỹ thuật trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Người cho rằng, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội nhất định phải có học thức, cần phải học cả văn hóa, chính trị, kỹ thuật và chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học chắc chắn đưa

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.8, tr.341.

loài người đến hạnh phúc vô tận. Hồ Chí Minh rất coi trọng việc nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài, khẳng định vai trò to lớn của văn hóa trong đời sống xã hội.

3. Bước đi và cách thức xây dựng chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh xác định rõ nhiệm vụ lịch sử, nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Điều trăn trở khôn nguôi của Người là tìm ra hình thức, bước đi, biện pháp tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, biến nhận thức lý luận thành chương trình hành động, thành hoạt động thực tiễn hàng ngày. Để xác định bước đi và tìm cách làm phù hợp với Việt Nam, Hồ Chí Minh đề ra hai nguyên tắc có tính chất phương pháp luận:

Một là, xây dựng chủ nghĩa xã hội là một hiện tượng phổ biến mang tính quốc tế, cần quán triệt các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng chế độ mới, có thể tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước anh em. Học tập những kinh nghiệm của các nước tiên tiến, nhưng không được sao chép, máy móc, giáo điều. Hồ Chí Minh cho rằng, Việt Nam có thể làm khác Liên Xô, Trung Quốc và các nước khác vì Việt Nam có điều kiện cụ thể khác.

Hai là, xác định bước đi và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ yếu xuất phát từ điều kiện thực tế, đặc điểm dân tộc, nhu cầu và khả năng thực tế của nhân dân.

Trong khi nhấn mạnh hai nguyên tắc trên đây, Hồ Chí Minh lưu ý vừa chống việc xa rời các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, quá tuyệt đối hóa cái riêng, những đặc điểm của dân

tộc, vừa chống máy móc, giáo điều khi áp dụng các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin mà không tính đến những điều kiện lịch sử - cụ thể của đất nước và của thời đại.

Quán triệt hai nguyên tắc phương pháp luận vừa nêu, Hồ Chí Minh xác định phương châm thực hiện bước đi trong xây dựng chủ nghĩa xã hội: dần dần, thận trọng từng bước một, từ thấp đến cao, không chủ quan nôn nóng và việc xác định các bước đi phải luôn luôn căn cứ vào các điều kiện khách quan quy định. Hồ Chí Minh nhận thức về phương châm "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội" không có nghĩa là làm bừa, làm ẩu, "đốt cháy giai đoạn", chủ quan, duy ý chí, mà phải làm vững chắc từng bước, phù hợp với điều kiện thực tế. Trong các bước đi lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý đến vai trò của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, coi đó là "con đường phải đi của chúng ta", là nhiệm vụ trọng tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng công nghiệp hóa, theo Hồ Chí Minh, không có nghĩa là xây dựng những nhà máy, xí nghiệp cho thật to, quy mô cho thật lớn bất chấp những điều kiện cụ thể cho phép trong từng giai đoạn nhất định. Theo Người, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thực hiện thắng lợi trên cơ sở xây dựng và phát triển nền nông nghiệp toàn diện, vững chắc, một hệ thống tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nhẹ đa dạng nhằm giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm cho nhân dân, các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu cho xã hội.

Cùng với các bước đi, Hồ Chí Minh đã gợi ý nhiều phương thức, biện pháp tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên thực tế, Người đã chỉ đạo một số cách làm cụ thể sau đây:

- Thực hiện cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính.

- Kết hợp xây dựng và bảo vệ, đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền Nam - Bắc khác nhau trong phạm vi một quốc gia.

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có kế hoạch, biện pháp, quyết tâm để thực hiện thắng lợi kế hoạch.

- Trong điều kiện nước ta, biện pháp cơ bản, quyết định, lâu dài trong xây dựng chủ nghĩa xã hội là đem của dân, tài dân, sức dân, làm cho dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hồ Chí Minh cho rằng, phải huy động hết tiềm năng, nguồn lực có trong dân để đem lại lợi ích cho dân. Nói cách khác, phải biến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội thành sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo. Vai trò lãnh đạo của Đảng cầm quyền là tập hợp lực lượng, đề ra đường lối, chính sách để huy động và khai thác triệt để các nguồn lực của dân, vì lợi ích của quần chúng lao động.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bao quát những vấn đề cốt lõi, cơ bản nhất, trên cơ sở vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin. Đó là các luận điểm về bản chất, mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội; về tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ; về đặc điểm, nhiệm vụ lịch sử, nội dung, các hình

thức, bước đi và biện pháp tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tư tưởng đó trở thành tài sản vô giá, cơ sở lý luận và kim chỉ nam cho việc kiên trì, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta, đồng thời gợi mở nhiều vấn đề về xác định hình thức, biện pháp và bước đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với những đặc điểm dân tộc và xu thế vận động của thời đại ngày nay. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng nhất.

Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh là người tìm ra con đường giải phóng dân tộc Việt Nam: Con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cũng chính là mục tiêu cao cả, bất biến của toàn Đảng, toàn dân ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đấu tranh giành độc lập dân tộc, từng bước quá độ dần lên chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện nước ta, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội, sau khi giành độc lập dân tộc phải đi lên chủ nghĩa xã hội, vì đó là quy luật tiến hóa trong quá trình phát triển của xã hội loài người. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đáp ứng được khát vọng của toàn dân tộc; độc lập dân tộc, dân chủ cho nhân dân, cơm no áo ấm cho mọi người dân Việt Nam. Thực tiễn phát triển đất nước cho thấy, độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc.

Hiện nay, chúng ta đang tiến hành đổi mới toàn diện đất nước vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công

bằng, văn minh" là tiếp tục con đường cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Đổi mới, vì thế, là quá trình vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chứ không phải là thay đổi mục tiêu.

Tuy nhiên, khi chấp nhận kinh tế thị trường, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta phải tận dụng các mặt tích cực của nó, đồng thời phải biết cách ngăn chặn, phòng tránh các mặt tiêu cực, bảo đảm nhịp độ phát triển nhanh, bền vững trên tất cả mọi mặt của đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; không vì phát triển, tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá mà làm phương hại các mặt khác của cuộc sống con người.

Vấn đề đặt ra là trong quá trình phát triển vẫn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, biết cách sử dụng các thành tựu của loài người phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại làm cho tăng trưởng kinh tế luôn đi liền với sự tiến bộ, công bằng xã hội, sự trong sạch, lành mạnh về đạo đức, tinh thần.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, trước hết là nội lực để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn liền với phát triển kinh tế tri thức.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức là con đường tất yếu của nước ta. Chúng ta phải tranh thủ thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ, của điều kiện giao lưu, hội nhập quốc tế để nhanh chóng biến nước ta thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, sánh vai với các

cường quốc năm châu như mong muốn của Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn: Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, phải đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân, nghĩa là phải biết phát huy mọi nguồn lực vốn có trong dân để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Theo tinh thần đó, ngày nay, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức phải dựa vào nguồn lực trong nước là chính, có phát huy mạnh mẽ nội lực mới có thể tranh thủ sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài. Trong nội lực, nguồn lực con người là vốn quý nhất.

Nguồn lực của nhân dân, của con người Việt Nam bao gồm trí tuệ, tài năng, sức lao động, của cải thật to lớn. Để phát huy tốt sức mạnh của toàn dân tộc nhằm xây dựng và phát triển đất nước, cần giải quyết tốt các vấn đề sau:

- Tin dân, dựa vào dân, xác lập quyền làm chủ của nhân dân trên thực tế, làm cho chế độ dân chủ được thực hiện trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người, nhất là ở địa phương, cơ sở, làm cho dân chủ thật sự trở thành động lực của sự phát triển xã hội.

- Chăm lo mọi mặt đời sống của nhân dân để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Thực hiện nhất quán chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh, trên cơ sở lấy liên minh công - nông - trí thức làm nòng cốt, tạo nên sự đồng thuận xã hội vững chắc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải biết tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi, tận dụng tối đa sức mạnh của thời đại. Ngày nay, sức mạnh của thời đại tập trung ở cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, xu thế toàn cầu hóa. Chúng ta cần ra sức tranh thủ tối đa các cơ hội do xu thế đó tạo ra để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; phải có cơ chế, chính sách đúng để thu hút vốn đầu tư, kinh nghiệm quản lý và công nghệ hiện đại, thực hiện kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Muốn vậy, chúng ta phải có đường lối chính trị độc lập, tự chủ. Tranh thủ hợp tác phải đi đôi với thường xuyên khơi dậy chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính của mọi người Việt Nam nhằm góp phần làm gia tăng tiềm lực quốc gia.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn liền với nhiệm vụ trau dồi bản lĩnh và bản sắc văn hóa dân tộc, nhất là cho thanh, thiếu niên - lực lượng rường cột của nước nhà, để không tự đánh mất mình, không xa rời cốt cách dân tộc. Chỉ có bản lĩnh và cốt cách văn hóa dân tộc sâu sắc, mạnh mẽ đó mới có thể loại trừ các yếu tố độc hại, tiếp thu tinh hoa văn hóa loài người, làm phong phú, làm giàu nền văn hóa dân tộc.

Chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh, làm trong sạch bộ máy nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân cần đến vai trò lãnh đạo của

một đảng cách mạng chân chính, một nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân. Muốn vậy phải:

- Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, một Đảng "đạo đức, văn minh". Cán bộ, đảng viên gắn bó máu thịt với nhân dân, vừa là người hướng dẫn, lãnh đạo nhân dân, vừa hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, gương mẫu trong mọi việc.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; thực hiện cải cách nền hành chính quốc gia một cách đồng bộ để phục vụ đời sống nhân dân.

- Bằng các giải pháp thiết thực, cụ thể, hình thành một đội ngũ cán bộ liêm khiết, tận trung với nước, tận hiếu với dân; kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy chính quyền những "ông quan cách mạng", lạm dụng quyền lực của dân để mưu cầu lợi ích riêng; phát huy vai trò của nhân dân trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

- Giáo dục mọi tầng lớp nhân dân ý thức biết cách làm giàu cho đất nước, hăng hái đẩy mạnh tăng gia sản xuất kinh doanh gắn liền với tiết kiệm để xây dựng nước nhà. Trong điều kiện đất nước còn nghèo, tiết kiệm phải trở thành quốc sách, thành một chính sách kinh tế lớn và cũng là một chuẩn mực đạo đức, một hành vi văn hóa như Hồ Chí Minh đã căn dặn: "Một dân tộc biết cần, biết kiệm" là một dân tộc văn minh, tiến bộ; dân tộc đó chắc chắn sẽ thắng được nghèo nàn, lạc hậu, ngày càng giàu có về vật chất, cao đẹp về tinh thần.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hồ Chí Minh khẳng định tính tất yếu của sự lựa chọn xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn nào?

2. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh là gì?

3. Trình bày những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

4. Phân tích vai trò, mối quan hệ giữa các động lực trong xây dựng chủ nghĩa xã hội?

5. Nội dung của tính tất yếu con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam gồm những vấn đề gì?

6. Những nguyên tắc có tính phương pháp luận trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

Chương 5

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh không chỉ nhận thức sáng rõ thêm về vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân là người sáng tạo nên lịch sử, động lực của các cuộc cách mạng, mà còn phát hiện được rằng sức mạnh của quần chúng chỉ có thể phát huy đầy đủ, đúng đắn khi có sự lãnh đạo của một "đảng cách mệnh" chân chính. Chính vì vậy, Người khẳng định, muốn làm cách mạng thì "trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy"[1]. Luận điểm nêu trên của Hồ Chí Minh chỉ ra rằng:

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhưng đó không phải là tổng số quần chúng gộp lại một cách cơ học, mà là khối đại đoàn kết toàn dân được giáo dục, được giác ngộ, có tổ chức,

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.2, tr.267-268.

được dẫn dắt bởi đường lối đúng đắn của một chính đảng vô sản.

- Đảng Cộng sản có trách nhiệm "vận động và tổ chức dân chúng" và sứ mệnh của Đảng được xem như "người cầm lái", người dẫn đường. Đảng có trách nhiệm hoạch định đường lối đúng đắn và đưa đường lối đó "vào nhân gian" để giác ngộ, tập hợp, tổ chức nhân dân đứng lên đấu tranh thực hiện giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Do đó, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định nhất bảo đảm thắng lợi của cách mạng.

Đây là nhận thức hoàn toàn mới, vào đầu thế kỷ XX chưa có nhà hoạt động cách mạng nào trước Hồ Chí Minh đạt được. Những tổ chức cách mạng ra đời trước Đảng Cộng sản, từ Việt Nam Quang phục hội đến Việt Nam Quốc dân Đảng, chẳng những hạn chế về hệ tư tưởng (tiểu tư sản và tư sản), mà cách thức tổ chức cũng chưa đủ tầm vóc của một đảng chính trị đích thực. Do đó, các tổ chức này thiếu kỷ luật chặt chẽ, không đủ sức hoạch định được đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn để lãnh đạo quần chúng tiến hành cách mạng. Thiếu sót ấy chỉ được khắc phục khi Hồ Chí Minh thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Luận điểm nêu trên của Hồ Chí Minh đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Nếu không có sự lãnh đạo của Đảng thì không thể thực hiện được mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nếu mơ hồ, nhận thức lệch lạc về vai trò lãnh đạo của Đảng, sẽ dễ rơi vào âm mưu của các thế lực cơ hội, thù địch hòng xuyên tạc kích động, lợi dụng, làm hạn chế, suy yếu sức mạnh của Đảng, của cách mạng. Mặt khác, cần thấy rõ lãnh đạo là chức năng gốc của Đảng, nếu buông lỏng sự lãnh đạo sẽ đánh mất niềm tin của quần chúng, cách mạng sẽ đi chệch

hướng, gặp khó khăn, thậm chí thất bại. Vì thế, đổi mới, chính đốn Đảng không phải là từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, mà là tìm ra các hình thức, phương pháp lãnh đạo đạt hiệu quả cao hơn trong tình hình mới.

2. Quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Khi nghiên cứu tình hình ở các nước tư bản, V.I.Lênin đã nêu ra luận điểm: Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân. Bám sát đặc điểm tình hình Việt Nam là một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, Hồ Chí Minh cho rằng, nếu kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân thì chưa đủ, vì giai cấp công nhân còn nhỏ bé, phong trào công nhân còn non yếu. Trong khi đó, phong trào yêu nước rất mãnh liệt của nhân dân, bất luận là giai cấp, tầng lớp nào, vì vậy phải kết hợp với phong trào yêu nước của đông đảo quần chúng. Mặt khác, bản thân phong trào công nhân Việt Nam cũng sẽ không thể phát triển, không thể xứng đáng với vai trò hạt nhân quy tụ các giai cấp, tầng lớp đứng lên đấu tranh nếu không "tự mình trở thành dân tộc". Sau này, Người đã khái quát: "Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930"[1].

Chính từ nhận thức đó, trong quá trình chuẩn bị thành lập Đảng, Hồ Chí Minh đã định hướng đúng đắn cho sự vận động của hai quá trình: *Một là*, đưa phong trào yêu nước chuyển dần từ lập trường quốc gia sang khuynh hướng mácxít, rồi từ khuynh

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.10, tr.8.

hướng mácxít chuyển sang lập trường cộng sản. *Hai là*, đưa phong trào công nhân chuyển dần từ tự phát sang tự giác. Nhân tố đóng vai trò quyết định bảo đảm sự chuyển biến về chất của phong trào công nhân và phong trào yêu nước là chủ nghĩa Mác-Lênin, thông qua vai trò truyền bá có hệ thống của Hồ Chí Minh. Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, đó cũng chính là con đường mà Hồ Chí Minh đã trải nghiệm và cũng là con đường tiến triển của dân tộc ta đầu thế kỷ XX.

Ý nghĩa của luận điểm này thể hiện ở hai điểm:

- Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi mới ra đời đã gắn bó với dân tộc, hòa mình cùng dân tộc, sinh tồn với sứ mệnh của dân tộc. Không phải mọi người yêu nước đều là cộng sản, nhưng đã là người cộng sản thì phải có tinh thần yêu nước, phấn đấu cho độc lập của dân tộc, tự do, hạnh phúc của nhân dân, vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Nắm vững chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời nắm vững đầy đủ thực tiễn của đất nước để vận dụng, phát triển đúng đắn, sáng tạo phù hợp với tình hình đất nước, dân tộc là yêu cầu cần thiết của những người cộng sản chân chính.

3. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam

Bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã có một luận điểm quan trọng là: *Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam*. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951), Người khẳng định: "Trong giai

đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam"[1]. Khi miền Bắc chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, năm 1961, Người nhắc lại luận điểm này: "Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị"[2].

Luận điểm nêu trên đã chỉ đạo cách thức tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ thể hiện bản chất giai cấp công nhân, mà còn gắn bó máu thịt với dân tộc. Mọi hoạt động của Đảng không có lợi ích nào khác ngoài phụng sự giai cấp, phụng sự nhân dân, phụng sự Tổ quốc. Chính vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam được nhân dân thừa nhận và gọi trìu mến, gần gũi là "*Đảng ta*". Đó là một cội nguồn sức mạnh của Đảng.

Nói Đảng của giai cấp, đồng thời là của dân tộc, song không có ý nghĩa là "Đảng toàn dân", không mang bản chất giai cấp, mà đó là *Đảng mang bản chất giai cấp công nhân*. Sở dĩ có đặc trưng đó là vì, khác hẳn các chính đảng của giai cấp bóc lột, giai cấp công nhân có lợi ích thống nhất với lợi ích của các tầng lớp cần lao và lợi ích của toàn dân tộc. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng không chỉ ở số lượng đảng viên xuất thân từ công nhân, mà cơ bản là nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác-Lênin; mục tiêu, đường lối của Đảng thực sự vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người; ở vấn đề Đảng nghiêm túc

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.6, tr.175.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.10, tr.467.

tuân thủ nguyên tắc của Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Đảng không chỉ kết nạp những người ưu tú trong giai cấp công nhân, mà còn kết nạp cả những người ưu tú trong giai cấp nông dân, trong đội ngũ trí thức và các thành phần khác đã được giác ngộ, tự giác đứng trên lập trường giai cấp công nhân.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII nhấn mạnh: "Khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng, chúng ta không tách rời Đảng và giai cấp với các tầng lớp nhân dân lao động khác, với toàn thể dân tộc. Ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã mang trong mình tính thống nhất giữa yếu tố giai cấp và yếu tố dân tộc. Chính lập trường và lợi ích giai cấp công nhân đòi hỏi trước hết phải giải phóng dân tộc. Đảng tìm thấy nguồn sức mạnh không chỉ ở giai cấp công nhân mà còn ở các tầng lớp nhân dân lao động, ở cả dân tộc. Cũng từ đó, nhân dân lao động và cả dân tộc đã thừa nhận Đảng ta là người lãnh đạo, người đại biểu chân chính cho quyền lợi cơ bản và thiết thân của mình"[1]. Đó cũng là vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng đối với tình hình hiện nay trong công tác xây dựng Đảng, tránh bệnh "tả" khuynh (cô độc, biệt phái) hoặc hữu khuynh (xóa nhòa bản chất giai cấp công nhân của Đảng).

4. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền

Khái niệm Đảng cầm quyền được Hồ Chí Minh viết trong bản Di chúc năm 1969. Theo Hồ Chí Minh Đảng cầm quyền là Đảng tiếp tục lãnh đạo cách mạng trong điều kiện Đảng đã lãnh

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb.Sự thật, H.1991, tr.128.

đạo nhân dân giành được chính quyền nhà nước và trực tiếp lãnh đạo bộ máy nhà nước đó để tiếp tục hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Về nội dung Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh nhấn mạnh mấy vấn đề:

Thứ nhất, Đảng cầm quyền, dân là chủ, mọi quyền hành đều từ nhân dân. Mọi quyền hành thuộc về nhân dân là một trong những nguyên tắc. Nếu vi phạm nguyên tắc này Nhà nước sẽ thoái hóa, đứng trên nhân dân, đứng trên pháp luật, sẽ là quan cách mạng " vinh thân phì gia".

Muốn Đảng cầm quyền, dân là chủ phải xây dựng cơ chế mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. "Cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người"[1]. Như vậy, khi Đảng cầm quyền, quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân, dân làm chủ và dân là gốc.

Mặt khác, dân muốn làm chủ thực sự thì phải theo Đảng, nhân dân phải tham gia xây dựng chính quyền, tham gia quản lý Nhà nước: "Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng... làm đầy tớ cho nhân dân chứ không phải làm quan cách mạng"[2].

Thứ hai, khi Đảng cầm quyền, đảng viên được giao quyền nhưng không được xa rời nhân dân, không được tha hóa.

Thứ ba, Đảng cầm quyền là đứng trước thử thách nặng nề với nhiệm vụ xây dựng xã hội mới làm cho nhân dân được no ấm, được học hành. Đảng cầm quyền vừa là người lãnh đạo, vừa

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.2, tr.270.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.8, tr.375.

phải rèn luyện phẩm chất năng lực cần thiết: "chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"[1]. Đảng lãnh đạo phải quan tâm những công việc lớn chiến lược là phải chăm lo đời sống thường nhật của nhân dân. Đảng phải gắn bó mật thiết với nhân dân. Mọi công việc mà lãnh đạo xuất phát từ yêu cầu của nhân dân và lại trở lại giải quyết những yêu cầu thực tế của nhân dân.

Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay. Phải thông qua chính quyền nhà nước của dân để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội. Đảng lãnh đạo xây dựng pháp luật để quản lý nhà nước. Phải giữ cho Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh. Đảng phải thực hiện chế độ kiểm tra. Việc gì có lợi cho dân thì phải làm cho kỳ được, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh.

Mỗi đảng viên phải có tri thức khoa học, trình độ nghiệp vụ chuyên môn, thấm nhuần đạo đức cách mạng: "cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư". Đảng viên phải tự sửa chữa khuyết điểm như tự rửa mặt hàng ngày.

II. QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

1. Đảng lấy chủ nghĩa nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động

Ngay trong quá trình vận động chuẩn bị thành lập Đảng, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Đảng

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.3, tr.139.

muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"[1]. Dẫn đường cho mọi hoạt động của các giai cấp đều cần thiết phải có một học thuyết cách mạng. Song, theo Hồ Chí Minh, "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"[2]. Nếu không có lý luận dẫn đường, Đảng chỉ là một tập hợp ngẫu nhiên, rời rạc, thiếu thống nhất và không có sức mạnh. Chủ nghĩa Mác-Lênin chính là học thuyết "chân chính nhất", "cách mệnh nhất", vì nó chỉ ra cho Đảng mục tiêu, con đường thực hiện sứ mệnh giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và giải phóng dân tộc, xóa bỏ áp bức, bất công, xây dựng một chế độ xã hội mới tốt đẹp.

Lấy chủ nghĩa Mác-Lênin "làm cốt" không có ý nghĩa là giáo điều, máy móc theo từng câu, từng chữ của Mác, của Lênin, mà chính là nắm vững tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lênin, trong đó linh hồn sống là phép biện chứng duy vật. Hay theo cách nói của Hồ Chí Minh là nắm vững lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin. Đồng thời, phải thâu thái những tinh hoa của văn hóa dân tộc và nhân loại, tham khảo kinh nghiệm của các đảng anh em, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam để hoạch định đường lối đúng đắn. Bản thân Hồ Chí Minh đã nêu một tấm gương mẫu mực về vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

[1, 2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.2, tr.268.

Trong tình hình hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam, một mặt, phải kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, mặt khác, phải không ngừng sáng tạo lý luận. Không kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, Đảng sẽ rơi vào chủ nghĩa cơ hội, xét lại, rốt cuộc cũng không có sáng tạo lý luận đích thực. Ngược lại, không phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trong tình hình mới Đảng sẽ làm mất đi sức sống và không đáp ứng được những yêu cầu của thời đại mới. Dĩ nhiên, phải luôn xác định được ranh giới giữa kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin với các biểu hiện bảo thủ, giáo điều; giữa sáng tạo lý luận với cơ hội chính trị.

2. Các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng

Thứ nhất, tập trung dân chủ.

Đây là nguyên tắc rường cột để xây dựng Đảng Cộng sản thành một tổ chức chiến đấu chặt chẽ, vừa phát huy sức mạnh của mỗi người, vừa phát huy sự nghiệp của tất cả những ai đã tự nguyện gắn bó với nhau thành một tổ chức. Theo Hồ Chí Minh, đây là nguyên tắc tổ chức của Đảng. Dân chủ và tập trung có quan hệ gắn bó và thống nhất với nhau, là hai mặt của một vấn đề. Dân chủ không đối lập với tập trung, mà chỉ đối lập với tình trạng độc đoán, chuyên quyền. Tập trung không đối lập với dân chủ, mà chỉ đối lập với tình trạng tản mát, tự do tùy tiện, vô tổ chức. Dân chủ là để đi đến tập trung, là cơ sở của tập trung. Tập trung chỉ có thể đạt được trên cơ sở phát huy dân chủ thật sự trong Đảng.

Để bảo đảm tập trung, Người nhấn mạnh phải thống nhất về tư tưởng, tổ chức, hành động. Do đó, thiểu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, mọi đảng viên phải chấp hành vô

điều kiện nghị quyết của Đảng. Từ đó làm cho "Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người"[1].

Để bảo đảm dân chủ, Người yêu cầu tư tưởng phải được tự do. Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng chính là nghĩa vụ của mọi người. "Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra *quyền tự do phục tùng chân lý*"[2].

Thứ hai, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Hồ Chí Minh cho rằng, đây là nguyên tắc lãnh đạo của Đảng. Sở dĩ phải bảo đảm tập thể lãnh đạo là vì một người dù tài giỏi đến mấy cũng không thể thấy hết mọi mặt của một vấn đề, càng không thể thấy hết được mọi việc, hiểu hết được mọi chuyện. Nhiều người thì nhiều kiến thức, người thấy mặt này, người thấy mặt kia, do đó hiểu được mọi mặt, mọi vấn đề. Sở dĩ phải theo nguyên tắc cá nhân phụ trách là vì nếu không sẽ dẫn tới tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ, rồi hỏng việc. Không xác định rõ cá nhân phụ trách thì giống như "nhiều sãi không ai đóng cửa chùa", người này ỷ vào người kia. Vì thế, bất kỳ công việc gì sau khi đã được tập thể bàn bạc kỹ lưỡng, kế hoạch rõ ràng, thì cần giao cho một người phụ trách, nếu giao cho một nhóm người thì cũng cần có một người phụ trách chính, như thế công việc mới chạy, mới tránh được thói dựa dẫm, đùn đẩy trách nhiệm. Do đó, tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn đi đôi với nhau.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.553.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.8, tr.216.

Thứ ba, tự phê bình và phê bình.

Hồ Chí Minh coi đây là nguyên tắc sinh hoạt Đảng, là quy luật phát triển của Đảng. Có khi Người nói phê bình và tự phê bình, có khi Người nói tự phê bình và phê bình, nhưng thường đặt tự phê bình lên trước phê bình. Bởi vì, Người cho rằng, mỗi đảng viên trước hết phải thấy rõ mình, để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, giống như phải tự soi gương rửa mặt hàng ngày. Hơn nữa, nếu tự phê bình tốt thì mới phê bình người khác tốt được. Hồ Chí Minh xem tự phê bình và phê bình là vũ khí để rèn luyện đảng viên nhằm làm cho mỗi người tốt hơn, tiến bộ hơn và tăng cường đoàn kết nội bộ. Người chỉ rõ: "một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"[1]. Cán bộ càng cao, trách nhiệm càng lớn, càng phải gương mẫu tự phê bình và phê bình. Muốn thực hiện tốt nguyên tắc này đòi hỏi mỗi người phải trung thực, chân thành với bản thân mình cũng như với người khác, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Người phê phán những thái độ lệch lạc, sai trái thường xảy ra trong tự phê bình và phê bình như thiếu trung thực, che giấu khuyết điểm của bản thân, sợ phê bình, không dám phê bình, nể nang né tránh, dĩ hòa vi quý, hoặc ngược lại lợi dụng phê bình để nói xấu, bôi nhọ, vùi dập, đả kích người khác...

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.261.

Thứ tư, kỷ luật nghiêm minh và tự giác.

Hồ Chí Minh coi trọng việc xây dựng kỷ luật nghiêm minh và tự giác trong Đảng để tạo nên sức mạnh to lớn. Yêu cầu cao nhất của kỷ luật Đảng là chấp hành các chủ trương, nghị quyết của Đảng và tuân thủ các nguyên tắc tổ chức, lãnh đạo và sinh hoạt đảng, các nguyên tắc xây dựng Đảng. Có như vậy, Đảng mới là một khối thống nhất về tư tưởng và hành động. Nếu không có kỷ luật, không thống nhất về tư tưởng và hành động, "Đảng sẽ xệch xoạc, ý kiến lung tung, kỷ luật lỏng lẻo, công việc bê trễ"[1]. Mỗi đảng viên dù ở cương vị nào, mỗi cấp ủy đảng dù ở cấp nào, cũng phải nghiêm túc chấp hành kỷ luật của Đảng, biến kỷ luật thành ý thức và hành động tự giác.

Thứ năm, đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Hồ Chí Minh xem đoàn kết, thống nhất trong Đảng là cơ sở để xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Người yêu cầu mọi cán bộ, đảng viên phải bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng như bảo vệ con ngươi của mắt mình. Cơ sở để xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng chính là đường lối, quan điểm của Đảng và Điều lệ Đảng. Nó tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, về tổ chức, từ đó có sự thống nhất về hành động của toàn Đảng, nhằm đưa đường lối, quan điểm của Đảng vào thực tiễn, biến đường lối của Đảng thành hành động cách mạng của quần chúng. Để xây dựng khối đại đoàn kết thống nhất trong Đảng, Người yêu cầu phải thực hiện và mở rộng dân chủ nội bộ để cán bộ, đảng viên có thể tham gia bàn bạc đến nơi đến chốn những vấn đề hệ trọng của Đảng; phải thường xuyên thực hiện

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.258.

tự phê bình và phê bình với tinh thần trung thực, chân thành, thẳng thắn, tự nghiêm khắc với mình và có tình thương yêu đồng chí; phải thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân với bao nhiêu thứ tệ nạn nảy sinh từ chủ nghĩa cá nhân.

Những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản mà Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn nay vẫn còn nguyên tính thời sự. Thực tế những năm đổi mới đã chỉ rõ, ở đâu có quan liêu, tham nhũng, ở đó xa rời nguyên tắc tập trung dân chủ; chưa thật sự bảo đảm tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; thiếu tinh thần tự phê bình và phê bình; kỷ luật lỏng lẻo; thiếu gắn bó mật thiết với nhân dân. Vì vậy, tuân thủ các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản là những vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách hiện nay. Chính vì vậy, chúng ta phải không ngừng nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, cụ thể hóa những nguyên tắc đó một cách phù hợp với từng tổ chức Đảng trong từng cơ quan thuộc hệ thống chính trị và tổ chức kinh tế, xây dựng một cơ chế tương hỗ để các nguyên tắc đó phát huy đầy đủ, đúng đắn, tránh vận dụng lệch lạc, tùy tiện. Trong đó những vấn đề cấp bách cần thực hiện tốt là tiến hành bất cứ công việc gì cũng đều phải thật sự dân chủ thảo luận, tập thể quyết nghị. Sau khi đã có quyết nghị của tập thể, việc giao nhiệm vụ phải có địa chỉ rõ ràng, có người cụ thể chịu trách nhiệm, có lộ trình cam kết thực hiện, có kiểm tra theo đúng lộ trình đã cam kết.

3. Mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân

Bất kỳ đảng phái nào muốn thực hiện được ý đồ chính trị của mình thì cũng đều phải huy động, tập hợp nhân dân. Song, sự

khác nhau căn bản giữa phương pháp của Đảng Cộng sản so với các đảng tư sản là việc tập hợp quần chúng nhân dân nhằm thực hiện những công việc vì chính bản thân quần chúng. Theo cách nói của Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng là nhằm "lấy tài dân, sức dân để làm những công việc có lợi cho dân", chứ không phải vì lợi ích của người lãnh đạo. Mục tiêu lãnh đạo của Đảng chính là vì độc lập và tự do của dân tộc, hạnh phúc và dân chủ của nhân dân. Trên ý nghĩa đó, sự lãnh đạo của Đảng đồng nghĩa là "đầy tớ" của nhân dân. Khi trở thành Đảng cầm quyền, thì Đảng càng phải ý thức đầy đủ sâu sắc chức trách xã hội của mình. Nếu không thật sự là đầy tớ của nhân dân, thiếu sự gắn bó mật thiết với nhân dân, Đảng sẽ rơi vào trạng thái quan liêu, do đó sẽ mất đi sức sống vốn có của nó. Dựa vào dân, gắn bó mật thiết với nhân dân là điều kiện tồn tại và phát triển của Đảng. Hồ Chí Minh yêu cầu, cán bộ, đảng viên phải thường xuyên đi sâu vào đời sống quần chúng nhân dân, tổng kết, đúc kết ý kiến của quần chúng biến thành chủ trương của người lãnh đạo để quay trở lại chỉ đạo quần chúng. Người cũng lưu ý: người lãnh đạo phải biết tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, nhưng tuyệt đối không được theo đuôi quần chúng.

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đến nay luận điểm "Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân" của Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị. Trong khi tổ chức Đảng có nơi buông lỏng lãnh đạo, khoán trắng cho chính quyền, thì cũng xuất hiện một khuynh hướng ngược lại là quan liêu, gia trưởng, độc đoán, xa rời quần chúng. Do đó, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng phải đi đôi với phát huy dân chủ rộng rãi thông qua hai hình thức

dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Phát huy dân chủ không chỉ là mục tiêu hướng tới của Đảng, mà còn sẽ tạo nên động lực phát triển của Đảng và toàn xã hội. Phải xem dân chủ cũng là một loại lợi ích mà mọi tổ chức Đảng và đảng viên cần quan tâm. Đương nhiên, mở rộng dân chủ phải gắn với tăng cường kỷ cương, chống tình trạng vô chính phủ, tùy tiện, nhất là các biểu hiện lợi dụng dân chủ để chống Đảng, chống nhân dân, chống chế độ.

4. Tư cách người cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ của Đảng

Hồ Chí Minh đề ra một hệ thống các quan điểm về cán bộ và công tác cán bộ. Người nhận thức rất rõ vị trí, vai trò của cán bộ trong sự nghiệp cách mạng. Theo Người, "cán bộ là gốc của mọi công việc". Điều đó có nghĩa là mọi công việc cách mạng đều phải bắt nguồn từ đội ngũ cán bộ. Người khẳng định cán bộ nào thì phong trào ấy, cán bộ là cái gốc của sự nghiệp cách mạng, cán bộ quyết định vai trò thành công hay thất bại của cách mạng.

Cũng theo Hồ Chí Minh, cán bộ còn được hiểu là "dây chuyền của bộ máy", nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, dù chạy toàn bộ máy cũng tê liệt". Cho nên, cán bộ không chỉ truyền đạt, giải thích tinh thần, nội dung chính sách của Đảng và Nhà nước cho dân chúng; mà quan trọng hơn là trong quá trình tổ chức thực hiện, cán bộ phải nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để phản ánh với Đảng và Nhà nước, hoàn thiện đường lối chính sách phù hợp hơn với thực tiễn khách quan của cuộc sống.

Hồ Chí Minh còn nhận định: nói đến cán bộ là nói đến "tiền vốn của đoàn thể", có vốn mới sinh ra lãi. Bất cứ chính sách nào của Đảng và Nhà nước nếu có cán bộ tốt thì thành công, tức là có lãi. Không có cán bộ tốt thì hỏng việc, tức là lỗ vốn.

Như vậy, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, cán bộ có vai trò to lớn trong sự nghiệp cách mạng, quyết định thành công hay thất bại của mọi công việc, có cán bộ tốt thì mọi việc mới thành công.

Để làm rõ tiêu chí người cán bộ tốt, theo Hồ Chí Minh, người cán bộ đó phải hội tụ đủ các yếu tố: đức và tài, phẩm chất và năng lực, trong đó đức, phẩm chất là gốc, là nền tảng quyết định thành công hay thất bại của người cách mạng. Người coi đạo đức cách mạng như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối, "cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân"[1].

5. Thường xuyên chỉnh đốn và đổi mới Đảng

Để xứng đáng với một đảng mácxít chân chính lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của giai cấp và dân tộc, Đảng phải thường xuyên chăm lo xây dựng, chỉnh đốn thật sự vững mạnh trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Sở dĩ phải thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bởi bên cạnh số đông đảng viên mẫu mực thì vẫn còn một bộ phận đảng viên chưa thật sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, thậm chí có không ít đảng viên xa cách nhân dân, có đầu óc làm quan cách mạng, không còn xứng đáng

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.252-253.

danh hiệu người cộng sản. Vì vậy, phải chỉnh đốn để gột rửa tất cả những lỗi lầm, sai trái ấy. Điều này được Hồ Chí Minh lúc sinh thời nhắc đi nhắc lại nhiều lần, nhất là trước lúc đi xa, trong *Di chúc* Người đã căn dặn: "việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân"[1]. Người đã nêu lên một luận điểm quan trọng: "Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân"[2]. Đó là lời cảnh tỉnh cho mọi tổ chức Đảng và đảng viên khi đã trở thành người cầm quyền.

Theo Hồ Chí Minh, "xây dựng" và "chỉnh đốn" là hai vấn đề có mối quan hệ biện chứng. Phải trên cơ sở xây dựng mà chỉnh đốn, chỉnh đốn cũng nhằm mục tiêu xây dựng Đảng vững mạnh hơn, năng lực lãnh đạo được tăng cường. Mục tiêu, nhiệm vụ của mỗi giai đoạn cách mạng đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phấn đấu không ngừng để tiến kịp bước đi của cách mạng.

Đất nước ta đang đứng trước thời cơ, vận hội mới, song cũng đứng trước không ít nguy cơ thách thức, đòi hỏi vai trò lãnh đạo của Đảng phải không ngừng được tăng cường. Để bảo đảm sứ mệnh lãnh đạo trong thời kỳ lịch sử mới, Đảng phải tiếp tục được xây dựng, chỉnh đốn thật sự trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng Hồ Chí Minh trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhằm làm cho Đảng ta xứng đáng

---

[1, 2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.503, 557-558.

"là đạo đức, là văn minh" như Hồ Chí Minh đã khẳng định. Văn minh thể hiện ở trí tuệ của Đảng đủ sức nắm bắt quy luật khách quan, xu thế phát triển của thời cuộc để hoạch định được đường lối đúng đắn lãnh đạo toàn dân thực hiện. Đạo đức thể hiện ở vai trò tiền phong gương mẫu, nói đi đôi với làm, chống chủ nghĩa cá nhân, thật sự trong sạch về lối sống.

Từ chỗ nhận thức rõ những thành tựu và yếu kém trong công cuộc đổi mới đều gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng, do đó, Đảng ta xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, trong đó phải tập trung vào những vấn đề trọng yếu là: giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân; tiếp tục đổi mới công tác cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng; kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Đây chính là việc làm cụ thể nhằm vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới, bảo đảm Đảng ta mãi mãi xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

II. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG HIỆN NAY

Trong một phần tư thế kỷ vừa qua, đất nước ta đã có nhiều biến đổi trên nhiều lĩnh vực. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp xây dựng đất nước qua hơn 25 năm đổi mới đã giành được những thành tựu to lớn có ý nghĩa rất quan trọng: chính trị - xã hội ổn định, an ninh - quốc phòng được giữ vững, kinh tế phát triển, đời sống của các tầng lớp nhân dân được cải thiện, quan hệ của Việt Nam với thế giới được mở rộng, vị thế của nước ta trên

trường quốc tế được nâng cao, con đường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam được khẳng định.

Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, hiện đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiều cơ hội và thách thức đan xen nhau. Thời cơ có nhiều, nhưng nguy cơ cũng không ít. Tình hình mới đòi hỏi Đảng ta phải trưởng thành hơn, phải vượt lên chính bản thân mình, đồng thời cũng bộc lộ rõ những điều bất cập. Những thành tựu của công cuộc đổi mới gắn liền với sự trưởng thành của Đảng; những tồn tại trên nhiều lĩnh vực đòi hỏi phải giải quyết, những tệ nạn, suy thoái đòi hỏi phải khắc phục. Chính vì vậy mà trong nhiều nghị quyết của Đảng trong những năm qua đã luôn đặt vấn đề Đảng phải phấn đấu cho ngang tầm với nhiệm vụ của thời kỳ mới.

Đã có nhiều nghị quyết đặt ra những yêu cầu trong công tác xây dựng Đảng. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm vẫn tồn tại không ít khuyết điểm; đáng chú ý là những khuyết điểm, lệch lạc, suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên ở mọi cấp, mọi ngành lại có chiều hướng trở thành phổ biến hơn, nghiêm trọng hơn. Tham nhũng đã trở thành quốc nạn. Bệnh quan liêu với nhiều biểu hiện khác nhau đã làm tổn thương không nhỏ đối với mối quan hệ của Đảng và Nhà nước với nhân dân. Chính vì vậy, Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (12-1999) và gần đây nhất là Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (1-2012) đã ra Nghị quyết về "Một số vấn đề cấp bách về công tác xây dựng Đảng hiện nay". Nghị quyết đã đề cập nhiều vấn đề lớn: quan điểm tư tưởng chính trị;

những vấn đề lý luận cần làm rõ; việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình, phê bình trong Đảng; vấn đề giáo dục lý luận - chính trị, đạo đức, lối sống; chống tham nhũng, quan liêu; tổ chức cơ sở Đảng; việc sắp xếp lại bộ máy của Đảng, Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Hội nghị cũng chủ trương phát động "cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng", đưa việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng vào nền nếp thường xuyên trong toàn Đảng.

Như vậy, điều căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Di chúc* về chỉnh đốn Đảng đã được thực hiện bằng cuộc vận động lớn này. Nội dung các Nghị quyết Trung ương 6 khóa VIII, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng đã quán triệt những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản. Toàn Đảng cần thực hiện tốt cuộc vận động này. Các tầng lớp nhân dân cần đóng góp xây dựng Đảng qua cuộc vận động này. Sự gắn bó giữa Đảng với dân sẽ tạo nên bước chuyển biến tiến bộ quan trọng của Đảng, từ đó đưa tới những bước phát triển mới trong toàn xã hội. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng chỉ được củng cố và nâng cao khi Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, đem lại những chuyển biến thực sự trong cuộc sống.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhằm thực hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh". Văn minh có thể hiểu là trí tuệ. Đảng phải là Đảng của trí tuệ tiên phong ngang tầm thời đại thì mới đưa dân tộc vững bước tiến vào thế kỷ XXI, mới giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa, mới giành thắng lợi trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại

hóa đất nước. Đảng phải là Đảng đạo đức theo gương đạo đức Hồ Chí Minh thì mới xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Vì sao Hồ Chí Minh khẳng định Đảng là nhân tố quyết định hàng đầu đưa cách mạng đến thắng lợi?

2. Vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam là "Đảng của giai cấp công nhân đồng thời là Đảng của dân tộc"?

3. Vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin "làm cốt"?

4. Phân tích quan điểm Hồ Chí Minh về các nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân?

5. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, việc tự chỉnh đốn, tự đổi mới Đảng được tiến hành như thế nào?

Chương 6

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

I. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước phản ánh những quan niệm của người về xây dựng nhà nước kiểu mới của dân, do dân, vì dân. Sau khi nước nhà giành được độc lập Người khẳng định: "Nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*, bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*... Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương *do dân cử ra*. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*"[1]. Đó là điểm khác nhau về bản chất giữa nhà nước của nhân dân với các nhà nước của giai cấp bóc lột đã từng tồn tại trong lịch sử.

a. Nhà nước của dân

Nhà nước của dân là quan điểm cơ bản, nhất quán của Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới ở nước ta.

Đó là nhà nước mà nhân dân là chủ, tất cả quyền lực thuộc về

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.698.

nhân dân, dân có địa vị cao nhất, có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước.

Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định: "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ"[1].

"Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ"[2]; "*Dân chủ* là của quý báu nhất của nhân dân"[3].

Dân là chủ thế quyền lực thì bộ máy nhà nước là cơ quan thừa hành ý chí, nguyện vọng của dân. Cán bộ công chức nhà nước là công bộc của dân.

Tư tưởng về nhà nước của dân được khẳng định trong Điều I và Điều 32 Hiến pháp 1946.

"*Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo*".

"*Những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết*"[4].

Thực chất đó là chế độ trưng cầu dân ý, một hình thức dân chủ trực tiếp đã được đề ra khá sớm ở nước ta.

Như vậy, Nhà nước của dân thì dân là chủ, được hưởng mọi quyền dân chủ có quyền làm bất cứ việc gì mà pháp luật không cấm và có nghĩa vụ tuân theo pháp luật. Nhà nước phải hình

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.6, tr.515.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.7 tr.499.

[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.8 tr.279.

[4] *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb.Lao động - Xã hội H. 2009, tr.6,13.

thành được các thiết chế dân chủ để đảm bảo việc thực thi quyền làm chủ của người dân.

b. Nhà nước do dân

Nhà nước do dân là nhà nước do nhân dân làm chủ nhà nước, là lực lượng xây dựng, giữ gìn hoàn thiện nhà nước, quy định sức mạnh của nhà nước quyền làm chủ nhà nước được thể hiện trên những điểm sau:

- Dân phát huy quyền làm chủ để tổ chức lên cơ quan nhà nước thông qua tổng tuyển cử, phổ thông, trực tiếp, bỏ phiếu kín để bầu ra những đại biểu xứng đáng đại diện cho dân vào cơ quan quyền lực nhà nước; đồng thời dân cũng có quyền bãi miễn đại biểu, cơ quan nhà nước nếu không xứng đáng với dân, đi ngược lại lợi ích của dân.

- Dân tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà nước, tham gia quản lý nhà nước. Đóng góp ý kiến xây dựng cán bộ, công chức và chính sách pháp luật của nhà nước.

- Dân có nghĩa vụ đóng góp đối với Nhà nước, đặc biệt là thuế để Nhà nước chi tiêu hoạt động.

Hồ Chí Minh nói: "Dân như nước, mình như cá, lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết". Do đó, Người yêu cầu: "Tất cả các cơ quan nhà nước là phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân"[1].

Nhà nước do dân thể hiện sự thống nhất biện chứng của quyền lợi và nghĩa vụ, thể hiện triệt để bản chất dân chủ của nhà nước kiểu mới.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.9, tr.591.

c. Nhà nước vì dân

Là nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, do đó mọi hoạt động của nhà nước đều mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân. Không có đặc quyền, đặc lợi,thực sự trong sạch, cần kiệm, liêm chính...

Hồ Chí Minh đã nói: "Nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, "việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm, việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh"[1]. Ngay sau khi nước nhà độc lập trong thư gửi các Kỳ, Tỉnh, Huyện và Làng (10-1945), Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập chẳng có nghĩa lý gì"[2].

Người nhắc nhở các cấp chính quyền trước hết phải

"Làm cho dân có ăn

Làm cho dân có mặc

Làm cho dân có chỗ ở

Làm cho dân có học hành"[3].

Mặt khác, chính sách và pháp luật của nhà nước phải phản ánh được tâm tư và nguyện vọng của nhân dân cả lợi ích trước mắt và lâu dài. Nhiều nhà nước của giai cấp bóc lột khi ở giai đoạn tích cực tiến bộ cũng chủ trương thân dân. Thậm chí cũng nêu nhà nước "vì dân" nhưng đó chỉ là một thiện chí hay một chiêu bài mang nặng hình thức bởi vì muốn là nhà nước vì dân một cách thực chất thì phải là nhà nước của dân, do dân và do giai cấp công nhân lãnh đạo.

[1, 2, 3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.56-57, 56, 152.

Để phục vụ nhân dân được tốt thì nhà nước đó phải thật sự trong sạch vững mạnh. Mọi cán bộ nhà nước đều vì dân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, đều là đầy tớ trung thành của nhân dân dù ở bất kỳ cấp nào, ngành nào. Ngay như chức Chủ tịch nước của mình, Hồ Chí Minh cũng quan niệm là do nhân dân ủy thác cho và như vậy phải phục vụ nhân dân, tức là làm đầy tớ cho nhân dân. Người nói: "Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui... Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, trẻ em chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi"[1]. Hồ Chí Minh đã chỉ ra những khuyết điểm và nhắc nhở cán bộ, công chức phải tránh xa và nếu mắc phải kiên quyết sửa chữa để mang lại lợi ích cho nhân dân. Đó là lệnh trái phép, cậy thế, hủ hóa, chia rẽ, kiêu ngạo... Về sau Người thường nói tham ô, lãng phí, quan liêu đó là giặc nội xâm.

Như vậy, Nhà nước của dân, do dân, vì dân là tính chất và là nội dung thuộc về bản chất dân chủ của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước

Xuất phát từ lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, nhà

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.161.

nước là sản phẩm trực tiếp của xã hội có giai cấp đối kháng và đấu tranh giai cấp. Do đó không có nhà nước phi giai cấp và siêu giai cấp mà nhà nước bao giờ cũng phải gắn liền với một giai cấp nhất định.

Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, là ý chí và sự cai trị của một giai cấp nhất định trong xã hội.

Bàn về bản chất giai cấp của nhà nước, Hồ Chí Minh cho rằng phải xem xét nhà nước đó xem chính quyền về tay ai và phục vụ lợi ích của giai cấp nào thì mang bản chất của giai cấp đó.

Vận dụng lý luận Mác-Lênin, Hồ Chí Minh khẳng định: "Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo"[1]. Như vậy, Hồ Chí Minh khẳng định nhà nước ta mang bản chất của giai cấp công nhân.

Bản chất giai cấp công nhân của nhà nước ta thể hiện ở những điểm sau đây:

- Nhà nước ta do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Đây là một nguyên tắc rất quan trọng mà Hồ Chí Minh quán triệt, vận dụng trong xây dựng nhà nước, nó phản ánh vai trò, chức năng của Đảng Cộng sản Việt Nam khi lãnh đạo toàn dân khởi nghĩa giành được chính quyền về tay nhân dân.

Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng chủ trương, đường lối xây dựng nhà nước; đề ra đường lối phát triển kinh tế, văn hóa để Nhà nước tổ chức thực hiện; kiểm tra giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước... Đảng không bao biện làm thay Nhà nước.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.9, tr.586.

Vì vậy, Đảng yếu kém thì sẽ không giữ được vai trò lãnh đạo và Nhà nước sẽ suy yếu, biến chất không giữ được bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước. Do đó, Đảng phải không ngừng phấn đấu và rèn luyện để xứng đáng vừa "là người lãnh đạo" vừa "là *người đày tớ thật trung thành* của nhân dân"[1].

- Nhà nước dựa trên nền tảng khối đại đoàn kết toàn dân, cốt lõi là sự liên minh giai cấp công nhân và giai cấp nông dân với đội ngũ trí thức do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Nhà nước đó phản ánh tính chất nhân dân thể hiện quyền và nghĩa vụ làm chủ của nhân dân lao động.

Liên minh công - nông - trí do giai cấp công nhân lãnh đạo, vừa nói lên cơ sở xã hội rộng lớn, đồng thời khẳng định bản chất giai cấp của nhà nước.

Đây cũng là sự thể hiện thống nhất giữa giai cấp và dân tộc trong việc xác định bản chất giai cấp và cơ sở xã hội của nhà nước.

Tư tưởng này được nêu rõ trong chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (2-1951) và Hiến pháp 1959 - khi miền Bắc chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Đây là nguyên tắc tổ chức đặc thù của giai cấp công nhân.

Nguyên tắc này phản ánh cơ chế, tính thứ bậc và các mối quan hệ trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương.

Phản ánh sự kết hợp giữa sự lãnh đạo, điều hành tập trung thống nhất của các cơ quan nhà nước cấp trên với việc phát huy

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.510.

dân chủ, chủ động, sáng tạo của các cơ quan cấp dưới.

Tập trung phải trên nền tảng dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung. Dân chủ càng mở rộng, tập trung càng cao độ. Điều này được biểu hiện: cấp dưới phục tùng cấp trên, cấp dưới có quyền kiến nghị với cấp trên trong việc thực hiện các quyết định; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách... Cần chống tập trung quan liêu, vô tổ chức, vô chính phủ, cục bộ trong bộ máy nhà nước.

- Nhà nước ta thực hiện sự thống nhất về quyền lực, đồng thời có sự phân công và phân cấp rõ ràng giữa ba cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Hồ Chí Minh không tổ chức theo thiết chế "tam quyền phân lập" như nhà nước tư sản mà thực hiện sự thống nhất về quyền lực để tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, trong tay nhân dân mà nòng cốt là liên minh công - nông - trí do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Đây là điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về học thuyết nhà nước cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Đồng thời có sự phân công, phối hợp, phân cấp rõ ràng, rành mạch về chức năng, nhiệm vụ giữa quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Sự phân công, phối hợp đó cũng là để thống nhất quyền lực thuộc về nhân dân.

- Nhà nước ta tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin về nhà nước chuyên chính vô sản, nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung. Lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng. Vì vậy xa rời các nguyên lý này, nhà nước sẽ biến chất.

- Tính định hướng đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội

bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến.

- Sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước, sự thống nhất này là nét độc đáo, sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới ở Việt Nam. Đó là sự thống nhất ngày càng cao giữa lợi ích về vật chất và tinh thần giữa giai cấp công nhân với lợi ích của đông đảo nhân dân lao động, giữa lợi ích của giai cấp công nhân với lợi ích của dân tộc. Đó là nhu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Sự thống nhất đó thể hiện cụ thể:

Nhà nước dân chủ mới của Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ với sự cống hiến, hi sinh của nhiều thế hệ cách mạng. Vì vậy, nhà nước đó phải là nhà nước của toàn thể nhân dân, của dân tộc.

Nhà nước đó bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm nền tảng. Chính phủ do Hồ Chí Minh đứng đầu luôn là Chính phủ đại đoàn kết dân tộc.

Nhà nước đó vừa ra đời, đã đảm nhiệm nhiệm vụ lịch sử là tổ chức cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của dân tộc đi đến thắng lợi và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhà nước đó còn là nhà nước của khối đại đoàn kết dân tộc.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền

Để thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân, Hồ Chí

Minh đã chỉ rõ là phải xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam nhằm làm cho hoạt động của nhà nước ta đem lại hiệu quả xã hội thiết thực.

a. Nhà nước pháp quyền trước hết là một nhà nước hợp pháp, hợp hiến, xây dựng và hoạt động theo nguyên tắc của hiến pháp

Tư tưởng pháp quyền và nhà nước pháp quyền xuất hiện sớm trong lịch sử từ thời cổ đại Trung Quốc và phương Đông. Song phải tới thời kỳ cách mạng tư sản và sự ra đời của nhà nước tư sản thì tư tưởng nhà nước pháp quyền mới đầy đủ, rõ ràng và trở thành một học thuyết...

Nhà nước pháp quyền là nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, và theo pháp luật phải trở thành nguyên tắc cơ bản nhằm tổ chức thực thi quyền lực nhà nước, tổ chức cuộc sống cộng đồng, điều hòa phối hợp hành vi ứng xử của các thành viên cộng đồng.

Nhà nước pháp quyền có vai trò quan trọng trong việc thực thi quyền lực nhà nước. Tổ chức điều hành, quản lý xã hội một cách có hiệu lực. Đặc biệt nó phản ánh được bản chất và mục đích tốt đẹp của Nhà nước của dân, do dân, vì dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Từ sớm, Hồ Chí Minh đã nhận thức được vai trò của pháp quyền trong quản lý xã hội thể hiện trong *Yêu sách 8 điểm* gửi hội nghị Vécxây năm 1919.

"Hai xin phép luật sửa sang,

Người Tây người Việt hai phương cùng đồng.

Những tòa đặc biệt bất công,

Giám xin bỏ dứt rộng dung dân lành.

.....

Bảy xin hiến pháp ban hành,

Trăm đều phải có thần linh pháp quyền"[1].

Khi trở thành nguyên thủ quốc gia, Người chú ý đến tính hợp hiến của nhà nước, với tầm nhìn xa trông rộng ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra nhiệm vụ thứ ba, trong sáu nhiệm vụ cấp bách là: "Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu"[2] để sớm có một nhà nước hợp hiến. Ngày 20-9-1945, Người ký Sắc lệnh số 34 thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để đệ trình Quốc hội thông qua gồm 7 người do Hồ Chí Minh làm Trưởng ban.

Ngày 6-1-1946, cuộc Tổng tuyển cử đã diễn ra thắng lợi, nhân dân ta đã bầu ra Quốc hội khóa I và Quốc hội đã cử ra Chính phủ do Hồ Chí Minh đứng đầu, đồng thời cử Hồ Chí Minh làm Trưởng ban soạn thảo hiến pháp. Tháng 11-1946, Quốc hội đã thông qua hiến pháp dân chủ đầu tiên ở nước ta và cũng là của Đông Nam châu Á - Hiến pháp 1946.

Bản Hiến pháp 1946 có giá trị to lớn khẳng định trước nhân dân ta và thế giới về sự ra đời của một nước Việt Nam mới độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, của một Nhà nước Việt Nam

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr.438.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.8.

mới của dân, do dân, vì dân và là cơ sở pháp lý để xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam.

b. Nhà nước pháp quyền là nhà nước điều hành và quản lý xã hội bằng pháp luật

Trong nhà nước pháp quyền, người dân được tôn trọng, dân chủ được mở rộng, người dân sống và làm việc theo luật định.

Hồ Chí Minh vốn nhận thức được vai trò quan trọng của pháp luật, luôn coi pháp quyền là phương tiện hữu hiệu, chủ yếu để quản lý nhà nước... làm cho bộ máy nhà nước vận hành đúng quỹ đạo, người dân dễ thực hiện quyền làm chủ của mình. Ý nghĩa sâu xa của nó là nội dung bản chất, tính chất của dân chủ pháp luật. Phân biệt ranh giới giữa pháp luật của nhà nước ta với pháp luật của nhà nước tư sản. Đồng thời, pháp luật là vũ khí của giai cấp thống trị dùng để trừng trị giai cấp chống lại mình. Pháp luật của ta là ý chí của giai cấp công nhân và của nhân dân bao vệ tự do dân chủ rộng rãi cho nhân dân. Luật pháp là quan trọng, là cần thiết cho mỗi quốc gia, nếu không có luật để quản lý xã hội sẽ dẫn đến sơ hở. Cán bộ dễ sinh lạm quyền, vi phạm quyền dân chủ của dân cũng như công dân dễ có hành vi xâm phạm quyền tự do dân chủ của người khác, của cộng đồng và xã hội dẫn đến hỗn loạn vô chính phủ.

Trong 24 năm làm Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh cùng Quốc hội tập trung xây dựng hiến pháp và pháp luật. Người làm trưởng ban soạn thảo Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959; ký công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh và hàng trăm văn bản dưới luật để điều hành và quản lý đất nước.

Thậm chí trong điều kiện chiến tranh, đất nước gặp nhiều

khó khăn... chúng ta chưa có nhiều luật, vì vậy, Hồ Chí Minh đã sử dụng những điều luật cũ còn tương đối phù hợp để quản lý đất nước.

Có luật là việc cần thiết và rất quan trọng, song là một công việc khó khăn. Tuy vậy mới chỉ là bước đầu, vấn đề không kém phần quan trọng và khó khăn là việc đưa pháp luật vào cuộc sống, làm cho nhân dân tự giác tuân thủ pháp luật. Muốn vậy phải tuyên truyền giáo dục pháp luật cho nhân dân.

Để góp phần quan trọng bảo đảm cho nhà nước pháp quyền có hiệu lực, hiệu quả, Hồ Chí Minh rất quan tâm xây dựng một đội ngũ cán bộ công chức nhà nước có đạo đức, có tài, am hiểu pháp luật, xây dựng và thực thi pháp luật làm gương cho nhân dân noi theo. Đồng thời không ngừng tăng cường giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Thực hiện xây đi đôi với chống các hiện tượng tiêu cực như: tham ô, lãng phí, quan liêu và các hiện tượng vi phạm đạo đức, luật pháp...

c. Kết hợp nhuần nhuyễn đức trị và pháp trị

Trong xây dựng pháp luật, Hồ Chí Minh coi trọng tính nhân văn thể hiện ở lòng thương yêu con người, chăm lo cho lợi ích và phát huy hết khả năng của con người... Tinh thần nhân văn đó là truyền thống dân tộc và tấm lòng bao dung, nhân hậu, tất cả vì hạnh phúc cho nhân dân của Hồ Chí Minh. Đó là pháp quyền mang tính nhân văn sâu sắc.

Nét đặc sắc trong tư tưởng trị nước của Người là kết hợp nhuần nhuyễn "Đức trị" và "Pháp trị".

"Đức trị, là trị nước bằng tình, bằng thuyết phục, đạo lý".

"Pháp trị, là trị nước bằng đạo luật".

Đức trị và Pháp trị trong tư tưởng Hồ Chí Minh không hề loại trừ nhau, mà có mối quan hệ, thống nhất bổ sung cho nhau.

"Đạo đức và pháp luật đều thuộc hình thái ý thức xã hội đều mang lại lợi ích cho con người, đều giáo dục con người điều chỉnh nhận thức và hành vi, hướng con người tới sự phát triển ngày càng hoàn chỉnh".

Đạo đức là cơ sở để xây dựng và thực thi pháp luật, luật pháp dựa vào đạo đức nhưng luật pháp phải bảo vệ đạo đức. Một chuẩn mực đạo đức càng cao, càng khó thực hiện càng đòi hỏi luật pháp phải nghiêm minh để quy định bắt buộc con người phải thực hiện đúng...

Tư tưởng đức trị và pháp trị được thể hiện rõ trong 10 điều khen thưởng và 10 điều kỷ luật của "Quốc Lệnh" do Hồ Chí Minh ban hành 26-1-1946. Nhìn chung tùy từng hoàn cảnh và đối tượng cụ thể, có lúc nhấn mạnh mặt này hay mặt khác, song tư tưởng và hoạt động của Người là sự thống nhất giữa đức trị và pháp trị. Vì thế để xây dựng một nhà nước trong sạch, vững mạnh, có hiệu quả, một mặt, vừa tăng cường giáo dục ý thức pháp luật vừa đẩy mạnh giáo dục đạo đức nâng cao giác ngộ lý tưởng cách mạng cho cán bộ đảng viên và nhân dân. Suốt đời Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực của một nhà lập pháp và nhà hành pháp. Tư tưởng, đạo đức, phong cách, phương pháp hành động của Người là do sự kết hợp, thống nhất biện chứng giữa chấp hành kỷ cương, phép nước và rèn luyện đạo đức. Đồng thời, không ngừng giáo dục đạo đức và ý thức pháp luật cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền

trong sạch vững mạnh. Mặt khác là kiên quyết chống ba thứ giặc nội xâm là tham ô, lãng phí và quan liêu. Theo Người: "*Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu*... là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến... Nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí khắc khổ của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính... Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám"[1]. "Nếu chiến sĩ và nhân dân ra sức chống giặc ngoại xâm mà quên chống giặc nội xâm như thế là chưa làm tròn nhiệm vụ của mình"[2].

Trong hành trình ra đi tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đồng thời đi tìm cho dân tộc và nhân dân ta một kiểu nhà nước mới nhà nước của dân, do dân, vì dân và Người đã dành nhiều tâm trí để xây dựng nhà nước đó: Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân ngay từ khi nước nhà độc lập...

Mặc dù còn hạn chế do hoàn cảnh lịch sử, nhưng tư tưởng về nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, đạo đức và phong cách của Hồ Chí Minh đã đặt nền tảng quan trọng cho Đảng và Nhà nước ta kế tục xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.

4. Xây dựng bộ máy và cán bộ công chức nhà nước

a. Xây dựng bộ máy nhà nước

Hồ Chí Minh cho rằng, nhà nước là một chỉnh thể thống nhất bao gồm nhiều bộ phận hợp thành có quan hệ với nhau, do đó phải xây dựng một nhà nước đồng bộ, vững mạnh, xây dựng một

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.6, tr.490, 495.

nhà nước hiện đại, dân chủ, có hiệu lực, một bộ máy nhà nước gọn nhẹ có cơ cấu hợp lý phù hợp với từng giai đoạn lịch sử.

Từ đó, Người nêu ra những nguyên tắc xây dựng bộ máy nhà nước:

Một là, xây dựng Quốc hội thành cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất đại diện cho ý chí, nguyện vọng của toàn dân, của cả ba miền Bắc, Trung, Nam.

Hai là, xây dựng Chính phủ hoạt động có hiệu quả, là cơ quan hành chính cao nhất, mạnh mẽ, sáng suốt của nhân dân. Xây dựng một nền hành chính quốc gia hiện đại và hiệu lực, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ đặt dưới sự kiểm soát của nhân dân.

Ba là, xây dựng bộ máy tư pháp hiện đại, có hiệu quả, dân chủ. Tòa án được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc của cơ quan tài phán...

Quá trình xây dựng nhà nước nổi bật vai trò của Hồ Chí Minh về tư tưởng, đạo đức, tác phong, phương pháp... Người luôn kiên định vấn đề thuộc về bản chất, nguyên tắc cơ bản, sứ mệnh lịch sử của nhà nước, hệ thống pháp luật phù hợp với Việt Nam, đồng thời kịp thời giải quyết những vấn đề cụ thể, cho phù hợp với tình hình...

b. Cán bộ công chức nhà nước

Hồ Chí Minh rất coi trọng công tác cán bộ, đề cao vị trí, vai trò của cán bộ, công chức nhà nước. Người có quan niệm một cách nhất quán về vấn đề này.

Về tiêu chuẩn: Cán bộ công chức nhà nước là phải có đức có

tài. Trong đó đức là gốc, đặc biệt là phẩm chất đạo đức và tinh thần phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc.

Người chỉ ra yêu cầu cụ thể đối với cán bộ, công chức nhà nước:

Một là, trung thành với sự nghiệp cách mạng.

Hai là, hăng hái, thành thạo công việc.

Ba là, có mối liên hệ mật thiết với quần chúng.

Bốn là, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Năm là, có chí tiến thủ, vươn lên về mọi mặt.

Trên cơ sở tiêu chuẩn của cán bộ, công chức nhà nước và để có một đội ngũ cán bộ công chức đủ đức, tài, Người đã chủ trương thi tuyển cán bộ công chức, thể hiện trong hai sắc lệnh: Sắc lệnh số 188 năm 1948 và Sắc lệnh số 76 năm 1950, quy định thi tuyển viên chức và các ngạch, bậc của nền hành chính quốc gia.

Người đề ra khung thi cơ bản gồm 6 bộ môn thi, đó là: chính trị, địa lý, lịch sử, kinh tế, pháp luật và ngoại ngữ. Các ngành, các cấp căn cứ vào đó để tuyển chọn cán bộ, công chức cho phù hợp, làm tốt điều này sẽ tạo ra một đội ngũ cán bộ chuyên môn hóa thúc đẩy công tác quản lý nhà nước ngày càng hiệu quả.

Ngoài ra, Người còn ra Sắc lệnh số 13 ngày 24-1-1946 quy định cách tổ chức tòa án. Các ngạch thẩm phán định tiêu chuẩn chuyên môn hóa cán bộ tư pháp.

Vấn đề thi tuyển cán bộ công chức nhà nước có ý nghĩa to lớn đối với quá trình cải cách nền hành chính hiện nay.

II. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Thực trạng công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Việt Nam hiện nay

Chính quyền là một vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng và là một trong những vấn đề phức tạp, khó khăn nhất, song là vấn đề rất cơ bản, rất mấu chốt trong toàn bộ nền chính trị...

Ngay sau khi giành được chính quyền và trong những năm điều hành đất nước, Người cùng với Đảng ta đã xây dựng được một nhà nước trong sạch vững mạnh, nhà nước đó đã điều hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc và xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Trong công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng từ Đại hội VI đến nay, các Nghị quyết Trung ương 8 khóa VII, Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII đã đề cập một cách toàn diện thực trạng cả thành tựu, yếu kém, chỉ rõ nguyên nhân, xác định hệ thống các quan điểm chỉ đạo, đề ra các nhiệm vụ giải pháp xây dựng Nhà nước ta.

a. Thành tựu

Trong quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước đã lãnh đạo nhân dân ta giành được nhiều thắng lợi trên các lĩnh vực: giữ vững ổn định chính trị, an toàn xã hội, môi trường hòa bình, an ninh quốc phòng vững mạnh, mở rộng quan hệ, đoàn kết quốc tế tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục củng cố và đổi mới trong việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước.

Về các thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế, quy chế thực hiện quyền dân chủ của nhân dân được xây dựng.

Quản lý nhà nước bằng pháp luật được tăng cường, cải tiến công tác lập pháp... sinh hoạt của Quốc hội và Hội đồng nhân dân tiếp tục được đổi mới...

Các hoạt động tư pháp và cải cách tư pháp có những chuyển biến tích cực.

b. Những yếu kém, khuyết điểm

Năng lực quản lý và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước còn hạn chế...

Nhiều vấn đề trong xây dựng dự án, chủ trương đầu tư, phân bổ ngân sách, thực thi dự án... còn kém hiệu quả. Mối quan hệ giữa Trung ương và địa phương còn hạn chế.

Cải cách hành chính nhà nước còn chậm và chưa đạt yêu cầu, chưa thật sự gắn xây dựng và chỉnh đốn Đảng với đổi mới và cải cách hành chính, quốc hội và tư pháp. Còn trùng lặp chức năng giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp, mối quan hệ giữa lập pháp, hành pháp, tư pháp... cũng có vấn đề không rõ.

Việc giải quyết thủ tục hành chính còn trì trệ, chức năng kiểm tra, kiểm soát cũng bộc lộ nhiều hạn chế. Năng lực phẩm chất của nhiều cán bộ, công chức còn yếu, một bộ phận không nhỏ thoái hóa biến chất...

Dân chủ nhiều nơi bị vi phạm, những quyền cơ bản của nhân dân không được đảm bảo... Công tác bảo vệ an ninh trật tự chưa

thật vững chắc... thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ở một số nơi chưa đạt yêu cầu...

Công tác đối ngoại có lúc chưa thật chủ động và chưa đi vào chiều sâu, quản lý nhà nước về công tác đối ngoại chưa chặt chẽ...

Nguyên nhân có nhiều song nguyên nhân chủ quan là chủ yếu: chậm đổi mới tư duy trước hết là tư duy kinh tế. Chậm xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để huy động và sử dụng tối đa các nguồn lực vào phát triển kinh tế xã hội. Cải cách hành chính còn chậm và kém hiệu quả, công tác tổ chức cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu chỉ đạo và tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế.

2. Những quan điểm và phương hướng xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở Việt Nam hiện nay

Công cuộc đổi mới ở nước ta được tiến hành toàn diện về mọi mặt... Trong đó, việc đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, cũng như vai trò của nhà nước là vấn đề hết sức quan trọng.

Kế tục Đại hội Đảng lần thứ VI, VII, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII chỉ rõ: "Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam, là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường mở rộng khối đại đoàn kết toàn

dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng do Đảng lãnh đạo".

Đại hội VIII (1996) vạch ra phương hướng tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quán triệt quan điểm cơ bản là: "Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam. Quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức".

Đây là quan điểm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, chỉ đạo suốt quá trình cải cách và xây dựng nhà nước.

Chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được Hiến pháp 1992 của nước ta cụ thể hóa. Đó là văn bản pháp lý có giá trị cao nhất bảo đảm, là cơ sở điều kiện tiên quyết thừa nhận và xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

- Đứng trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta xác định cải cách nền hành chính nhà nước là nhiệm vụ trọng tâm của việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước, nhằm xây dựng một nền hành chính trong sạch, vững mạnh.

Nghị quyết Đại hội IX, X và XI của Đảng đều tiếp tục khẳng định đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đây là nhân tố bảo đảm cho Nhà nước giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân, chống nguy cơ chệch hướng. Vì vậy, phải giữ vững, tăng cường bản chất giai cấp công nhân của nhà nước, gắn liền xây dựng chính

đốn Đảng với cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, nâng cao chất lượng của các tổ chức Đảng và đảng viên trong cơ quan nhà nước.

Bài học kinh nghiệm từ sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội, của nhà nước Xô viết và các nước ở Đông Âu cho thấy vai trò quan trọng đặc biệt của Đảng lãnh đạo Nhà nước... Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện làm thay Nhà nước.

3. Một số giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước hiện nay

Để tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng Nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả, cần tập trung làm tốt các nhiệm vụ sau:

Một là, đổi mới, kiện toàn tổ chức và phương thức hoạt động của Nhà nước. Trước hết là kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội.

Trọng tâm là nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật... Xây dựng Luật Tổ chức cơ quan nhà nước cho phù hợp. Sắp xếp bộ máy quốc hội tinh gọn, nâng cao chất lượng các kỳ họp quốc hội, hội đồng nhân dân và các đại biểu...

Điều chỉnh chức năng, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại. Tăng cường quản lý vĩ mô, tập trung hoạch định thể chế chính sách, xây dựng giải pháp, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức, thực hiện kiểm tra, giám sát... sắp xếp bộ máy tinh gọn. Kiện toàn bộ máy hành

chính ở địa phương và cơ sở; đổi mới chính sách cán bộ cho phù hợp, xây dựng chế độ công vụ rõ ràng, công khai, minh bạch.

Xây dựng cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ quyền công lý, quyền con người. Cải cách và kiện toàn cơ quan tư pháp theo nguyên tắc nâng cao tinh thần trách nhiệm, làm tốt tất cả các công việc từ điều tra đến xét xử, không để oan sai.

Hai là, phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế.

Nhà nước Việt Nam là Nhà nước dân chủ, dân là chủ và dân làm chủ. Trong cách mạng giải phóng dân tộc, khát vọng dân chủ tạo nên sức mạnh đấu tranh cho độc lập tự do, khi giành được chính quyền thì dân chủ là một nội dung đích thực của độc lập, là nhân tố làm nên sức mạnh, nội lực của dân tộc. Thực hiện và phát huy quyền làm chủ là bản chất, quy luật hình thành, phát triển và tự hoàn thiện của nhà nước.

Theo Hồ Chí Minh, dân chủ, sáng kiến và hăng hái có quan hệ với nhau bởi có dân chủ mới có sáng kiến. Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến dân chủ thực sự chứ không phải dân chủ hình thức, trừu tượng. Thực hành dân chủ là chìa khóa vạn năng để giải quyết khó khăn.

Quyền dân chủ được xác lập trong hiến pháp và pháp luật và ngày càng được nâng cao trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Dân chủ được thực hiện bằng nhiều hình thức vừa gián tiếp, vừa trực tiếp...

Dân chủ phải đi đôi với kỷ cương và tăng cường pháp chế, do đó phải nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân, làm cho dân

biết hưởng quyền lợi và nghĩa vụ. Đồng thời, phải chống hiện tượng vi phạm pháp luật.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức trong sạch, có năng lực. Cán bộ là nhân tố quyết định thành bại của cách mạng, do đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ công chức nhà nước phải có đức, có tài, có tinh thần tận tụy phục vụ nhân dân và trung thành với Tổ quốc.

Phải cải cách và hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế cán bộ công chức, coi trọng cả năng lực và đạo đức, coi trọng công tác đào tạo cán bộ... Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ cơ sở thực hiện tinh giảm biên chế... Thực hiện tốt quy chế dân chủ mở rộng, dân chủ trực tiếp để dân có điều kiện kiểm tra, xây dựng cán bộ công chức.

Bốn là, đẩy mạnh chống tham nhũng, đây là nguy cơ, thách thức đang cản trở công cuộc đổi mới của đất nước ta... Do đó, việc đấu tranh chống tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực khác là vấn đề quan trọng và cấp thiết.

Đấu tranh chống tham nhũng phải thường xuyên kiên quyết và có hiệu qua, kết hợp giữa các giải pháp trước mắt và lâu dài, hoàn thiện cơ chế, chính sách, kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh công tác quan lý... thực hiện vừa xây vừa chống trong phòng, chống tham nhũng. Xây dựng và thực hiện hệ thống pháp luật đồng bộ về phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hiện tượng, vụ việc tham nhũng... gắn với việc chống quan liêu lãng phí.

Xử lý nghiêm, kịp thời các vụ tham nhũng ở mọi cấp, mọi nơi. Xây dựng các cơ quan bảo vệ pháp luật trong sạch, vững mạnh. Tăng cường giáo dục chính trị và phẩm chất đạo đức cho

cán bộ, đảng viên cũng như quản lý chặt chẽ cán bộ. Phát huy tốt vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng.

Những vấn đề trên tiến hành đồng thời vừa là những vấn đề cấp thiết vừa cơ bản lâu dài nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân trong sạch vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng hiện nay.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích quan niệm "Nhà nước của dân, do dân và vì dân" theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

2. Phân tích quan niệm của Hồ Chí Minh về bản chất dân chủ và bản chất giai cấp của nhà nước kiểu mới ở Việt Nam?

3. Phân tích và nêu ý nghĩa của quan điểm Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền ở Việt Nam?

4. Phân tích những nội dung chủ yếu của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước vào xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay?

Chương 7

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết dân tộc

Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, trong thời đại mới, để đánh bại các thế lực đế quốc thực dân nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, phải tập hợp tất cả mọi lực lượng có thể tập hợp, xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc bền vững. Chính vì vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, nhất quán và lâu dài, xuyên suốt tiến trình cách mạng[1].

Để quy tụ được mọi lực lượng vào khối đại đoàn kết toàn dân, cần phải có chính sách và phương pháp phù hợp với từng đối tượng. Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, chính sách và phương pháp tập hợp có thể và cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp với

---

[1] Xem *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2009, tr.166.

từng đối tượng khác nhau, song đại đoàn kết dân tộc phải luôn được nhận thức là vấn đề sống còn, quyết định thành bại của cách mạng. Hồ Chí Minh viết: "Đoàn kết trong Mặt trận *Việt Minh*, nhân dân ta đã làm Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đoàn kết trong Mặt trận *Liên Việt*, nhân dân ta đã kháng chiến thắng lợi, lập lại hòa bình ở Đông Dương, hoàn toàn giải phóng miền Bắc. Đoàn kết trong Mặt trận *Tổ quốc Việt Nam*, nhân dân ta đã giành được thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc"[1].

Từ thực tiễn như vậy, Hồ Chí Minh đã khái quát thành nhiều luận điểm có tính chân lý về vai trò của khối đại đoàn kết. Hồ Chí Minh đã rất nhiều lần nhấn mạnh luận điểm này. Người viết: "Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết chặt chẽ, thì chúng ta nhất định có thể khắc phục mọi khó khăn, phát triển mọi thuận lợi và làm trọn nhiệm vụ nhân dân giao phó"[2]; "Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi"[3]; "Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi"[4]; "Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công"[5]; "Bây giờ còn một điều rất quan trọng, cũng là điều mẹ. Điều này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt: Đó là đoàn kết"[6]; "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công"[7]...

[1, 7] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.10, tr.604, 607.

[2, 3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.7, tr.392, 397.

[4, 5] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.11, tr.22, 154.

[6] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.8, tr.392.

Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của dân tộc.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết là sức mạnh, là mạch nguồn của mọi thắng lợi. Do đó, đại đoàn kết dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách tới hoạt động thực tiễn của Đảng. Trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng tuyên bố trước toàn thể dân tộc: "Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC"[1]. Để thực hiện mục tiêu này, Người thường xuyên nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần quan điểm quần chúng, phải gần gũi quần chúng, lắng nghe quần chúng; vận động, tổ chức và giáo dục quần chúng, coi sức mạnh của cách mạng là ở nơi quần chúng.

Đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, cũng là nhiệm vụ hàng đầu của mỗi giai đoạn cách mạng. Nhấn mạnh vấn đề này là nhấn mạnh đến vai trò của thực lực cách mạng, bởi cách mạng muốn thành công nếu chỉ có đường lối đúng chưa đủ mà trên cơ sở của đường lối đúng, Đảng phải cụ thể hóa thành những mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử để lôi kéo, tập hợp quần chúng, tạo thực lực cho cách mạng - thực lực đó chính là khối đại đoàn kết dân tộc. Năm 1963, khi nói chuyện với cán bộ tuyên truyền và huấn luyện miền núi về cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.6, tr.183.

Minh chỉ rõ: "Trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc: *Một là* đoàn kết. *Hai là* làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập. Chỉ đơn giản thế thôi. Bây giờ mục đích tuyên truyền huấn luyện là: *Một là* đoàn kết. *Hai là* xây dựng chủ nghĩa xã hội. *Ba là* đấu tranh thống nhất nước nhà"[1].

Hồ Chí Minh còn chỉ ra rằng, đại đoàn kết dân tộc không phải chỉ là mục tiêu của Đảng, mà còn là nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc, bởi vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, phải do quần chúng, vì quần chúng. Từ trong phong trào đấu tranh để tự giải phóng và xây dựng xã hội mới tốt đẹp, quần chúng nảy sinh nhu cầu đoàn kết và sự hợp tác, Đảng Cộng sản phải có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, chuyển những nhu cầu, những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho con người.

2. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

Đứng trên lập trường giai cấp công nhân và quan điểm quần chúng, Hồ Chí Minh đã đề cập vấn đề *dân* và *nhân dân* một cách rõ ràng, toàn diện. Hồ Chí Minh thường dùng khái niệm này để chỉ: "mọi con dân nước Việt", "mỗi một người con Rồng cháu Tiên", không phân biệt dân tộc đa số hay thiểu số, có tín ngưỡng hay không tín ngưỡng, không phân biệt "già, trẻ, gái, trai, giàu

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.11, tr.130.

nghèo, quý tiện". Người còn chỉ rõ trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc để tập hợp lực lượng, không được phép bỏ sót một lực lượng nào, miễn là lực lượng đó có lòng trung thành và sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, không là việt gian, không phản bội lại quyền lợi của dân chúng. Với tinh thần đoàn kết rộng rãi như vậy, Hồ Chí Minh đã định hướng cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, từ cách mạng giải phóng dân tộc tới cách mạng dân chủ nhân dân, từ cách mạng dân chủ nhân dân tới cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Để xây dựng khối đoàn kết toàn dân, phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc. Truyền thống này được hình thành, củng cố và phát triển trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm của cả dân tộc, trở thành giá trị bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam, được lưu truyền qua các thế hệ từ thời các Vua Hùng dựng nước, tới Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Truyền thống đó là cội nguồn sức mạnh vô địch để cả dân tộc chiến đấu và chiến thắng mọi thiên tai địch họa, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

Hồ Chí Minh chỉ rõ, phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người, vì trong mỗi cá nhân cũng như mỗi cộng đồng đều có những ưu điểm, khuyết điểm, mặt tốt, mặt xấu... Cho nên, vì lợi ích của cách mạng, cần phải có lòng khoan dung độ lượng, trân trọng cái phần thiện dù nhỏ nhất ở mỗi người mới có thể tập hợp,

quy tụ rộng rãi mọi lực lượng. Người viết: "Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ. Người mà tự kiêu, tự mãn, cũng như cái chén, cái đĩa cạn"[1]. Hồ Chí Minh đã lấy hình tượng năm ngón tay có ngón ngắn ngón dài, nhưng cả năm ngón đều thuộc về một bàn tay, để nói lên sự cần thiết phải thực hiện đoàn kết. Người cho rằng: "Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng, đại độ. Ta phải nhận rằng là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang"[2].

Để thực hành đoàn kết rộng rãi, cần có niềm tin vào nhân dân. Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống, đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân là nguyên tắc tối cao. Nguyên tắc này vừa là sự tiếp nối truyền thống dân tộc: "Nước lấy dân làm gốc"; "Chở thuyền và lật thuyền cũng là dân"; đồng thời là sự quán triệt sâu sắc nguyên lý mácxít "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng". Theo Người, dân là chỗ dựa vững chắc của Đảng, là nguồn sức mạnh vô tận và vô địch của khối đại đoàn kết, quyết định thắng lợi của cách mạng, là nền, gốc và chủ thể của Mặt trận.

Đại đoàn kết dân tộc còn phải đoàn kết và thống nhất trong

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.664.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.246-247.

Đảng. Sự đoàn kết, thống nhất của Đảng phải dựa trên cơ sở lý luận của Đảng là chủ nghĩa Mác-Lênin; cương lĩnh, điều lệ Đảng; đường lối, quan điểm của Đảng; nghị quyết của tổ chức đảng các cấp. Đồng thời, muốn đoàn kết thống nhất trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi ở trong Đảng, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện tiêu cực khác, phải sống với nhau có tình, có nghĩa; có đoàn kết tốt thì mới tạo ra cơ sở vững chắc để thống nhất ý chí và hành động, làm cho Đảng ta tuy đông người nhưng khi tiến đánh chỉ như một người. Sự đoàn kết trong Đảng là cơ sở vững chắc để xây dựng sự đoàn kết trong Mặt trận. Đảng đoàn kết, dân tộc đoàn kết và sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân sẽ tạo nên sức mạnh bên trong, để dân tộc vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù, đi tới thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết là để tạo nên lực lượng cách mạng, để làm cách mạng xóa bỏ chế độ cũ - xây dựng chế độ mới. Do đó, đại đoàn kết dân tộc không chỉ dừng lại ở quan niệm, ở tư tưởng, ở những lời kêu gọi, mà phải trở thành một chiến lược cách mạng, trở thành khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân ta; nó phải biến thành sức mạnh vật chất, thành lực lượng vật chất của tổ chức và tổ chức đó chính là Mặt trận dân tộc thống nhất. Cả dân tộc hay toàn dân chỉ trở thành lực lượng to lớn, trở thành sức mạnh vô địch khi được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung, được tổ chức lại thành một khối vững chắc và hoạt động theo một đường lối chính trị đúng đắn; nếu không quần chúng nhân dân có hàng triệu, hàng triệu con người cũng chỉ là một số đông không có sức mạnh.

Hồ Chí Minh đi tìm đường cứu nước, xét trên một khía cạnh nào đó, chính là đi tìm sức mạnh để giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân lao động. Và sức mạnh mà Người đã tìm được là đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

3. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất

Từ khi tìm thấy con đường và sức mạnh để cứu nước, Hồ Chí Minh đã rất chú ý đến việc đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp với từng giai cấp, tầng lớp, từng giới, từng ngành nghề, từng lứa tuổi, từng tôn giáo; đó là các hội ái hữu, tương trợ, công hội, nông hội, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, đội thiếu niên nhi đồng, hội phụ lão, hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước, các nghiệp đoàn... và bao trùm nhất là Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận dân tộc thống nhất chính là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, tập hợp mọi người dân nước Việt, không chỉ ở trong nước mà còn cả những người Việt Nam định cư ở nước ngoài, dù ở bất cứ phương trời nào nếu tấm lòng vẫn hướng về quê hương đất nước, về Tổ quốc Việt Nam.

Tùy theo từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, Hồ Chí Minh và Đảng đã xây dựng Mặt trận với tên gọi khác nhau và cương lĩnh, điều lệ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng giai đoạn, thời kỳ cách mạng: Hội phản đế đồng minh (1930); Mặt trận dân chủ (1936); Mặt trận nhân dân phản đế (1939); Mặt trận Việt Minh (1941); Mặt trận Liên Việt (1951); Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960); Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955, 1976), nhưng thực chất chỉ là một. Mặt trận là tổ

chức chính trị - xã hội rộng rãi, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức, cá nhân yêu nước ở trong và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập, thống nhất của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng theo các nguyên tắc sau đây:

Thứ nhất, đại đoàn kết dân tộc phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công - nông - lao động trí óc dưới sự lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân. Phải trên cơ sở liên minh cơ bản đó mà mở rộng Mặt trận, làm cho Mặt trận thực sự quy tụ được cả dân tộc, tập hợp được toàn dân, kết thành một khối vững chắc. Trong Mặt trận, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là lực lượng lãnh đạo. Đảng Cộng sản Việt Nam không có lợi ích riêng mà gắn liền với lợi ích toàn xã hội, toàn dân tộc. Hồ Chí Minh cho rằng, quyền lãnh đạo Mặt trận không phải do Đảng tự phong cho mình, mà phải được nhân dân thừa nhận. Người nói: "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"[1].

Đảng lãnh đạo Mặt trận trước hết bằng việc xác định chính sách đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng. Đảng phải dùng phương pháp vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, lấy lòng trung thành để đối xử, cảm hóa, khơi gợi tinh thần tự giác, tự nguyện, hết sức tránh gò ép, quan liêu

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.3 tr 139.

mệnh lệnh. Sự đoàn kết trong Đảng là cơ sở vững chắc để xây dựng sự đoàn kết trong Mặt trận.

Thứ hai, đoàn kết phải xuất phát từ mục tiêu vì nước, vì dân, trên cơ sở yêu nước thương dân, chống áp bức bóc lột, nghèo nàn lạc hậu. Hồ Chí Minh cho rằng, nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì. Sự đoàn kết phải lấy lợi ích tối cao của dân tộc, lợi ích căn bản của nhân dân lao động làm mục tiêu phấn đấu.

Mục đích chung của Mặt trận dân tộc thống nhất được Hồ Chí Minh xác định cụ thể phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, nhằm tập hợp tới mức cao nhất lực lượng dân tộc vào khối đại đoàn kết. Như vậy, độc lập, tự do là nguyên tắc bất di, bất dịch, là ngọn cờ đoàn kết và là mẫu số chung để quy tụ các tầng lớp, giai cấp, đảng phái, dân tộc và tôn giáo vào trong Mặt trận.

Thứ ba, hoạt động của Mặt trận theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ. Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của cả dân tộc, bao gồm nhiều giai cấp, tầng lớp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo khác nhau, với nhiều lợi ích khác nhau. Do vậy, hoạt động của Mặt trận phải theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ.

Nguyên tắc hiệp thương dân chủ đòi hỏi tất cả mọi vấn đề của Mặt trận đều phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng nhau bàn bạc công khai, để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức. Khi có những lợi ích riêng biệt không phù hợp, Mặt trận sẽ giải quyết bằng việc nêu cao lợi ích chung của dân tộc. Lợi ích tối cao của dân tộc là Tổ quốc độc lập và thống nhất, xã hội giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Bởi lẽ, lợi ích tối

cao của dân tộc có được đảm bảo thì lợi ích của mỗi bộ phận, mỗi người mới được thực hiện. Mỗi bộ phận, mỗi người lại có những lợi ích riêng khác nhau. Những lợi ích riêng chính đáng, phù hợp với lợi ích chung của đất nước và dân tộc phải được tôn trọng. Ngược lại, những gì riêng biệt, không phù hợp sẽ dần được giải quyết bằng lợi ích chung của dân tộc, bằng sự nhận thức ngày càng đúng đắn hơn của mỗi người, mỗi bộ phận về mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Mặt trận cần đặc biệt quan tâm xem xét và giải quyết thoả đáng vấn đề này đối với các thành viên tham gia bằng việc thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hiệp thương dân chủ.

Thứ tư, khối đoàn kết trong Mặt trận là lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Giữa các thành viên của khối đại đoàn kết dân tộc, bên cạnh những điểm tương đồng vẫn có những điểm khác nhau cần phải bàn bạc để đi đến nhất trí, bên cạnh những nhân tố tích cực vẫn có những nhân tố tiêu cực cần phải khắc phục. Để giải quyết vấn đề này, một mặt Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm "cầu đồng tồn dị", lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt; mặt khác, Người nêu rõ: "Đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết". Đoàn kết thật sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí; vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái vì nước, vì dân. Trong quá trình xây dựng, củng cố và phát triển Mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng luôn đấu tranh chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi, coi nhẹ việc tranh thủ tất cả các lực lượng có thể tranh thủ được: đồng thời chống khuynh hướng đoàn kết một chiều, đoàn kết mà không có đấu tranh đúng mức trong nội bộ Mặt trận.

4. Nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết dân tộc

a. Nguyên tắc đại đoàn kết dân tộc

Đại đoàn kết phải được xây dựng trên cơ sở bảo đảm những lợi ích tối cao của dân tộc và những quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động.

Suy đến cùng, có đại đoàn kết hay không và đoàn kết đến mức nào, tùy thuộc vào việc nhận thức và giải quyết đúng đắn các mối quan hệ lợi ích phức tạp, chằng chéo giữa: cá nhân - tập thể; gia đình - xã hội; bộ phận - toàn thể; giai cấp - dân tộc; quốc gia - quốc tế. Giữa những cặp quan hệ nói trên luôn chứa đựng các yếu tố thống nhất và mâu thuẫn; các yếu tố đó lại luôn biến đổi theo sự vận động của đời sống thực tiễn, có lúc thì thống nhất, có lúc lại mâu thuẫn với nhau. Nguyên tắc đại đoàn kết của Hồ Chí Minh là tìm kiếm, trân trọng, phát huy những yếu tố tương đồng, thống nhất để hạn chế, giải quyết những yếu tố khác biệt, mâu thuẫn theo phương châm chỉ đạo: Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết và tất cả vì con người.

Không có gì quý hơn độc lập tự do là lẽ sống, là một nội dung cơ bản của tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh; và đó cũng là sức mạnh lôi kéo dân tộc, là nguồn gốc ý chí chiến đấu tuyệt vời, là mục tiêu cấp bách và nóng bỏng nhất của Người, của dân tộc Việt Nam đang sống trong cảnh nước nhà bị đế quốc thực dân thống trị. Song, đối với Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc luôn gắn liền với tự do và hạnh phúc của nhân dân: "Nước độc lập mà dân không có tự do, hạnh phúc thì độc lập không có nghĩa lý gì". Nguyên tắc này rất quan trọng, trở thành nền tảng tư tưởng của Đảng, giúp cho Đảng xác định đúng đường lối,

chính sách trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong giai đoạn hiện nay.

- Tin vào dân, dựa vào dân, lấy dân làm gốc để thực hiện đại đoàn kết.

Tin vào dân, dựa vào dân trong tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh chính là sự kế thừa và nâng cao tư duy chính trị truyền thống: "Nước lấy dân làm gốc"; "chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân"; "dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong". Nguyên tắc này của Người còn là sự quán triệt sâu sắc trong nhận thức, tình cảm, hành động, nguyên lý mácxít: "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng". Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống, đấu tranh vì dân là nguyên tắc tối cao, xuyên suốt trong tư duy chiến lược và hoạt động thực tiễn. Nguyên tắc sống còn đó được Người khái quát ngắn gọn nhưng vô cùng sâu sắc: "Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân"[1]; và "Gốc có vững cây mới bền. Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân".

Tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh là đoàn kết chân thành, lâu dài, từ lớn đến nhỏ, trong sáng, thuỷ chung; khối đoàn kết toàn dân của Hồ Chí Minh thực sự trở thành một rừng cây đại đoàn kết, nở hoa kết trái đẹp, có gốc rễ ăn sâu lan rộng trong toàn dân, có một tương lai "trường xuân bất lão". Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhận xét rằng: Trong lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi lực lượng của

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.8, tr.276.

nhân dân, của dân tộc là lực lượng quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Chiến lược của Người là đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc.

- Đại đoàn kết trên cơ sở liên minh công - nông do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Trong quá trình thực hiện đường lối xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nhất quán một nhận thức khoa học: đại đoàn kết không phải là một tập hợp ngẫu nhiên, tự phát, nhất thời, mà phải là một tập hợp bền vững của các lực lượng xã hội có định hướng, có tổ chức, có lãnh đạo. Lực lượng đại đoàn kết bao gồm tất cả các giai tầng xã hội, các ngành, giới, các lứa tuổi, các dân tộc, tôn giáo... hợp thành Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Xương sống và sức mạnh chủ yếu của khối đại đoàn kết dân tộc là khối liên minh công nhân - nông dân. Giáo sư Trần Văn Giàu đã nói: "Đến Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không chỉ còn là tình cảm của người chung một nước phải thương nhau cùng nữa, mà đã được xây dựng trên cả một cơ sở lý luận".

Nói khái quát, đại đoàn kết phải được xây dựng trên lập trường của giai cấp công nhân, lấy liên minh công - nông làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo - đó là nguyên tắc chiến lược bất di bất dịch của Hồ Chí Minh. Chỉ có tuân thủ nguyên tắc này, đại đoàn kết mới có sức sống bền vững và trường tồn. Hồ Chí Minh căn dặn: "Để làm trọn trách nhiệm lãnh đạo cách mạng, Đảng ta phải dựa vào giai cấp công nhân, lấy liên minh công nông làm nền tảng vững chắc để đoàn kết các tầng lớp khác trong nhân dân. Có như thế mới phát triển và củng cố

được lực lượng cách mạng và đưa cách mạng đến thắng lợi cuối cùng"[1].

b. Phương pháp đại đoàn kết dân tộc

- Phương pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng.

Tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng là một khoa học, nghệ thuật cách mạng, đòi hỏi các tổ chức cách mạng, các cán bộ cách mạng phải phấn đấu để thực hiện có hiệu quả, phải tìm tòi, lựa chọn nội dung, hình thức phù hợp để đưa tư tưởng của Đảng Cộng sản, của lãnh tụ vào dân chúng, biến tư tưởng của Đảng, của lãnh đạo thành tư tưởng, tình cảm của mọi người.

Để thức tỉnh mọi người, đưa họ xích lại gần nhau và đoàn kết thành một khối, điều quan trọng hàng đầu là phải có chủ trương, chính sách đúng. Do đó, đòi hỏi Đảng - Nhà nước - Mặt trận phải đề ra được đường lối, chính sách đúng, phù hợp với từng thời kỳ.

Nội dung tuyên truyền, giáo dục, vận động phải phản ánh đúng những nguyện vọng sâu xa và quyền lợi cơ bản nhất của dân chúng. Thực tế, có những nguyện vọng chung, quyền lợi chung có thể kết gắn tất cả các thành viên trong cộng đồng dân tộc, có những nguyện vọng, quyền lợi riêng phù hợp với từng giai cấp, từng cộng đồng xã hội cụ thể. Do vậy, nội dung tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng phải đáp ứng được cả hai yêu cầu trên.

Tùy theo hoàn cảnh và yêu cầu cụ thể của từng giai đoạn cách mạng, Hồ Chí Minh đã đưa vào cương lĩnh cách mạng của Đảng những mục tiêu chiến lược phản ánh đúng những đòi hỏi

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.10, tr.605.

cấp bách của lịch sử, những khát vọng cháy bỏng của nhân dân. Những năm tháng chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, mục tiêu chiến lược và cũng là nội dung tuyên truyền, giáo dục, khẩu hiệu hành động của Hồ Chí Minh là: "Độc lập dân tộc, người cày có ruộng"; "Dù phải đốt cháy cả dải Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập, tự do". Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, Người nhấn mạnh: "Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết". Thời chống Mỹ cứu nước, Người nói: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Trong sự nghiệp xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, Người nêu cao mục tiêu: "Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"; "Ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Đó chính là những nội dung tuyên truyền, giáo dục, vận động thấm sâu vào lòng người, có sức lay động, cuốn hút, tập hợp lớn lao.

Hồ Chí Minh còn chỉ ra những nội dung tuyên truyền vận động sát hợp với từng giai cấp, từng cộng đồng xã hội như với giai cấp công nhân, nông dân, trí thức...

Hồ Chí Minh đã nêu một tấm gương mẫu mực trong việc sử dụng hiệu quả các hình thức tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng. Người nói, viết bao giờ cũng ngắn gọn, dễ hiểu theo một phong cách độc đáo, vừa trí thức, vừa bình dân, vừa sâu sắc, vừa giản dị.

Hồ Chí Minh là bậc thầy trong công tác vận động, giáo dục quần chúng, ở Người tỏa sáng một mãnh lực tập hợp, nâng dắt nhân dân. Đồng thời, Người cũng hết lòng chăm lo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ cách mạng kiểu mới có đủ năng lực,

phẩm chất làm hạt nhân đoàn kết dân chúng. Theo Hồ Chí Minh, muốn quần chúng tin, quần chúng theo, bản thân người cán bộ, đảng viên làm công tác tuyên truyền phải là một tấm gương đoàn kết, có đạo đức, có năng lực, một mẫu mực từ lời nói đến việc làm, có sức lôi cuốn thu phục quần chúng bởi tình cảm trong sáng và tinh thần tận tụy vì nước, vì dân.

- Phương pháp tổ chức.

Muốn xây dựng, củng cố đại đoàn kết dân tộc thì chỉ tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng không đủ, mà còn phải có phương pháp tổ chức khoa học. Đó là phương pháp xây dựng, kiện toàn, không ngừng phát triển hệ thống chính trị cách mạng, từ Đảng, Nhà nước đến các đoàn thể quần chúng. Sự thống nhất và bền vững của hệ thống chính trị cách mạng, theo Hồ Chí Minh, chính là nhân tố quyết định sự tồn tại và sức mạnh của đại đoàn kết dân tộc.

Đảng Cộng sản phải được xây dựng trong sạch, vững mạnh, trí tuệ, cách mạng và thống nhất. Đảng Cộng sản phải là Đảng trí tuệ, đại diện cao nhất cho trí tuệ dân tộc, đủ sức nhận thức, nắm bắt những nhu cầu khách quan của lịch sử dân tộc; có năng lực tiếp thu, vận dụng trào lưu tư tưởng tiên tiến nhất của thời đại - chủ nghĩa Mác-Lênin và tri thức nhân loại, kết hợp với tổng kết, phát triển kinh nghiệm của dân tộc để đề ra đường lối đúng đắn, dẫn dắt cả dân tộc đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đảng Cộng sản phải là Đảng cách mạng, tức là phải theo đuổi đến cùng, phấn đấu đến cùng cho lý tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Đảng phải kiên quyết và triệt để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng, không dao động, nửa

vời; các đảng viên cộng sản phải dám xả thân vì lý tưởng của Đảng, vì đại nghĩa dân tộc. Đảng Cộng sản phải thống nhất trong tư tưởng, trong hành động, từ trên xuống dưới. Đảng phải là một tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật tự giác, kỷ luật sắt, phải xây dựng theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy tự phê bình và phê bình làm vũ khí xây dựng Đảng, các đảng viên phải yêu thương nhau, phải giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Chỉ có một Đảng như thế làm hạt nhân lãnh đạo mới có thể có được một khối đại đoàn kết dân tộc và quốc tế.

Nhà nước là người tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động của đời sống xã hội, mỗi chủ trương, chính sách, việc làm của Nhà nước đều tác động trực tiếp đến đời sống, lợi ích và tâm tư, tình cảm của quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh luôn căn dặn và chăm lo xây dựng một nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân. Người luôn giáo dục đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước phải trung thành, tận tụy phục vụ nhân dân, suốt đời làm đầy tớ, làm công bộc cho nhân dân. Chỉ có như vậy, Nhà nước mới thực sự là công cụ của Đảng, là tổ chức đại diện cho quyền lực của nhân dân, được nhân dân tin tưởng và ủng hộ.

Các đoàn thể quần chúng hợp thành Mặt trận dân tộc thống nhất - đó chính là cái vỏ vật chất của khối đại đoàn kết. Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi, càng chặt chẽ, thống nhất bao nhiêu thì khối đại đoàn kết càng mạnh mẽ, bền vững bấy nhiêu. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, các đoàn thể quần chúng và Mặt trận dân tộc thống nhất là sợi dây gắn kết Đảng với nhân dân. Có thể nói, trong phương pháp tổ chức lực lượng quần chúng, Hồ Chí Minh là bậc thầy.

- Phương pháp xử lý đồng bộ các mối quan hệ nhằm thực hiện thêm bạn, bớt thù.

Trong thực tiễn cách mạng giải phóng dân tộc, giai cấp luôn phân định thành 3 trận tuyến: cách mạng một bên, phản cách mạng một bên và ở giữa là một lực lượng trung gian, đối tượng lôi kéo, tranh thủ của hai lực lượng đối lập. Thành, bại trong cuộc đấu tranh giữa hai lực lượng đối địch không chỉ phụ thuộc vào thực lực của mỗi bên, mà còn phụ thuộc một phần rất lớn vào yếu tố: bên nào tranh thủ được sự ủng hộ của lực lượng trung gian. Phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh chính là phương pháp xử lý khoa học mối tương quan ba chiều: lực lượng cách mạng, lực lượng trung gian, lực lượng phản cách mạng đó, nhằm mục tiêu mở rộng đến mức tối đa trận tuyến cách mạng, tạo thế áp đảo của cách mạng đối với phản cách mạng để giành thắng lợi.

Với lực lượng cách mạng, chỉ cốt là công nhân, nông dân, lao động chân tay, lao động trí óc, phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh là khai thác, phát huy sự thống nhất, tương đồng, hạn chế, khắc phục, tiến tới xóa bỏ dần những khác biệt trong mục tiêu, lợi ích. Sự đoàn kết, thống nhất của lực lượng cách mạng chính là điều kiện tiên quyết giúp cho việc thu hút, tập hợp các lực lượng trung gian vào trận tuyến cách mạng, cô lập các lực lượng thù địch.

Với lực lượng trung gian (các tầng lớp trên, các trí thức thượng lưu, nhân sĩ, hoàng tộc, quan lại...), phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh là xóa bỏ mọi thành kiến, mặc cảm, khơi gợi, cổ vũ ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước, chân thành hợp tác và trọng dụng. Người luôn căn dặn: "Điều cần thiết nhất cho

chúng ta là đoàn kết... cần phải xóa bỏ hết thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ lẫn nhau để cùng tiến bộ, để cùng phục vụ nhân dân"[1].

Đối với các thế lực thù địch, phương pháp Hồ Chí Minh là chủ động, kiên quyết tiến công tiêu diệt trên cơ sở phân hóa, cô lập chúng đến mức cao độ; chăm chú theo dõi, khai thác mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, lôi kéo, tranh thủ những lực lượng nào còn có thể tranh thủ được, hòa hoãn tạm thời với những lực lượng nào, bộ phận nào còn có thể hòa hoãn được, thu hẹp và cô lập lực lượng thù địch nguy hiểm, trực tiếp nhất. Đối với thế lực thù địch ngoan cố, phản động nhất, phương pháp Hồ Chí Minh là: "kiên quyết không ngừng thế tiến công"; là "dù phải đốt cháy cả dải Trường Sơn cũng quyết giành cho được độc lập"; và "hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi". Đó là phương pháp cách mạng triệt để, phân biệt rạch ròi giữa các lực lượng hiếu chiến đi xâm lược với nhân dân lao động ở các nước đi xâm lược, để từ đó đoàn kết với họ.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế

Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng.

Thực hiện đoàn kết quốc tế để tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.7, tr.391.

hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp cho cách mạng chiến thắng kẻ thù.

Sức mạnh của dân tộc Việt Nam là sự tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự lực, tự cường dân tộc; sức mạnh của tinh thần đoàn kết, của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập, tự do... Sức mạnh đó đã giúp cho dân tộc Việt Nam vượt qua mọi thử thách, khó khăn trong dựng nước và giữ nước.

Khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã sớm xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới và chỉ có thể thành công khi thực hiện đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Cùng với quá trình phát triển thắng lợi của cách mạng Việt Nam, tư tưởng đoàn kết với phong trào cách mạng thế giới đã được Hồ Chí Minh phát triển ngày càng đầy đủ, rõ ràng và cụ thể hơn.

Đối tượng đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng lớn: đoàn kết với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc và ở các nước tư bản chủ nghĩa nói chung; đoàn kết với nước Nga Xôviết, với Liên Xô và sau này mở rộng ra tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; đoàn kết với phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới; đặc biệt là đoàn kết với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia, hai nước cùng cảnh ngộ với Việt Nam trên bán đảo Đông Dương, thực hiện khối đoàn kết Việt - Miên - Lào trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thực dân

giành độc lập tự do cho mỗi dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân mỗi nước.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, thực hiện đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; đại đoàn kết dân tộc phải là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế. Đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế là để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng chiến thắng kẻ thù.

Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng.

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, chủ nghĩa yêu nước chân chính phải được gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; thực hiện đoàn kết quốc tế không chỉ vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà còn vì sự nghiệp chung của nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế vì các mục tiêu cách mạng của thời đại.

Thời đại mà Hồ Chí Minh sống và hoạt động chính trị là thời đại đã chấm dứt thời kỳ tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra các quan hệ quốc tế ngày càng sâu rộng cho các dân tộc, làm cho vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người. Hồ Chí Minh đã hoạt động không mệt mỏi để phá thế đơn độc của cách mạng Việt Nam, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Trong suốt quá trình đó, Người không chỉ phát huy triệt để sức mạnh chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc trong đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc mình mà còn kiên trì đấu tranh không mệt mỏi để củng cố và

tăng cường đoàn kết giữa các lực lượng cách mạng thế giới đấu tranh cho mục tiêu chung: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, kiên trì chống lại mọi khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sôvanh,... những khuynh hướng làm suy yếu sức mạnh đoàn kết, thống nhất các lực lượng cách mạng thế giới.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện đoàn kết quốc tế, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản là nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của dân tộc và thời đại. Bởi lẽ, chúng ta không chỉ chiến đấu vì độc lập, tự do của đất nước mình mà còn vì độc lập, tự do của các nước khác, không chỉ bảo vệ lợi ích sống còn của dân tộc mình mà còn vì những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Để làm được như vậy, phải kiên quyết đấu tranh chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, chống lại chủ nghĩa sôvanh và mọi thứ chủ nghĩa cơ hội khác.

2. Đối tượng và hình thức đoàn kết quốc tế

Các lực lượng cần đoàn kết

Nội hàm khái niệm đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú, song tập trung chủ yếu vào ba lực lượng: phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc; phong trào hòa bình, dân chủ thế giới, trước hết là phong trào chống chiến tranh của nhân dân các nước đang xâm lược Việt Nam.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân thế giới, lực lượng nòng cốt của đoàn kết quốc tế, Hồ Chí Minh cho rằng,

sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản quốc tế là một bảo đảm vững chắc cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Do đánh giá rất cao vai trò của khối đoàn kết của giai cấp vô sản thế giới, tháng 12-1920, tại Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp, Hồ Chí Minh đã lên tiếng: "Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: các đồng chí, hãy cứu chúng tôi"[1]. Tiếp nhận học thuyết Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm thấy phương hướng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tìm thấy "cái cẩm nang thần kỳ" cho sự nghiệp cứu nước của các dân tộc bị nô dịch. Đồng thời, Người cũng tìm thấy một lực lượng ủng hộ mạnh mẽ công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, đó là: phong trào cộng sản và công nhân thế giới, là Liên Xô và sau này là các nước xã hội chủ nghĩa; là Quốc tế thứ ba và sau này là Cục thông tin quốc tế. Từ đó, Người đã giành nhiều thời gian và tâm lực, phấn đấu không mệt mỏi cho việc xây dựng, củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa tư bản là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động toàn thế giới. Trong hoàn cảnh đó, chỉ có sức mạnh của sự đoàn kết, nhất trí, sự đồng tình và ủng hộ lẫn nhau của lao động toàn thế giới theo tinh thần "bốn phương vô sản đều là anh em" mới có thể chống lại được những âm mưu thâm độc của chủ nghĩa đế quốc thực dân. Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến trường kỳ của nhân dân Việt Nam không thể tách rời sự đồng tình, ủng hộ, sự

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr.23-24.

chi viện lớn lao của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, của các Đảng Cộng sản và công nhân thế giới.

Đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra âm mưu chia rẽ dân tộc của các nước đế quốc, tạo sự biệt lập, đối kháng và thù ghét dân tộc, chủng tộc... nhằm làm suy yếu phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Chính vì vậy, Người đã kiến nghị Ban phương Đông Quốc tế Cộng sản về những biện pháp nhằm "làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản"[1]. Thêm vào đó, để tăng cường đoàn kết giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản chính quốc như hai cái cánh của cách mạng thời đại, Hồ Chí Minh còn đề nghị Quốc tế Cộng sản, bằng mọi cách phải "làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành thắng lợi cuối cùng"[2]. Người nói, đứng trước chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của giai cấp vô sản chính quốc và của nhân dân các nước thuộc địa là thống nhất.

Đối với các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hòa bình, dân chủ, tự do và công lý, Hồ Chí Minh cũng tìm mọi cách để thực hiện đoàn kết. Trong xu thế mới của thời đại, sự thức tỉnh dân tộc gắn liền với sự thức tỉnh giai cấp, Hồ Chí Minh đã gắn cuộc đấu tranh vì độc lập ở Việt Nam với mục tiêu bảo vệ hòa

---

[1, 2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.2, tr.124.

bình, tự do, công lý và bình đẳng để tập hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

Sau khi Việt Nam giành được độc lập, thay mặt Chính phủ, Hồ Chí Minh đã nhiều lần tuyên bố: "Chính sách ngoại giao của Chính phủ thì chỉ có một điều tức là thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để gìn giữ hòa bình"[1]. "Thái độ nước Việt Nam đối với những nước Á châu là một thái độ anh em, đối với ngũ cường là một thái độ bạn bè"[2]. Bên cạnh ngoại giao Nhà nước, Hồ Chí Minh đẩy mạnh ngoại giao nhân dân, cho đại diện các tổ chức của nhân dân Việt Nam tiếp xúc, hợp tác với các tổ chức chính trị - xã hội, văn hóa của nhân dân thế giới, của nhân dân Á - Phi..., xây dựng các quan hệ hữu nghị, đoàn kết với các lực lượng tiến bộ thế giới.

Hình thức đoàn kết

Đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là vấn đề sách lược, một thủ đoạn chính trị nhất thời mà là vấn đề có tính nguyên tắc, một đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới. Ngay từ năm 1924, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm về thành lập "Mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa"[3] chống chủ nghĩa đế quốc, đồng thời kiến nghị Quốc tế Cộng sản cần có giải pháp cụ thể để đến Đại hội VI (1928) quan điểm này trở thành sự thật.

Dựa trên cơ sở các quan hệ về địa lý chính trị và tính chất chính trị - xã hội trong khu vực và trên thế giới, cũng như tình

---

[1, 2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.30, 136.

[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr.282.

hình, nhiệm vụ cách mạng mỗi thời kỳ, Hồ Chí Minh đã từng bước xây dựng và củng cố khối đoàn kết quốc tế, tranh thu sự đồng tình, ủng hộ của các trào lưu cách mạng thời đại, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Đối với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương, Hồ Chí Minh dành sự quan tâm đặc biệt. Cả ba dân tộc đều là láng giềng gần gũi của nhau, có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hóa và cùng chung một kẻ thù là thực dân Pháp. Năm 1941, để khơi dậy sức mạnh và quyền tự quyết của mỗi dân tộc, Người quyết định thành lập riêng biệt Mặt trận độc lập đồng minh cho từng nước Việt Nam, Lào, Cao Miên, tiến tới thành lập Đông Dương độc lập đồng minh. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc hình thành Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào (Mặt trận nhân dân ba nước Đông Dương) phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau cùng chiến đấu, cùng thắng lợi.

Mở rộng ra các nước khác, Người chăm lo củng cố mối quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác nhiều mặt theo tinh thần "vừa là đồng chí, vừa là anh em" với Trung Quốc, nước láng giềng có quan hệ lịch sử, văn hóa lâu đời với Việt Nam; thực hiện đoàn kết với các dân tộc châu Á và châu Phi đang đấu tranh giành độc lập. Với các dân tộc châu Á, Người chỉ rõ, các dân tộc châu Á có độc lập thì nền hòa bình thế giới mới thành hiện thực. Vận mệnh dân tộc châu Á có quan hệ mật thiết với vận mệnh dân tộc Việt Nam. Do vậy, từ những năm 20 của thế kỷ XX, cùng với việc sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa tại Pháp, Hồ Chí Minh đã tham gia sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức tại Trung Quốc. Đây là hình thức sơ khai của mặt trận thống nhất các dân tộc bị

áp bức theo xu hướng vô sản, lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Những năm đấu tranh giành độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh tìm mọi cách xây dựng các quan hệ với mặt trận dân chủ và lực lượng đồng minh chống phát xít, nhằm tạo thế dựa cho cách mạng Việt Nam. Bằng hoạt động ngoại giao không mệt mỏi, Hồ Chí Minh đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của bạn bè quốc tế và nhân loại tiến bộ, trong đó có cả nhân dân Pháp trong kháng chiến chống Pháp và nhân dân Mỹ trong kháng chiến chống Mỹ, hình thành mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược.

Như vậy, tư tưởng đoàn kết vì thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã định hướng cho việc hình thành bốn tầng mặt trận: Mặt trận đại đoàn kết dân tộc; Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào; Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam; Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược. Đây là sự phát triển rực rỡ nhất và thắng lợi to lớn nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết.

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình

Cũng như xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, muốn thực hiện được đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng phản động quốc tế, phải tìm ra được những điểm tương đồng về mục tiêu, lợi ích giữa các dân tộc, các

lực lượng tiến bộ và phong trào cách mạng thế giới. Đây là vấn đề cốt tử, có tính nguyên tắc trong công tác tập hợp lực lượng.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

Có lý trước hết là phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, phải xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng thế giới và phải biết vận dụng sáng tạo, có hiệu quả chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoạt động thực tiễn của mỗi nước, mỗi Đảng, tránh giáo điều. Có tình là sự thông cảm, tôn trọng lẫn nhau trên tinh thần, tình cảm của những người cùng chung lý tưởng, cùng chung mục tiêu đấu tranh; phải khắc phục tư tưởng sôvanh, "nước lớn", "Đảng lớn"; không "áp đặt", "ức chế", nói xấu, công khai, công kích nhau hoặc dùng các giải pháp về chính trị, kinh tế... gây sức ép với nhau. Có tình đòi hỏi trong mọi vấn đề phải chờ đợi nhau cùng nhận thức, cùng hành động vì lợi ích chung. Lợi ích của mỗi quốc gia, dân tộc, mỗi Đảng phải được tôn trọng, song lợi ích đó không được phương hại đến lợi ích chung, lợi ích của Đảng khác, của dân tộc khác.

Có lý, có tình vừa thể hiện tính nguyên tắc vừa là một nội dung của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh - chủ nghĩa nhân văn cộng sản. Nó có tác dụng rất lớn, không chỉ trong việc củng cố khối đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân mà còn củng cố tình đoàn kết trong nhân dân lao động.

Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, để thực hiện đoàn kết thống nhất trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế thì đoàn kết giữa

các Đảng "là điều kiện quan trọng nhất để bảo đảm cho phong trào cộng sản và công nhân toàn thắng trong cuộc đấu tranh vĩ đại cho tương lai tươi sáng của toàn thể loài người"[1]. Người cho rằng, thực hiện sự đoàn kết đó, phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, quán triệt sâu sắc những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Đối với các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Độc lập, tự do cho mỗi dân tộc là tư tưởng nhất quán, được Hồ Chí Minh coi là chân lý, là "lẽ phải không ai chối cãi được". Hồ Chí Minh không chỉ suốt đời đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập, tự do của các dân tộc khác. Trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước láng giềng (Lào, Campuchia, Trung Quốc) cũng như các quốc gia, dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh thực hiện nhất quán quan điểm có tính nguyên tắc: Dân tộc Việt Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới, đồng thời mong muốn các quốc gia, dân tộc trên thế giới quan hệ hợp tác, hữu nghị với Việt Nam cũng trên cơ sở những nguyên tắc đó. Tháng 9-1947, trả lời nhà báo Mỹ S.Êli Mâysi, Hồ Chí Minh tuyên bố: Chính sách đối ngoại của nước Việt Nam là "làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai"[2].

Đối với các dân tộc tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ hòa bình trong công lý, chống chiến tranh

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.10, tr.235.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.220.

xâm lược - một trong những nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó bắt nguồn từ truyền thống hòa hiếu của dân tộc Việt Nam kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và những giá trị nhân văn nhân loại.

Đấu tranh bảo vệ hòa bình là tư tưởng bất di bất dịch của Hồ Chí Minh. Nhưng đó không phải là một nền hòa bình trừu tượng, mà là "hòa bình trong độc lập tự do"[1]; "một nền hòa bình chân chính xây trên công bình và lý tương dân chủ"[2], chống chiến tranh xâm lược vì các quyền dân tộc cơ bản của các quốc gia. Trong suốt hai cuộc kháng chiến, quan điểm hòa bình trong công lý, hòa bình trong sự tôn trọng độc lập và thống nhất đất nước của Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã làm rung động trái tim nhân loại. Nó có tác dụng cảm hóa, lôi kéo các lực lượng tiến bộ thế giới đứng về phía nhân dân Việt Nam đòi chấm dứt chiến tranh, vãn hồi hòa bình. Trên thực tế, đã hình thành một mặt trận nhân dân thế giới, có cả nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược, góp phần kết thúc thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống thực dân.

Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự cường

Đoàn kết quốc tế là để tranh thu sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng quốc tế nhằm tăng thêm nội lực, tạo sức mạnh thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đã đặt ra. Để đoàn kết tốt phải có nội lực tốt. Nội lực là nhân tố quyết định, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Chính vì vậy, trong đấu tranh cách mạng, Hồ

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.109.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.66.

Chí Minh luôn nêu cao khẩu hiệu: "Tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính"; "Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã". Trong đấu tranh giành chính quyền, Người chủ trương: "Đem sức ta mà giải phóng cho ta". Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người chỉ rõ: "Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập"[1]. Trong quan hệ quốc tế, Người nhấn mạnh: Phải có thực lực, "thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to tiếng mới lớn"[2].

Hồ Chí Minh chỉ rõ, muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn. Trả lời một phóng viên nước ngoài, Người nói: "Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào"[3]. Trong quan hệ giữa các đảng thuộc phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, Người xác định: "Các đảng dù lớn dù nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau"[4]. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam là thắng lợi của đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong kháng chiến chống Mỹ, với đường lối độc lập tự chủ, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp hài hòa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế, Đảng đã tranh thủ được phong trào nhân dân thế giới đoàn kết với Việt

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.6, tr.522.
[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.126.
[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.136.
[4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.10, tr.235.

Nam, tạo ra được tiếng nói chung và sự ủng hộ có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là của Liên Xô, Trung Quốc. Sự đoàn kết của Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc trong kháng chiến chống Mỹ đã góp phần quan trọng vào việc củng cố đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào cách mạng thế giới, tạo chỗ dựa cho phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong chủ trương, đường lối của Đảng

Từ khi cả nước Việt Nam thống nhất bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết phù hợp với thời kỳ mới. Đại đoàn kết luôn được Đảng coi là vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước. Qua các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và nhiều Hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương, từ năm 1976 đến nay, các Nghị quyết của Đảng đều toát lên những tư tưởng chỉ đạo sau:

Một là, phải khơi dậy và phát huy đến mức cao nhất sức mạnh dân tộc, đặt lợi ích của dân tộc, của đất nước và của con người lên hàng đầu, lấy đó làm cơ sở để xây dựng các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội; nếu trước kia sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc là sức mạnh để chiến thắng giặc ngoại xâm, thì bây giờ sức mạnh ấy phải là sức mạnh để chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu.

Hai là, phải xuất phát từ lợi ích dân tộc mà mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi khả năng có thể tranh thủ được để xây dựng, phát triển đất nước.

Về chính trị, tư tưởng: Đảng nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, chủ trương xóa bỏ mọi thiên kiến, mặc cảm, hận thù trong quá khứ; tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng, mọi người Việt Nam ở trong nước và định cư ở nước ngoài vào sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, lấy liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc.

Về kinh tế - xã hội: Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, xác lập quyền làm chủ của người lao động trong lĩnh vực kinh tế, khuyến khích làm giàu chính đáng theo pháp luật, đồng thời thực hiện các chính sách "đền ơn đáp nghĩa", "xóa đói giảm nghèo".

Về đối ngoại: Thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại theo phương châm "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước vì hòa bình, độc lập, hợp tác và phát triển".

Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề đại đoàn kết dân tộc, ngày 27-11-1993, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã ra Nghị quyết 07/NQ-TW "Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất". Nghị quyết là sự phản ánh tập trung nhất tính kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong sự nghiệp đổi mới. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996), vấn đề đại đoàn kết dân tộc đã được đặt lên một tầm cao mới, nhằm phát

huy sức mạnh của toàn dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngày 26-6-1999, lần đầu tiên Luật về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được ban hành, trong đó khẳng định: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nơi hiệp thương, phối hợp và thống nhất của các thành viên, góp phần giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh. Đây thực sự là bước phát triển mới của Mặt trận dân tộc thống nhất, của khối đại đoàn kết toàn dân để đưa đất nước tiến vào thế kỷ XXI.

2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng

Thực tiễn cách mạng Việt Nam trên 80 năm qua đã chứng minh hùng hồn sức sống kỳ diệu và sức mạnh vĩ đại của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Đại đoàn kết dân tộc, từ chỗ là tư tưởng của lãnh tụ đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng đó đã thấm sâu vào tình cảm của tất cả những người Việt Nam yêu nước và biến thành hành động cách mạng của hàng triệu, hàng triệu con người, tạo nên sức mạnh vô địch trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tính chất rộng rãi của khối đại đoàn kết dân tộc thể hiện qua việc mở rộng biên độ tập hợp mọi giai tầng xã hội, mọi ngành, giới, lứa tuổi, tôn giáo, dân tộc, chính kiến, đảng phái, tổ chức và cá nhân vào Mặt trận dân tộc thống nhất. Tính bền vững của khối đại đoàn kết dân tộc biểu hiện qua việc củng cố khối liên minh công nhân - nông dân - lao động trí óc và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Sự thật lịch sử đã chứng minh rằng, Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi thì liên minh công nhân - nông dân - lao động trí óc càng mạnh, sự lãnh đạo của Đảng càng vững; đồng thời, khối liên minh công nhân - nông dân - lao động trí óc càng được củng cố, sự lãnh đạo của Đảng càng được tăng cường thì Mặt trận dân tộc thống nhất càng có thể mở rộng và sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc càng được nhân lên to lớn hơn.

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã dày công xây dựng, vun đắp cho sự lớn mạnh và sự phát triển của Mặt trận dân tộc thống nhất, tăng cường ảnh hưởng của Mặt trận đối với cách mạng Việt Nam. Đánh giá vai trò của Mặt trận không phải chỉ trong quá khứ, mà còn xa về tương lai, Người đã nêu rõ: "Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam"[1].

Hồ Chí Minh đã nêu lên sự cần thiết phải mở rộng và củng cố Mặt trận cũng như niềm tin vào sự phát triển bền vững của khối đại đoàn kết dân tộc lâu dài về sau. Điều này đã được thể hiện trong toàn thể tiến trình cách mạng Việt Nam, khi Hồ Chí Minh còn sống, cũng như sau khi Người đi xa.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.10, tr.605.

3. Đại đoàn kết dân tộc phải gắn với đoàn kết quốc tế

Tình hình quốc tế và trong nước hiện nay biến chuyển nhanh chóng, sâu sắc, đặt ra những điều kiện mới đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam phải rút ra những bài học kinh nghiệm trong chiến lược đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh để vận dụng cho phù hợp. *Một là*, làm rõ đoàn kết để thực hiện mục tiêu cách mạng trong giai đoạn hiện nay là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, xã hội công bằng văn minh. *Hai là*, mở cửa, hội nhập quốc tế, là bạn của tất cả các nước, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, đồng thời phải tham gia những vấn đề toàn cầu hiện nay. *Ba là*, phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới. *Bốn là*, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, làm hạt nhân đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng cho ngang tầm nhiệm vụ của dân tộc, của thời đại.

Những quan điểm cơ bản cùng giá trị thực tiễn của tư tưởng đoàn kết quốc tế Hồ Chí Minh là những bài học quý báu cần được nhận thức, vận dụng sáng tạo cho phù hợp với cách mạng Việt Nam và thế giới trong giai đoạn hiện nay. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã viết: "Cuộc đời Hồ Chí Minh làm sáng tỏ sự đoàn kết quốc tế là một tư tưởng lớn của người cách mạng, vừa là đạo đức, vừa là văn hóa. Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, càng cần nêu cao tư tưởng biết bao cao quý và cần thiết đó"[1].

---

[1] Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Quá khứ, hiện tại và tương lai*. Nxb.Sự thật, H.1991, tr.53.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích tầm quan trọng của đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh?

2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc?

3. Trình bày nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế?

4. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa như thế nào?

Chương 8

TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN, ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

I. TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người và bản chất con người

Hồ Chí Minh đề cập con người cụ thể, lịch sử; không có con người chung chung, trừu tượng phi nguồn gốc lịch sử hay con người kiểu tôn giáo. Trong các bài nói, bài viết của mình, khái niệm con người được Hồ Chí Minh sử dụng bằng nhiều từ ngữ khác nhau như: người, con người, người ta, dân, nhân dân, quần chúng, đồng bào... để diễn đạt nhiều nghĩa khác nhau, tùy theo điều kiện, hoàn cảnh, nội dung cụ thể của từng thời kỳ cách mạng, khi nói về con người trong các lĩnh vực văn hóa, đạo đức, triết học, chính trị, xã hội. Riêng thuật ngữ "con người" được Hồ Chí Minh sử dụng đến 172 lần.

Trong những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh thường dùng các khái niệm: "người bản xứ", "người bản xứ bị áp bức", "người bản xứ bị bắt làm nô lệ", "người mất nước", "người lao động bản xứ", "người bị bóc lột", "người bị bóc lột thuộc mọi chủng tộc", "người da vàng", "người da đen", "người vô sản", "người vô sản ở thuộc địa"...; và đối lập với họ là những: "thực dân", "thực dân độc ác", "viên chức tàn bạo", "bọn ăn bám đủ

các cỡ" v.v.. Nhờ chứng kiến cuộc sống của nhân dân các dân tộc thuộc địa dưới ách kìm kẹp của chủ nghĩa đế quốc. Người đã có sự phân biệt rạch ròi giữa một bên là bọn đế quốc, thực dân tàn bạo, độc ác và bên kia là những người lao động bị bóc lột, áp bức nặng nề. Người rút ra một kết luận sâu sắc: "dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột"[1].

Sở dĩ Hồ Chí Minh chia hai hạng người như vậy để thực hiện chữ "Bác - Ái", thực hiện "đại đoàn kết" và "giúp người tiến tới". Người cho rằng, "những người bị bóc lột, những người đi theo điều "thiện" thì dù màu da, tiếng nói có khác nhau, có thể coi nhau như anh em một nhà, có thể "đại đoàn kết", "đại hòa hợp" trong một "thế giới đại đồng".

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, nhân dân Việt Nam đã trở thành người tự do, được làm chủ đất nước, thực hiện đại đoàn kết để kháng chiến chống thực dân Pháp. Hồ Chí Minh thường dùng các khái niệm: "đồng bào", "nhân dân, "quốc dân", "dân".... qua đó đặt con người trong quan hệ gắn bó với khối thống nhất của cộng đồng dân tộc.

Sau khi miền Bắc đã hoàn thành công cuộc cải cách, Hồ Chí Minh dùng những khái niệm phù hợp với các quan hệ xã hội mới như: "lao động chân tay", "lao động trí óc", "công nhân", "nông dân tập thể", "người chủ tập thể",... Bên cạnh đó, Người còn xem xét con người theo giới tính, lứa tuổi nghề nghiệp, v.v..

Năm 1949, để làm rõ mối quan hệ "mình đối với người", Hồ Chí Minh đã đưa ra định nghĩa: "Chữ người, nghĩa hẹp là gia

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr.266.

đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người"[1]. Chữ "người" theo Hồ Chí Minh bao gồm tuyệt đại bộ phận dân tộc với thành phần chủ yếu là nhân dân lao động, nó gần với hai chữ "đồng bào". Hồ Chí Minh đã gửi gắm tất cả tâm tư, tình cảm và bộc lộ tư tưởng của mình đối với nhân dân, đồng chí, đồng bào khi Người nói: "Đầu tiên là công việc đối với con người".

Như vậy, cách tiếp cận cơ bản nhất của Hồ Chí Minh về vấn đề con người là thống nhất lập trường giai cấp với lập trường dân tộc, vận dụng một cách sáng tạo lập trường giai cấp vô sản vào hoàn cảnh Việt Nam. Con người với những đặc điểm nói trên là cốt lõi của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, thể hiện ở ba nội dung sau:

Một là, sự cảm nhận, cảm thông hết sức sâu sắc mọi niềm đau, nỗi khổ của người nô lệ và người cùng khổ. Có thể thấy rõ điều này qua các bài viết của Hồ Chí Minh tố cáo tội ác mà chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và chế độ tư bản chủ nghĩa gây ra cho con người.

Hai là, quyết tâm hi sinh chiến đấu để giải phóng con người và đem lại tự do, hạnh phúc cho con người. Hồ Chí Minh viết: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành".[2]

Ba là, tin tưởng tuyệt đối ở khả năng tự giải phóng của con người và không ngừng rèn luyện, phát huy khả năng ấy.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.644.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.161.

2. Yêu thương, quý trọng con người

Yêu thương con người ở Hồ Chí Minh trước hết là giành cho những người cùng khổ, những người bị áp bức bóc lột. Yêu nước, thương dân đã trở thành lẽ sống của Hồ Chí Minh. Người từng nói: Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề... là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ, áp bức. Hồ Chí Minh thương yêu, cảm thông sâu sắc và chia sẻ với những người dân nghèo khổ, bị bóc lột, vì "chính họ là những người phải làm mọi công việc nặng nhọc, mọi thứ lao dịch. Chính họ làm ra cho lũ người ăn bám, lũ người lười biếng, lũ người đi khai hóa và những bọn khác hưởng mà chính họ thì lại phải sống cùng khổ trong khi những tên đao phủ của họ sống rất thừa thãi; hễ mất mùa thì họ chết đói"[1].

Hồ Chí Minh yêu thương đồng bào, đồng chí, không phân biệt họ ở miền xuôi hay miền ngược, là trẻ hay già, trai hay gái. Lòng yêu thương của Người đã giành một phần lớn cho phụ nữ và trẻ em. Bởi vì, "không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược. Ngoài phố, trong nhà, giữa chợ hay ở thôn quê, đâu đâu họ cũng vấp phải những hành động tàn nhẫn của bọn quan cai trị, sĩ quan, cảnh binh, nhân viên nhà đoan, nhà ga"[2]. Tình thương yêu sâu sắc ấy đã thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước. Người đi đến nhiều quốc gia khác nhau để "xem xét họ làm thế nào rồi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta". Những khó khăn gian khổ, thử thách, trong quá trình Người đi

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr.227.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.2, tr.105.

tìm đường cứu nước đã khẳng định tình thương bao la của Người đối với dân tộc.

Với lòng thương yêu con người, Hồ Chí Minh đã lên án và tố cáo mạnh mẽ tội ác của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, mô tả cuộc sống điêu đứng của dân nghèo. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, Người đã chỉ cho nhân dân thuộc địa và nhân dân lao động toàn thế giới chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân chính là kẻ thù, là nguyên nhân nỗi khổ của người nô lệ mất nước và người cùng khổ. Người vạch rõ âm mưu, thủ đoạn dã man của đế quốc và thực dân đối với giai cấp công nhân, nhân dân lao động ở các nước chính quốc và thuộc địa, ví chúng như "con đỉa hai vòi", tố cáo tội ác của thực dân Pháp ở Việt Nam: sưu cao thuế nặng, chính sách ngu dân, luật lệ hà khắc, "nhà tù nhiều hơn trường học". Bọn thực dân biến các thuộc địa thành "địa ngục trần gian", "chém giết người vô tội", tính mạng người dân thuộc địa "không đáng một đồng trinh". Người còn chỉ ra rằng: lịch sử việc người Âu xâm chiếm châu Phi cũng như bất cứ lịch sử xâm chiếm thuộc địa nào thì từ đầu đến cuối đều được viết bằng máu của những người bản xứ. Từ đó, Người đã tìm ra con đường cứu nước của dân tộc Việt Nam, góp phần vạch ra con đường giải phóng các dân tộc thuộc địa và nhân dân lao động trên toàn thế giới. Như vậy, lòng nhân ái bao la của Hồ Chí Minh được đặt trên một cơ sở khoa học.

Tình yêu thương con người ở Hồ Chí Minh còn là tình cảm quý trọng, quan tâm và chăm lo cuộc sống của con người, của nhân dân. Người quan niệm con người là tài sản quý giá nhất, nên phải biết quý trọng tính mệnh, tài sản của nhân dân. Người

yêu cầu mọi chủ trương, chính sách, mọi quy định pháp luật, pháp lệnh của Nhà nước đều phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, cán bộ nhà nước không được "lạm quyền" "đứng trên dân" "ức hiếp dân". Đảng viên, cán bộ vừa là người lãnh đạo, vừa là người đày tớ thật trung thành của nhân dân cho nên phải đặt quyền lợi của nhân dân lên trên hết, phải biết lắng nghe ý kiến quần chúng. Lý tưởng cao nhất của Đảng, của cán bộ, đảng viên là phục vụ sự nghiệp cách mạng của quần chúng, mang lại hạnh phúc cho nhân dân. Người nói nếu nước độc lập mà dân không có hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì.

Quan tâm đến mọi mặt, từ đấu tranh để giải phóng dân tộc, giải phóng con người khỏi sự áp bức bất công, xóa bỏ tàn dư của chế độ thực dân phong kiến cho đến những việc liên quan thiết thực đến đời sống hàng ngày như cái sự ăn, mặc, học hành của dân chính là biểu hiện tình cảm của Hồ Chí Minh đối với con người, đối với nhân dân.

Là Chủ tịch nước, mặc dù bận trăm công, nghìn việc nhưng Người vẫn quan tâm đến cuộc sống của nhân dân, đặc biệt là nhân dân miền Nam dưới ách thống trị của Mỹ - ngụy. Hồ Chí Minh thường nói: "miền Nam luôn ở trong trái tim tôi"; "Ở miền Nam Việt Nam... Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi"[1]. Và khi vĩnh biệt chúng ta, Người để lại "muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng"[2].

[1-2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.560-561, 500.

Hồ Chí Minh đứng ở trong lòng nhân dân, trái tim Người cùng đập với nhịp tim của nhân dân, gắn bó với nhân dân suốt cả cuộc đời. Tình yêu thương nhân loại của Hồ Chí Minh mênh mông như biển cả, rực rỡ như "một ánh hào quang chói lọi không chỉ soi sáng nhân dân Việt Nam mà còn soi sáng cả thế giới thứ ba và các lực lượng tiến bộ"[1].

3. Tin vào phẩm chất tốt đẹp và sức mạnh to lớn của con người

Theo Hồ Chí Minh, con người được quy định bởi hoàn cảnh sống của họ, do họ tạo ra trong thực tiễn; cho nên giải quyết mọi việc xã hội của con người phải đặt mối quan hệ con người với hoàn cảnh đó mà phát huy tính tự giác, năng động. Hồ Chí Minh cho rằng: Ở trong xã hội muốn thành công phải có ba điều kiện: thiên thời địa lợi và nhân hòa, ba điều kiện ấy đều quan trọng cả. Nhưng thiên thời không quan trọng bằng địa lợi, địa lợi không quan trọng bằng nhân hòa. Người thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên phải luôn ghi nhớ: "Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân"[2]. Người dạy: Sự nghiệp cách mạng là của quần chúng nhân dân. Sự nghiệp cách mạng có giành được thắng lợi hay không là phụ thuộc vào nhân dân. Do đó mà người làm cách mạng cần phải gần dân, tin dân, yêu thương nhân dân.

Quán triệt quan điểm đó, Hồ Chí Minh luôn tin tưởng vào sức sống mãnh liệt, to lớn tiềm ẩn trong nhân dân. Năm 1921, khi

---

[1] Trích *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb.Sự thật, H.1976, tr.283-286.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.8, tr.276.

chưa có Đảng, Hồ Chí Minh đã có niềm tin vững chắc rằng: "*Người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi*... Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến"[1].

Hồ Chí Minh tin tưởng rằng sự nghiệp đấu tranh để giải phóng nhân dân lao động chỉ có thể thực hiện được bằng chính sự nỗ lực, quyết tâm, đoàn kết của nhân dân. Sứ mệnh của Đảng là phải giác ngộ, lôi cuốn, tập hợp, tổ chức, đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, vùng lên làm cách mạng tự giải phóng.

Khi nước nhà giành được độc lập, Hồ Chí Minh khẳng định Việt Nam là nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích, quyền lực đều thuộc về nhân dân; tiến hành kháng chiến hay xây dựng, đổi mới đều phải dựa vào dân. Hồ Chí Minh tin tưởng con người có thể sáng tạo, điều khiển các sức mạnh máy móc cũng như mọi thứ vũ khí nguy hiểm ở trên đời.

Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Hồ Chí Minh cũng đều có niềm tin sâu sắc vào con người, vào nhân dân, Người nói: "Con người dù là xấu, tốt, văn minh hay dã man đều có tình"[2]. Niềm tin của chủ nghĩa nhân đạo cộng sản đó không chỉ là cơ sở của niềm hy vọng và nguồn cổ động to lớn của cách mạng, mà còn trở thành phương pháp cách mạng đúng đắn.

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Hồ Chí Minh viết: Muốn

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr.28.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.7, tr.60.

cách mạng thành công thì phải biết lấy dân chúng công nông làm gốc. Trong thời kỳ kháng chiến kiến quốc, Người nâng quan điểm "dân" của mình lên ở một nấc thang mới cao hơn: "Nước lấy dân làm gốc"; "Gốc có vững cây mới bền. Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân"; người cách mạng cần biết: "Đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân".

4. Lòng khoan dung độ lượng

Khoan dung Hồ Chí Minh là sự kết hợp lương tri siêu việt của cá nhân với lương tri dân tộc và lương tri thời đại để đạt tới sự hài hòa giữa cá nhân, dân tộc và nhân loại.

Khoan dung Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa nhân và trí, tức giữa tình cảm nồng nàn và lý trí sáng suốt, do đó đã khắc phục được những nhược điểm, hạn chế của khoan dung truyền thống

Khoan dung Hồ Chí Minh là thái độ trân trọng đối với mọi giá trị văn hóa nhân loại, là không ngừng rộng mở để thâu hóa những yếu tố tích cực, tiến bộ và nhân văn của thế giới nhằm làm giàu cho văn hóa Việt Nam; đồng thời chấp nhận giao lưu, đối thoại bình đẳng để đạt tới sự hòa đồng, cùng phát triển.

Lòng khoan dung Hồ Chí Minh xuất phát từ truyền thống: "người trong một nước phải thương nhau cùng"; tất cả là con dân nước Việt, con Lạc cháu Hồng, dân ta là một dân tộc giàu lòng bác ái; chính sách của Chính phủ là đại đoàn kết... Tất cả kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo mácxít, tạo thành một lòng khoan dung, độ lượng mà không phải lãnh tụ nào cũng có và ứng xử được.

Một cộng đồng dân tộc, một xã hội bao giờ cũng có muôn

vàn mối quan hệ phức tạp thuộc về quá khứ lẫn hiện tại. Việc giải quyết các mối quan hệ ấy, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phải xuất phát từ mục đích tập hợp lực lượng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và tiến bộ xã hội, vì tình thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau giữa con người với con người. Hồ Chí Minh đã thể hiện tinh thần này qua các chính sách đối với kiều dân nước ngoài tại Việt Nam và đối với tù binh. Trong Quốc lệnh 1946 có nội dung: ai vô cớ sát hại tù binh, kiều dân ngoại quốc sẽ bị khép vào tội tử hình, chiến tranh là bất đắc dĩ, không muốn con người đi vào con đường chém giết lẫn nhau.

Hồ Chí Minh nhắc nhở mọi người "cần phải gột rửa cho sạch tư tưởng phong kiến địa chủ và tư sản". Người khẳng định thành phần xuất thân có quan hệ thật nhưng nếu xuất thân là địa chủ nhưng đứng hẳn về phía nông dân, thì không phải là địa chủ nữa. Đối với các ngụy binh, Hồ Chí Minh viết: "Nhưng các người cũng là máu đỏ da vàng... Tuy các người đã phạm tội nặng là cầm súng chống lại Tổ quốc, song Chính phủ kháng chiến độ lượng khoan hồng, thương hại các người như những đứa con lầm đường, cho nên nặng về giáo dục nhẹ tay xử phạt, để dìu dắt các người bỏ đường tà, theo đường chính... đối với những ngụy binh đã bị bắt và biết tội, thì Chính phủ sẽ dần dần tha thứ cho về với cha mẹ, vợ con"[1]... Bởi theo Hồ Chí Minh, mỗi cá nhân cũng như mỗi cộng đồng người, đều có những ưu điểm, khuyết điểm, mặt tốt, mặt xấu... hết sức phong phú, như năm ngón tay dài ngắn khác nhau, như mấy mươi triệu con người Việt Nam "có thế này, thế khác"... Vì vậy, tuy dài ngắn

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.6, tr.305.

khác nhau nhưng cả năm ngón tay đều hợp nhau lại nơi bàn tay. tuy người thế này, người thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều cùng là nòi giống Lạc Hồng, ai cũng có ít nhiều lòng yêu nước. Hồ Chí Minh chủ trương: đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết để tập hợp toàn dân trong một mặt trận chung chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập, xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, phồn vinh. Người trân trọng phần tốt, phần thiện nhỏ nhất ở mỗi con người quy tụ lại thành sức mạnh to lớn của toàn thể dân tộc. Theo Hồ Chí Minh: "Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người này nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng. Đối với những người có thói hư tật xấu, trừ hạng người phản lại Tổ quốc và nhân dân, ta cũng phải giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho cái phần thiện trong con người này nở để đẩy lùi phần ác, chứ không phải đập cho tơi bời"[1]. Người luôn cố gắng tới mức cao nhất giữ cái "thiện" trong con người đối phương với phương châm "còn nước còn tát".

Hồ Chí Minh thành thật tôn trọng đức tin của người có đạo, khẳng định lẽ sống cao đẹp, những giá trị đạo đức nhân văn của các vị sáng lập, không hề bài bác, phủ định và khéo léo hướng lý tưởng của các tôn giáo vào mục tiêu giải phóng dân tộc, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Hồ Chí Minh khuyên đồng bào phải đoàn kết; và chính sách đoàn kết rộng rãi, lâu dài các lực lượng xã hội của Người đã làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ của kẻ thù, cảm hóa được nhiều nhân sĩ, trí thức có tên tuổi, kể cả các quan

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.558.

lại cao cấp của chế độ cũ, một lòng, một dạ đi theo cách mạng đến cùng, không quản ngại gian khổ, hi sinh như Khâm sai đại thần Phan Kế Toại, Thượng thư Bùi Bằng Đoàn, Đốc lý Hà Nội Trần Văn Lại.

Khi cán bộ, đảng viên có lỗi, Hồ Chí Minh chú ý giáo dục, tạo điều kiện cho họ sửa chữa lỗi lầm. Người nâng niu, trân trọng, khuyến khích mặt tốt, mặt thiện trong con người, lấy đó làm biện pháp giúp đỡ những thói hư tật xấu. Lòng nhân ái bao la và lòng khoan dung, độ lượng của Hồ Chí Minh có chỗ cho tất cả mọi người. Với tấm lòng yêu thương rộng mở đó, Người đã cổ vũ, nâng đỡ con người bỏ thói hư tật xấu, sửa chữa lỗi lầm, hướng thiện, phục thiện. Tất cả đều nhằm mục đích đoàn kết toàn dân, hòa hợp dân tộc, quy tụ bạn bè trong một thế giới hòa bình, nhân ái.

5. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng

Mục tiêu cách mạng của Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, thực hiện độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Khi đất nước còn nô lệ, lầm than thì mục tiêu trước hết, trên hết là giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc. Sau khi chính quyền đã về tay nhân dân, thì mục tiêu ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh lại được ưu tiên hơn. Bởi vì, Hồ Chí Minh cho rằng, nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì. Vì vậy, chúng ta phải thực hiện ngay: làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân được học hành. Trong *Di chúc*, Người viết: "Đầu tiên là công việc đối với *con người*". Khẳng định con người là mục tiêu của sự

nghiệp cách mạng thì một điều quan trọng là mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ đều vì lợi ích chính đáng của con người. Có thể đó là lợi ích lâu dài, lợi ích trước mắt; lợi ích cả dân tộc và lợi ích của bộ phận, giai cấp, tầng lớp và cá nhân.

Con người là động lực của cách mạng được nhìn nhận trên phạm vi cả nước, toàn thể đồng bào, song trước hết là ở giai cấp công nhân và nông dân. Điều này có ý nghĩa to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không phải mọi con người đều trở thành động lực, mà chỉ những con người được thức tỉnh, giác ngộ, giáo dục, định hướng và tổ chức, có trí tuệ và bản lĩnh, văn hóa, đạo đức, được nuôi dưỡng trên nền truyền thống lịch sử và văn hóa hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam mới trở thành động lực cách mạng... Bên cạnh đó, con người chỉ có thể là động lực khi hoạt động có tổ chức, có lãnh đạo. Vì vậy, vai trò của Đảng cách mạng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng là vô cùng quan trọng. Qua các phong trào cách mạng của quần chúng, Đảng sẽ nhân sức mạnh của con người lên gấp bội. Do vậy, cần nhận thức sâu sắc, đầy đủ vai trò động lực của con người, mối quan hệ biện chứng giữa con người - mục tiêu và con người - động lực: càng chăm lo cho con người - mục tiêu tốt bao nhiêu thì sẽ phát huy con người - động lực tốt bấy nhiêu; đồng thời, tăng cường được sức mạnh của con người - động lực thì sẽ nhanh chóng đạt được mục tiêu cách mạng.

6. Chăm lo phát triển con người toàn diện

Tiếp thu quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về con người

toàn diện, Hồ Chí Minh nhìn nhận, tiếp cận con người toàn diện Việt Nam trên các mặt chủ yếu cấu thành nên phẩm chất, năng lực của nó, đó là: thể lực, trí tuệ, thẩm mỹ, đạo đức.

- Phát triển về mặt đạo đức

Tiếp nối truyền thống coi trọng đạo đức của dân tộc Việt Nam và tiếp thu những tinh hoa đạo đức nhân loại, đồng thời căn cứ vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh hết sức chăm lo giáo dục, bồi dưỡng đạo đức mới - đạo đức cách mạng cho con người Việt Nam, Người đã đề ra và thực thi những chủ trương, biện pháp chủ yếu sau:

Một là, tăng cường giáo dục, nâng cao sự hiểu biết về đạo đức cách mạng cho con người toàn diện.

Hai là, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân.

- Phát triển về trí tuệ

Để phát triển mặt trí tuệ của con người toàn diện Việt Nam, Hồ Chí Minh chủ trương trước hết phải chú trọng giáo dục lý tưởng cách mạng. Người cho rằng, con người cần phải có một trình độ học vấn, kiến thức văn hóa nhất định mới có thể tiếp thu được khoa học, công nghệ, mới sử dụng có hiệu quả máy móc, kỹ thuật ngày càng hiện đại. Người chỉ rõ: "Nếu không học tập văn hóa, không có trình độ văn hóa thì không học tập được kỹ thuật, không học tập được kỹ thuật thì không theo kịp được nhu cầu kinh tế nước nhà"[1].

- Phát triển về thể lực, sức khỏe

Đối với Hồ Chí Minh, để phát triển con người toàn diện cần

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.8, tr.221.

phải quan tâm đến thể lực, sức khỏe. Trong điều kiện Việt Nam, để phát triển mặt thể lực con người, Hồ Chí Minh cho rằng cần phải thực hiện những biện pháp chủ yếu sau:

Một là, phải cải thiện và không ngừng nâng cao đời sống vật chất cho các tầng lớp nhân dân. Hồ Chí Minh rất quan tâm đến đời sống vật chất, chế độ ăn uống của con người, vì đó là nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho sự tồn tại, phát triển của con người. Do vậy, ngay sau khi giành được chính quyền, mục tiêu ăn, mặc, ở, học hành, diệt giặc đói, giặc dốt, những vấn đề liên quan trực tiếp đến sức khỏe con người được Hồ Chí Minh rất quan tâm, coi đó là nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền cách mạng. Người chỉ thị: "Chúng ta phải thực hiện ngay: 1) Làm cho dân có ăn. 2) Làm cho dân có mặc. 3) Làm cho dân có chỗ ở. 4) Làm cho dân có học hành"[1]. Khi miền Bắc được giải phóng (1945) và bước vào thời quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh nhấn mạnh sự cần thiết phải "nâng cao dần mức sống của nhân dân, trước hết là của công nhân, bộ đội và công chức, đồng thời giảm nhẹ dần sự đóng góp của nông dân"[2].

Hồ Chí Minh quan tâm đến đời sống vật chất của nhân dân không chỉ bằng lời nói, bằng các chỉ thị mà còn bằng các việc làm rất cụ thể hàng ngày. Những lần đi thăm nông dân, công nhân, bộ đội, học sinh... Người đều đến kiểm tra bữa ăn của họ để nắm được chế độ dinh dưỡng, trên cơ sở đó đưa ra các chính sách, biện pháp phù hợp để không ngừng nâng cao đời sống vật

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.152.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.8, tr.48.

chất cho các tầng lớp nhân dân - tạo điều kiện cơ bản để đảm bảo cho sự phát triển thể lực của con người.

Hai là, tăng cường vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc y tế, luyện tập thể dục, thể thao.

Cùng với việc cải thiện và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của con người, thì vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc y tế là một điều kiện vô cùng quan trọng để phát triển thể lực, sức khỏe cho con người toàn diện. Hồ Chí Minh đưa ra giải pháp phải giữ gìn môi trường sống sạch sẽ như trồng cây xanh, lấp các ao tù, nước đọng. Bên cạnh đó, cần phải xây dựng một phong trào vệ sinh phòng bệnh rộng khắp và bền bỉ, chú trọng việc luyện tập thể dục thể thao, coi đây là biện pháp có tác dụng to lớn để nâng cao thể lực, bảo vệ và phát triển sức khỏe. Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn dân tập thể dục và bản thân Người là một tấm gương sáng về luyện tập thể dục, thể thao.

- Phát triển, nâng cao năng lực thẩm mỹ

Để phát triển và nâng cao trình độ, năng lực thẩm mỹ đúng đắn cho con người toàn diện, Hồ Chí Minh cho rằng phải quan tâm giải quyết những vấn đề chủ yếu sau:

+ Xây dựng định hướng thẩm mỹ đúng đắn.

+ Bồi dưỡng kiến thức về mỹ học, nâng cao trình độ thẩm mỹ.

+ Khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho mỗi người hướng tới cái tốt, cái đẹp, cái cao cả, đồng thời đấu tranh không khoan nhượng với cái xấu xa, lạc hậu, phản tiến bộ, phi nhân văn.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Vị trí, vai trò của đạo đức cách mạng

Xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh không ngừng chăm lo giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, bởi theo Người, đạo đức là *gốc, là nền tảng của người cách mạng*. Hồ Chí Minh nói: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân"[1].

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng đạo đức của người cách mạng. Trong cuộc chiến chống lại đế quốc thực dân, chúng ta phải chống lại một đội quân xâm lược nhà nghề, thiện chiến, mạnh hơn ta rất nhiều lần về vũ khí, quân số, phương tiện chiến tranh, vậy chúng ta phải lấy gì để đánh thắng đội quân xâm lược đó? Người nhận thấy rằng, trong cuộc đối đầu không cân sức đó, để giành thắng lợi phải dựa vào sức mạnh lý tưởng, sức mạnh của tinh thần, sức mạnh của đạo đức.

Trong cuộc đấu tranh gian khổ, phức tạp và lâu dài, người cách mạng cần phải có đạo đức làm nền tảng thì mới có thể vượt qua được những khó khăn, thử thách, vững bước trên con đường mà mình đã chọn. Bởi lẽ, sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp rất to lớn, nặng nề; con đường đi đến độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là con đường dài, không phải là một đại lộ thẳng tắp, nó đòi hỏi sự phấn đấu

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.252-253.

không ngừng của mỗi người, mỗi thế hệ, và của nhiều thế hệ nối tiếp nhau.

2. Những chuẩn mực trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

a. Trung với nước, hiếu với dân

Trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất đạo đức chung nhất, bao trùm, quan trọng nhất và chi phối các phẩm chất khác. Mặt khác, về quan hệ đạo đức thì mối quan hệ của mỗi người với đất nước mình, với nhân dân, dân tộc mình là mối quan hệ lớn nhất.

Trung, hiếu là những khái niệm đạo đức cũ với nội dung hạn hẹp: trung với vua, hiếu với cha mẹ. Nội dung này phản ánh bổn phận, trách nhiệm của thần dân đối với vua, con cái đối với cha mẹ. Hồ Chí Minh đã không gạt bỏ khái niệm trung, hiếu đã ăn sâu, bám rễ trong con người Việt Nam với ý nghĩa trách nhiệm, bổn phận của người dân, người con mà đưa vào khái niệm cũ nội dung mới mang tính cách mạng: trung với nước, hiếu với dân. Đây là chuẩn mực đạo đức có ý nghĩa hàng đầu.

Tư tưởng trung với nước, hiếu với dân của Hồ Chí Minh đã vượt qua những hạn chế của chủ nghĩa yêu nước truyền thống dân tộc: "Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"[1]. Đó không chỉ là lời kêu gọi mà còn là sự định hướng chính trị - đạo đức cho mỗi người Việt Nam, không những

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.11, tr.350.

trong cuộc đấu tranh cách mạng trước kia và hiện nay, mà còn lâu dài về sau.

Yêu nước, trung với nước là tuyệt đối trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của nhân dân, của cách mạng lên trên hết. Thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đối với cán bộ, đảng viên, Người còn đòi hỏi phải "*tận trung với nước, tận hiếu với dân*" mới xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Hiếu với dân không chỉ dừng ở chỗ thương dân mà còn phải phục vụ dân - đây là điểm làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức hoàn toàn khác về bản chất so với đạo đức cũ. Ngày nay, hiếu với dân là yêu dân, kính trọng dân, lấy dân làm gốc; đề cao tinh thần phục vụ nhân dân, có trách nhiệm trước nhân dân. Hồ Chí Minh nêu lên 3 loại trách nhiệm của người cán bộ: trước hết là trách nhiệm với nhân dân, rồi với công việc, sau cùng mới là trách nhiệm với cấp trên; luôn quan tâm chăm lo cho đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, chăm lo cải thiện đời sống cho dân; khi dân còn thiếu thì mình không có quyền đòi hỏi sung sướng cho riêng mình; tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của dân, nâng cao dân trí để dân biết và sử dụng quyền làm chủ của mình.

b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Phẩm chất này gắn liền và là một biểu hiện cụ thể của phẩm chất "trung với nước, hiếu với dân", là những khái niệm cũ của đạo đức phương Đông, được Hồ Chí Minh vận dụng và thổi vào đó một ý nghĩa mới. Người đề cập đến phẩm chất này nhiều nhất,

thường xuyên nhất, vì đây là phẩm chất đạo đức mà mỗi người phải coi mình là đối tượng rèn luyện.

- *Cần* tức là siêng năng, chăm chỉ, cố gắng dẻo dai; lao động có kế hoạch, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm.

- *Kiệm* là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí: tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm tiền của của dân, của nước, của bản thân mình; phải tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ, nhiều cái nhỏ cộng lại thành cái to; không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi, không phô trương hình thức, không liên hoan, chè chén lu bù.

- *Liêm* là trong sạch, không tham lam..., không tham tiền của, địa vị, danh tiếng, ăn ngon... Liêm tức là "luôn luôn tôn trọng, giữ gìn của công và của dân", "không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của nhà nước, của nhân dân"[1], phải "trong sạch, không tham lam", "không tham địa vị, không tham tiền tài, không tham sung sướng, không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ.

- *Chính* nghĩa là không tà, thẳng thắn, đứng đắn.

Chính là đối với mình - không tự cao, tự đại, luôn chịu khó học tập cầu tiến bộ, luôn tự kiểm điểm để phát triển điều hay, sửa đổi điều dở của bản thân mình.

Đối với người - không nịnh hót người trên, không xem khinh

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.10, tr.314.

người dưới; luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết thật thà; không dối trá, lừa lọc.

Đối với việc - để việc công lên trên, lên trước việc tư, việc nhà. Đã phụ trách việc gì thì quyết làm cho kỳ được, cho đến nơi đến chốn, không sợ khó khăn; việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm, việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh.

- *Chí công vô tư*: về thực chất là nối tiếp cần, kiệm, liêm, chính, tức là yêu cầu phải rất mực công minh, chính trực, công bằng, công tâm, không thiên tư thiên vị, không nghĩ đến mình trước, chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào, đặt lợi ích của cách mạng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Những yếu tố này có mối quan hệ biện chứng với nhau: "Cần, Kiệm, Liêm, là gốc rễ của Chính. Nhưng một cây cần có gốc rễ, lại cần có ngành, lá, hoa, quả mới là hoàn toàn. Một người phải Cần, Kiệm, Liêm nhưng còn phải CHÍNH mới là người hoàn toàn"[1].

Cần, kiệm, liêm, chính cần thiết đối với tất cả mọi người, là thước đo bản chất người của một con người. Hồ Chí Minh ví những đức tính đó như mùa của trời, phương của đất, đức của con người

Cần, kiệm, liêm, chính vô cùng cần thiết đối cán bộ, đảng viên và đối với dân tộc. Người nói: "Một dân tộc biết cần, kiệm, biết liêm là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, một dân tộc văn minh tiến bộ"[2].

Thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư phải đi liền với chống chủ nghĩa cá nhân: tuy nhiên, cần phải phân biệt

---

[1, 2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.463, 642.

đúng đắn giữa chủ nghĩa cá nhân và lợi ích cá nhân, cần thấy rõ sự thống nhất giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Chủ nghĩa cá nhân là việc gì, trước hết cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình, không lo "mình vì mọi người" mà chỉ muốn "mọi người vì mình". Hồ Chí Minh nói: Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian giảo, xảo quyệt, nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc. Nó là một thứ vi trùng rất độc, đẻ ra hàng trăm thứ bệnh: tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa, tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành, tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán, độc quyền, quan liêu, mệnh lệnh chủ nghĩa cá nhân không chỉ nguy hại cho cá nhân mà cho cả một Đảng và dân tộc v.v... Như thế là phải tiêu diệt, quét sạch, trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân. Nhưng đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là giày xéo lên lợi ích cá nhân.

c. Yêu thương con người, sống có tình nghĩa

Yêu nước, thương dân là lẽ sống của Hồ Chí Minh. Người đã khái quát về triết lý cuộc sống: nghĩ cho cùng mọi vấn đề là vấn đề ở đời và làm người. ở đời và làm người là phải yêu nước, thương dân, thương nhân loại khổ đau bị áp bức.

Đối với Hồ Chí Minh, tình yêu thương đối với con người trước hết là dành cho những người cùng khổ, những người lao động bị áp bức bóc lột. Người yêu thương đồng bào, đồng chí mình, không phân biệt già, trẻ, gái, trai, miền xuôi hay miền ngược. Từ yêu thương nhân dân lao động, đồng bào bị áp bức bóc lột, Hồ Chí Minh đã mở rộng tình thương yêu đó đến tất cả những người bị áp bức trên khắp thế gian, cho nhân dân yêu chuộng hòa bình các nước... Tình yêu thương con người ở Hồ

Chí Minh thấm đượm chủ nghĩa quốc tế vô sản - yêu thương con người cùng giai cấp. Người quan niệm: "Quan san muôn dặm một nhà. Bốn phương vô sản đều là anh em"[1]. Hồ Chí Minh yêu thương tất cả con người, không phân biệt màu da, không giới hạn phạm vi lãnh thổ.

Với tình thương yêu con người, Hồ Chí Minh đã lên án và tố cáo mạnh mẽ tội ác của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, mô tả cuộc sống điêu đứng của dân nghèo. Người vạch rõ âm mưu, thủ đoạn dã man của đế quốc và thực dân đối với giai cấp công nhân, nhân dân lao động ở các nước chính quốc và thuộc địa, ví chúng như "con đỉa hai vòi"; tố cáo tội ác của thực dân Pháp ở Việt Nam: sưu cao thuế nặng, chính sách ngu dân, luật lệ hà khắc, "nhà tù nhiều hơn trường học". Bọn thực dân biến các thuộc địa thành "địa ngục trần gian", tha hồ "chém giết người vô tội", tính mạng người dân thuộc địa "không đáng một đồng trinh". Người còn chỉ ra rằng: lịch sử việc người Âu xâm chiếm châu Phi cũng như bất cứ lịch sử xâm chiếm thuộc địa nào thì từ đầu đến cuối đều được viết bằng máu của những người bản xứ.

Từ lòng thương yêu vô hạn đối với con người, Hồ Chí Minh luôn khao khát hòa bình và làm hết sức mình để tránh đổ máu cho nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới. Tình yêu thương ấy theo Hồ Chí Minh còn được thể hiện bằng hành động làm cho nước nhà độc lập, nhân dân được tự do, hạnh phúc. Đó chính là triết lý nhân văn hành động.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.10, tr.195.

Hồ Chí Minh quan niệm con người là tài sản quý giá nhất, nên phải biết quý trọng, quý trọng tính mệnh, tài sản của nhân dân: "Việc gì có lợi cho dân phải làm cho kỳ được. Việc gì có hại cho dân, thì phải hết sức tránh"[1]. Người yêu cầu mọi chủ trương, chính sách, mọi quy định pháp luật, pháp lệnh của Nhà nước đều phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, cán bộ nhà nước không được "lạm quyền", "đứng trên dân", "ức hiếp dân". Lý tưởng cao nhất của Đảng, của cán bộ, đảng viên là phục vụ sự nghiệp cách mạng của quần chúng, mang lại hạnh phúc cho nhân dân. Hồ Chớ Minh nói, nếu nước độc lập mà dân không có hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì.

d. Tinh thần quốc tế trong sáng

Nội dung của tinh thần quốc tế trong sáng là sự tôn trọng và thương yêu tất cả các dân tộc, nhân dân các nước, chống sự hằn thù, bất bình đẳng dân tộc và sự phân biệt chủng tộc; đoàn kết quốc tế vì mục tiêu hòa bình, dân chủ và tiến bộ.

Yêu nước, nhân ái là truyền thống vốn có của nhân dân ta. Nhưng yêu nhân dân mình đồng thời lại biết yêu nhân dân các dân tộc bị áp bức; giải phóng cho dân tộc mình còn phải giải phóng cho các dân tộc khác, giúp bạn cũng là tự giúp mình,... thì chỉ đến thời đại Hồ Chí Minh mới được đề ra và giáo dục đầy đủ. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự thống nhất giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Chủ nghĩa quốc tế là một trong những đặc điểm quan trọng nhất của đạo đức cộng sản chủ nghĩa, bắt nguồn từ bản chất quốc tế của giai cấp công

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.6, tr.88.

nhân và của xã hội xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh nói: Rằng đây bốn bể một nhà. Vàng, đen, trắng, đỏ đều là anh em.

Tinh thần quốc tế đòi hỏi phải chống lại thói vị kỷ dân tộc, sôvanh, hẹp hòi, biệt lập,... hướng tới mục tiêu hòa bình, hữu nghị, dân chủ, tiến bộ xã hội. Tinh thần quốc tế trong sáng làm cho con người trở nên cao thượng, đẹp đẽ, là một phẩm chất đạo đức không thể thiếu của con người ở thời đại văn minh.

3. Nguyên tắc rèn luyện đạo đức

Để xây dựng một nền đạo đức mới, Hồ Chí Minh đã nêu ra những nguyên tắc cơ bản để định hướng cho sự lãnh đạo của Đảng cũng như cho việc rèn luyện của mỗi người. Có thể khái quát ở ba nguyên tắc cơ bản sau:

a. Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức

Đối với mỗi người, lời nói phải đi đôi với việc làm thì mới đem lại hiệu quả thiết thực cho chính bản thân và cho người khác. Trong lĩnh vực đạo đức thì việc nêu gương có giá trị vô cùng to lớn, "một tấm gương sống có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"; vì nói nhiều làm ít, nói mà không làm hoặc nói một đằng làm một nẻo thì chỉ đem lại những hậu quả phản tác dụng.

Nói đi đôi với làm không chỉ là một nguyên tắc rèn luyện mà còn là cơ sở để phân biệt giữa đạo đức cách mạng với những thứ đạo đức khác: nói mà không làm là đặc trưng của giai cấp bóc lột; lời nói đi đôi với việc làm và thực hành đạo đức làm gương là đạo đức của người cách mạng nói chung. Hồ Chí Minh dạy: "Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng

sản" mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước... Hô hào dân tiết kiệm, mình phải tiết kiệm trước đã"[1].

Nêu gương có ý nghĩa rất lớn trong việc tu dưỡng đạo đức. Trong gia đình thì bố mẹ phải là tấm gương cho con cái, anh chị phải là tấm gương đối với em. Trong nhà trường, thầy cô phải là tấm gương đối với học trò. Trong tổ chức, tập thể, Đảng, Nhà nước thì những người lãnh đạo phải là tấm gương cho cấp dưới. Trong xã hội, tấm gương của các thế hệ trước đối với các thế hệ sau là đặc biệt quan trọng. Mỗi thế hệ đều có trách nhiệm của mình, nhưng thế hệ trước bao giờ cũng có trách nhiệm rất nặng nề đối với thế hệ sau trong việc giáo dục đạo đức. Hồ Chí Minh rất coi trọng việc nêu gương, Người nói: "Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới"[2]. Và Người luôn là tấm gương đạo đức mẫu mực về nói đi đôi với làm, tự giác nêu gương.

Những tấm gương đạo đức được hiểu theo một nghĩa rộng. Có những tấm gương chung và riêng, lớn và nhỏ, xa và gần. Một nền đạo đức mới chỉ được xây dựng trên một cái nền rộng lớn, vững chắc, khi những phẩm chất đạo đức, những chuẩn mực đạo đức đã trở thành hành vi đạo đức ngày càng phổ biến trong toàn xã hội, và những tấm gương đạo đức của những người tiêu biểu,

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.552.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.558.

những người tốt, việc tốt có ý nghĩa thúc đẩy cho quá trình phổ biến đó.

b. Xây đi đôi với chống

Xây là biểu dương, giáo dục những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức mới, những tấm gương đạo đức cao đẹp, trong sáng nảy sinh từ các phong trào cách mạng của quần chúng, qua đó khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh để mỗi người tự giác trau dồi, rèn luyện.

Chống là phê phán, lên án, loại bỏ cái sai, cái xấu, cái vô đạo đức đang thường xuyên diễn ra trong cuộc sống.

Muốn xây dựng đạo đức mới, bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức cách mạng cho hàng triệu, hàng triệu người - cán bộ, đảng viên, các công dân trong các giai tầng khác nhau, thì cùng với việc xây dựng, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, nhất thiết phải chống những biểu hiện sai trái, xấu xa, đi ngược lại những yêu cầu của đạo đức mới, những hiện tượng vẫn thường được gọi là tệ nạn, tiêu cực, thoái hóa, biến chất. Trong đời sống hàng ngày, những hiện tượng tốt - xấu, đúng - sai, đạo đức - vô đạo đức vẫn thường đan xen, đối chọi nhau, thông qua hành vi của những con người khác nhau. Chính vì vậy, xây phải đi liền với chống, muốn xây thì phải chống, chống là nhằm mục đích xây.

Muốn xây dựng cái mới tiến bộ thì phải chống lại cái cũ lạc hậu. Hơn nữa, theo Hồ Chí Minh: "Mỗi con người đều có cái thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng"[1].

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.558.

Để xây dựng đạo đức mới, trước hết phải tiến hành việc giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới từ gia đình đến nhà trường và ngoài xã hội, nhất là trong những tập thể; giáo dục, khơi dậy ý thức tự giác trong mỗi con người, để mọi người tự nhận thức được trách nhiệm đạo đức của mình.

Trong khi xây dựng, bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức mới, phải đồng thời chống lại cái xấu, cái sai vẫn đang diễn ra. Phải kiên quyết chống lại những tệ nạn như: tham ô, lãng phí, quan liêu..., vừa bằng giáo dục, vừa bằng xử phạt với những mức độ nặng, nhẹ khác nhau. Để xây và chống có hiệu quả, phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi. Hồ Chí Minh đã phát động rất nhiều phong trào nhằm mục đích xây dựng đạo đức mới.

c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời

Tu dưỡng đạo đức hàng ngày, suốt đời, gắn với thực tiễn là thể hiện bản chất khoa học, cách mạng của đạo đức mới, đạo đức cách mạng.

Phải tu dưỡng, rèn luyện đạo đức suốt đời vì trong mỗi con người đều có phần thiện và ác, tốt và xấu; trong công việc luôn có những cám dỗ vật chất mà nếu không có ý chí, bản lĩnh thì sẽ dễ dàng bị gục ngã. Nếu không tu dưỡng suốt đời thì sẽ có lúc vi phạm đạo đức. Bác đã từng khái quát: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân..."[1].

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.557-558.

Việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức ở mỗi con người cũng như việc xây dựng một nền đạo đức mới trong xã hội không phải là việc đơn giản, có thể hoàn thành ngay trong một sớm một chiều, mà đó phải là một quá trình liên tục, thường xuyên, lâu dài, cực kỳ gian khổ.

Trong mỗi con người cũng như trong toàn xã hội đều có mặt thiện và mặt ác, phần tốt và phần xấu. Các lực lượng đối lập đó thường xuyên phải đấu tranh, giằng co với nhau. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong"[1]. Việc rèn luyện đó cũng không thể chỉ qua một lần, một đợt học tập hoặc thực tế mà xong. Rèn luyện đạo đức là công việc của cả đời.

Rèn luyện đạo đức cách mạng phải dựa trên tinh thần được giác ngộ, sự tự nguyện, dựa vào lương tâm của mỗi người, trên tinh thần tự phê bình và phê bình trong tập thể cùng với sự tác động của dư luận, nhân dân, của định hướng tuyên truyền, giáo dục của Đảng và Nhà nước, trong đó tự phê bình và phê bình là một phương thức rèn luyện đạo đức tốt nhất. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: người đời không phải thánh thần, không ai tránh khỏi khuyết điểm. Vấn đề là quyết tâm sửa chữa khuyết điểm đó. "Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ, cần phải thật thà tự xét và xét đồng chí mình, ai có khuyết điểm nào, thì phải thật thà cố gắng sửa chữa và giúp sửa chữa lẫn nhau. Thang thuốc hay nhất *là thiết thực phê bình và tự phê bình*. Đá đi lâu cũng mòn. Sắt mài lâu cũng sắc. Ta cố

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.9, tr.293.

gắng sửa chữa thì khuyết điểm ngày càng bớt, ưu điểm ngày càng thêm. Đảng viên và cán bộ ngày càng trở nên người chân chính cách mạng. Đảng ngày càng phát triển"[1].

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng đã thể hiện những mối quan hệ cơ bản về đạo đức, từ cá nhân đến tập thể, cộng đồng dân tộc, nhân loại; đồng thời cũng phản ánh con đường, phương pháp tu dưỡng để có được đạo đức cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ để lại cho chúng ta một hệ thống quan điểm về đạo đức mà chính Người là tấm gương sáng chói về tu dưỡng, rèn luyện đạo đức. Tư tưởng, tấm gương đạo đức của Người có ý nghĩa lý luận, thực tiễn sâu sắc trong phạm vi dân tộc và trên nhân loại.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN, ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Phấn đấu cho hạnh phúc của một xã hội công bằng

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của việc thực hiện công bằng trong xã hội, Người nói:

"Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng,

Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên"[2].

Trên tinh thần đó, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020: "Đổi mới đồng bộ,

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.261-262.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.185.

phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng, văn minh"[1] có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn nổi bật sau:

Một là, cần quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt hơn quan điểm kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng trưởng kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội có thể và cần phải làm tiền đề, điều kiện cho nhau.

Hai là, tôn trọng lợi ích chính đáng của người lao động và các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh, thông qua phúc lợi xã hội.

*Ba là, g*iải quyết việc làm là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, làm lành mạnh xã hội, đáp ứng nguyện vọng, yêu cầu chính đáng của nhân dân.

Mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết Đại hội XI là: "Tập trung giải quyết tốt chính sách lao động, việc làm và thu nhập; khắc phục những bất hợp lý về tiền lương, tiền công, trợ cấp xã hội phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước. Bảo đảo an sinh xã hội"[2].

Bốn là, khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo; coi một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển; đồng thời có chính sách

---

[1, 2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, tr.30, 43.

hướng dẫn, hỗ trợ người nghèo vươn lên làm đủ sống và phấn đấu trở thành khá giả

Năm là, xem giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Khoa học và công nghệ là động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Thực hiện đồng bộ chính sách bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, phấn đấu giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi. Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe đối với các tầng lớp dân cư, có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo.

Sáu là, mục tiêu của chiến lược kinh tế - xã hội là đặt con người với tư cách là mỗi cá nhân và cả cộng đồng vào vị trí trung tâm, tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển, sử dụng tốt năng lực của mình.

2. Đào tạo những con người của xã hội văn minh

Để "trồng người", để xây dựng những con người vừa có cá tính vừa phát triển về mọi mặt cần phải áp dụng nhiều biện pháp. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục là biện pháp quan trọng bậc nhất. Để hiểu rõ tư tưởng này, cần hiểu quan điểm của Người về mối quan hệ giữa "tính người" và giáo dục.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức coi trọng việc nâng cao dân trí cho toàn thể dân tộc. Người đã biến khát vọng và chủ trương "khai dân trí" của thế hệ sĩ phu yêu nước hồi đầu thế kỷ thành hiện thực. Người đã hướng mọi hoạt động văn hóa, tư tưởng,

giáo dục vào việc rèn luyện dân tộc ta thành dân tộc cách mạng và văn minh. Ngay trong thời chiến tranh, Người vẫn quan tâm xây dựng một mặt bằng văn minh để hoàn thiện con người tiên tiến và dân tộc anh hùng.

3. Xây dựng và phát triển con người toàn diện

Chủ nghĩa Mác coi con người là mục tiêu cao nhất của sự phát triển. Con người không chỉ là động lực, mà luôn phải là mục tiêu. Con người chỉ là động lực khi động lực ấy gắn liền với mục tiêu, góp phần thực hiện mục tiêu. Mục tiêu đó là: con người phải được sống tự do, hạnh phúc và được phát triển về mọi mặt để xứng đáng với NGƯỜI theo chữ viết hoa.

Để phục vụ cho sự nghiệp giải phóng con người và phấn đấu cho một kiểu con người đẹp nhất, Hồ Chí Minh phê phán cách nhìn phiến diện về con người, phê phán việc đào tạo ra những con người phiến diện.

Về tiêu chuẩn cán bộ, Người phê phán cách nhìn nhận chỉ chú trọng đức mà coi nhẹ tài, hoặc chỉ chú trọng tài mà coi nhẹ đức. Về đào tạo con người, Người chú trọng phải phát triển toàn diện: đức, trí, thể, mỹ. Phát triển đồng đều cả hai mặt: nhận thức, tình cảm và ý chí, phải có sự thống nhất giữa khối óc, trái tim và bàn tay.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về con người và thái độ đối với con người như thế nào?

2. Vì sao xây dựng con người là chiến lược hàng đầu của Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam?

3. Vì sao đạo đức cách mạng có vai trò quan trọng đối với mỗi người và xã hội?

4. Phân tích các chuẩn mực đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

5. Phân tích những nguyên tắc xây dựng đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

Chương 9

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

I. NỘI DUNG CƠ BẢN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Một số quan điểm chung của Hồ Chí Minh về văn hóa

a. Quan điểm của Hồ Chí Minh về khái niệm văn hóa

- Định nghĩa văn hóa theo *Từ điển Triết học*

Văn hóa là toàn bộ giá trị vật chất và tinh thần mà loài người đã sáng tạo ra trong quá trình lịch sử của mình. Văn hóa là một hiện tượng xã hội tiêu biểu cho trình độ mà xã hội đạt được trong từng giai đoạn lịch sử nhất định: những tiến bộ kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất và lao động, học vấn, giáo dục, khoa học, văn học, nghệ thuật và những tổ chức thích ứng với những cái đó.

Theo nghĩa hẹp hơn thì văn hóa là toàn bộ các hình thức của đời sống tinh thần xã hội; những hình thức đó phát sinh và phát triển trên cơ sở của các phương thức sản xuất của cải vật chất... Đó là sự phát triển của học vấn, khoa học, văn học, nghệ thuật, triết học, đạo đức

- Định nghĩa văn hóa của Hồ Chí Minh

"Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp

luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn"[1].

Hồ Chí Minh còn ghi thêm 5 điểm lớn xây dựng nền văn hóa dân tộc, đó là:

1) Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.

2) Xây dựng luân lý: biết hi sinh mình, làm lợi cho quần chúng

3) Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.

4) Xây dựng chính trị: Dân quyền.

5) Xây dựng kinh tế[2].

Như vậy, khái niệm văn hóa mà Hồ Chí Minh nêu lên là khái niệm văn hóa theo nghĩa rộng, toàn diện cả về văn hóa vật chất lẫn văn hóa tinh thần và về cơ bản cũng thống nhất với khái niệm văn hóa theo một số từ điển phổ thông. Nhưng khi bàn đến văn hóa trong sự phát triển của đất nước, Hồ Chí Minh chú trọng nhiều vào lĩnh vực văn hóa tinh thần, mà chủ yếu là giáo dục, văn học nghệ thuật, phong tục tập quán...

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của văn hóa

- Văn hóa là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, có quan hệ gắn bó với chính trị, kinh tế, xã hội.

[1, 2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.3, tr.431.

Trong lãnh đạo nhân dân xây dựng đất nước, Hồ Chí Minh quan niệm văn hóa là một kiến trúc thượng tầng, văn hóa có quan hệ gắn bó với chính trị, kinh tế, xã hội. Hồ Chí Minh nêu rõ: Văn hóa là một trong bốn vấn đề quan trọng của xã hội. Bốn vấn đề đó là chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Chúng ngang nhau và có quan hệ mật thiết với nhau, cùng tác động lẫn nhau.

Trong mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Văn nghệ của dân tộc ta vốn rất phong phú, nhưng dưới chế độ thực dân và phong kiến, nhân dân ta bị nô lệ, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tồi tàn, không thể phát triển được"[1]. Điều đó có nghĩa là chính trị ảnh hưởng trực tiếp tới văn hóa, chính trị được giải phóng, văn hóa mới được giải phóng. Vì vậy, theo Hồ Chí Minh phải tiến hành cách mạng chính trị trước để giải phóng chính trị, giải phóng xã hội, từ đó giải phóng văn hóa, mở đường cho văn hóa phát triển.

Trong mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, Hồ Chí Minh khẳng định kinh tế là nền tảng của xây dựng văn hóa: Văn hóa là một kiến trúc thượng tầng. Vì vậy, cơ sở hạ tầng (kinh tế) có phát triển thì văn hóa mới phát triển được. Hồ Chí Minh còn nói: "Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế? Tục ngữ có câu: Có thực mới vực được đạo; vì thế kinh tế phải đi trước... Phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ta"[2]. Ngược lại, có phát triển văn hóa thì

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.7, tr.434.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.10, tr.59.

kinh tế mới phát triển được. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải có văn hóa, khoa học kỹ thuật"; "Chủ nghĩa xã hội phải có học thức"; "Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải có những con người mới xã hội chủ nghĩa".

Trong mối quan hệ giữa văn hóa với xã hội, Hồ Chí Minh nêu rõ: "Văn hóa văn nghệ cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài mà phải đứng trong kinh tế và chính trị"[1],; văn hóa phải gắn với đời sống xã hội, phải gắn với đời sống của nhân dân lao động với sự nghiệp cách mạng. Trong kháng chiến chống Pháp, Hồ Chí Minh coi: "Văn hóa là một mặt trận, cán bộ văn hóa là chiến sĩ trên mặt trận ấy". Do đó phải thực hiện: "Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến", "Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi".

- Văn hóa là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng nhưng không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị. Văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế.

Tuy "kinh tế có kiến thiết rồi, văn hóa mới kiến thiết được", nhưng điều đó không có nghĩa là văn hóa "thụ động" chờ cho kinh tế phát triển xong rồi mới đến lượt mình phát triển. Văn hóa có tính tích cực chủ động, đóng vai trò to lớn thúc đẩy kinh tế và chính trị phát triển như một động lực. Người nói: "Trình độ văn hóa của nhân dân nâng cao sẽ giúp chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ. Nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân cũng là một việc cần thiết để xây dựng

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.6, tr.368-369.

nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"[1].

"Văn hóa ở trong chính trị" tức văn hóa phải tham gia vào nhiệm vụ chính trị, tham gia cách mạng, kháng chiến và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh nêu: "Văn hóa hóa kháng chiến, kháng chiến hóa văn hóa"; " Văn hóa là một mặt trận",... là với ý nghĩa như vậy. Theo đó, một phong trào văn hóa cách mạng, văn hóa kháng chiến đã diễn ra sôi động chưa từng thấy, góp phần đắc lực vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến kiến quốc.

"Văn hóa ở trong kinh tế" tức là văn hóa phải phục vụ, thúc đẩy việc xây dựng và phát triển kinh tế.

"Văn hóa ở trong kinh tế và chính trị" cũng có nghĩa là kinh tế và chính trị phải có tính văn hóa. Đây là một đòi hỏi chính đáng của văn hóa hiện đại, của thời đại mới: làm chính trị, làm kinh tế phải có văn hóa.

- Văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển của xã hội

Văn hóa là mục tiêu phát triển của xã hội. Trong định nghĩa văn hóa, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích cuộc sống loài người mới sáng tạo và phát minh ra ...văn hóa". Vì vậy, ngay từ khi khi bắt đầu lãnh đạo nhân dân xây dựng đất nước, Hồ Chí Minh đã quan tâm đến văn hóa, cùng với việc diệt giặc đói là diệt giặc dốt và giặc ngoại xâm. Hồ Chí Minh coi diệt giặc dốt là công việc quan trọng để tạo cơ sở xây dựng chính quyền cách mạng và phát triển kinh tế.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.8, tr.281-282.

Văn hóa là động lực phát triển của xã hội. Hồ Chí Minh khẳng định: "Trình độ văn hóa của nhân dân nâng cao sẽ giúp chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ..."[1]. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có văn hóa, khoa học kỹ thuật". Con người là sản phẩm của văn hóa đồng thời là động lực chính trong sự phát triển của xã hội. Bởi vậy, Hồ Chí Minh luôn quan tâm giáo dục đào tạo những con người mới xã hội chủ nghĩa trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì theo Hồ Chí Minh: "Muốn có chủ nghĩa xã hội phải có những con người mới xã hội chủ nghĩa".

c. Quan điểm của Hồ Chí Minh về tính chất nền văn hóa mới Việt Nam

Tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam được Hồ Chí Minh xác định theo tiến trình xây dựng đất nước, xây dựng chế độ mới.

Tháng 9-1945, khi tiếp các đại biểu của Ủy ban Văn hóa lâm thời Bắc Bộ, Hồ Chí Minh nói: "Tôi mong rằng các ngài trong giới văn hóa nhận rõ nhiệm vụ của các ngài trong lúc này là củng cố nền độc lập của Việt Nam, sửa soạn gây dựng cho đất nước một nền văn hóa mới... có tính khoa học, tính đại chúng thì mới thuận với trào lưu tiến hóa của tư tưởng hiện đại. Nay nước ta có độc lập, tinh thần được giải phóng, cần phải có một nền văn hóa hợp với khoa học và hợp với cả nguyện vọng của nhân dân"[2].

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.8, tr.281-282.

[2] Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.3, tr.16.

Tháng 2-1951, tại Đại hội II của Đảng Lao động Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: "Xúc tiến công tác *văn hóa* để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng"[1].

Khi miền Bắc bắt đầu tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh nêu rõ: "Để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hóa phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức". Đến Đại hội III của Đảng (9-1960), Hồ Chí Minh sửa lại như sau: "Nền văn hóa mới mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc".

Từ những ý kiến trên của Hồ Chí Minh, chúng ta thấy điều cốt lõi trong tư tưởng của Người về tính chất của nền văn hóa mới vẫn xoay quanh ba tính chất: dân tộc, khoa học và đại chúng.

Tính dân tộc của nền văn hóa mới được Hồ Chí Minh nói tới ở nhiều trường hợp với các thuật ngữ như: cốt cách dân tộc, bản sắc dân tộc, đặc tính dân tộc, tinh thần dân tộc...

Tính chất khoa học của nền văn hóa mới thể hiện ở tính hiện đại, tính tiên tiến hợp với trào lưu tiến hóa của thời đại. Là khoa học thì phải chống lại các loại văn hóa phản động đồi trụy, mê tín dị đoan, lạc hậu, cổ hủ v.v.. Nền văn hóa ấy phải tiếp thu những nhân tố tiến bộ của thế giới.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.6, tr.173.

Tính chất đại chúng của nền văn hóa được thể hiện, nền văn hóa ấy phải từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà phục vụ. Hồ Chí Minh từng chỉ rõ: "Văn hóa phải phục vụ đại đa số nhân dân". Hồ Chí Minh cũng từng nhắc nhở các văn nghệ sĩ phải sống gần gũi quần chúng, phải viết về họ...; phải học hỏi nhân dân về cách nói, cách viết...

Quán triệt quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa vào sự nghiệp đổi mới, Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: "Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng đó là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Tính tiên tiến được thể hiện ở tính xã hội chủ nghĩa, khoa học, hiện đại, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Đậm đà bản sắc dân tộc thể hiện ở sự kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa đa sắc màu của các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

d. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chức năng của văn hóa

Theo Hồ Chí Minh, văn hóa có ba chức năng sau đây:

Một là, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp.

Trong diễn văn khai mạc Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 1946, Hồ Chí Minh nêu rõ: Văn hóa phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do. Đồng thời văn hóa cũng phải làm thế nào cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng. Đó là tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp của con người mà văn hóa cần đề cao, cổ vũ, động viên, xây dựng.

Lý tưởng bao giờ cũng là điểm hội tụ tư tưởng của con người. Mọi hành động anh hùng bao giờ cũng bắt nguồn từ lý

tưởng đúng đắn, cao đẹp. Khi lý tưởng phai nhạt, con người dễ trở thành tầm thường và xã hội sẽ khó phát triển, tiến bộ. Vì vậy, Hồ Chí Minh rất quan tâm giáo dục lý tưởng cho đảng viên, thanh niên và các tầng lớp nhân dân. Người coi đó là chức năng hàng đầu của văn hóa.

Tình cảm là cơ sở của tư tưởng. Vì vậy, muốn có tư tưởng đúng thì trước hết cần phải có tình cảm đẹp. Hồ Chí Minh yêu cầu: "Văn hóa phải đi sâu vào tâm lý quốc dân để xây dựng những tình cảm lớn như lòng yêu nước, tình thương yêu con người, yêu cái chân, cái thiện, cái mỹ, sống thủy chung, ghét thói hư tật xấu, căm thù mọi thứ giặc nội xâm, ngoại xâm...". Đó cũng là chức năng quan trọng của văn hóa.

Tư tưởng và tình cảm có mối quan hệ gắn bó với nhau: tình cảm cao đẹp là con đường dẫn tới tư tưởng đúng đắn; tư tưởng đúng làm cho tình cảm cao đẹp hơn, con người ngày càng hoàn thiện.

Hai là, nâng cao dân trí.

Văn hóa là sự hiểu biết của loài người. Do đó, nâng cao dân trí cũng chính là chức năng của văn hóa. Sớm nhận thức rõ điều đó nên khi bắt đầu xây dựng chế độ mới, nền văn hóa mới, nền văn hóa cách mạng, Hồ Chí Minh đã chú trọng việc nâng cao dân trí. Người khẳng định: "Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này, là nâng cao dân trí"[1]. Việc phải làm trước tiên của nâng cao dân trí là "diệt dốt", là xóa nạn mù chữ để nâng

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.36.

cao dân trí. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu...". "Chúng ta phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước có văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc"[1]. Như vậy, nâng cao dân trí là chức năng hết sức quan trọng của văn hóa.

Ba là, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, những phong cách lành mạnh, luôn hướng con người tới chân, thiện, mỹ để không ngừng hoàn thiện bản thân mình.

Quan điểm này được thể hiện trong các tác phẩm: *Đường cách mệnh, Sửa đổi lối làm việc, Đời sống mới, Nâng cao đạo đức cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân...* của Hồ Chí Minh và thể hiện rõ trong cuộc đời, sự nghiệp của Người.

Về những phẩm chất cần có của con người Việt Nam mới, Hồ Chí Minh nêu cao các phẩm chất sau đây: tận trung với nước, tận hiếu với dân; hết lòng yêu thương con người; cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; tinh thần quốc tế trong sáng.

Về phong cách sống, Hồ Chí Minh chú trọng tới các phong cách sau đây: khiêm tốn, giản dị, thật thà, dũng cảm; nói đi đôi với làm, gương mẫu về đạo đức; nghiêm minh với bản thân, bao dung độ lượng đối với người khác.

Hồ Chí Minh luôn hướng con người tới chân thiện mỹ: tin tưởng khai thác, phát huy mặt tốt của con người; nêu cao những tấm gương người tốt, việc tốt trong xã hội để mọi người làm theo, để làm cho cái tốt nẩy nở như hoa mùa xuân còn cái xấu bị mất dần đi.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.8, tr.494.

e. Quan điểm của Hồ Chí Minh về giữ gìn, phát huy văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

- Giữ gìn, phát huy văn hóa dân tộc

Hồ Chí Minh rất trân trọng các di sản văn hóa dân tộc. Ngay sau khi giành được chính quyền, Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh bảo tồn và giữ gìn các di sản văn hóa dân tộc. Người luôn nhắc nhở các văn nghệ sĩ phải khai thác, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Theo Người, dân ca, ca dao Việt Nam là những sáng tạo rất giá trị của quần chúng, đó là những hòn ngọc quý, chúng ta cần trân trọng giữ gìn và phát huy. Hồ Chí Minh thường dùng những câu ca dao, những câu Kiều khi viết, khi nói nhằm làm cho người đọc, người nghe dễ hiểu, dễ nhớ. Đó cũng là cách khai thác phát huy di sản văn hóa dân tộc của Người.

- Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Năm 1946, trong *Diễn văn khai mạc Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất*, Hồ Chí Minh nêu quan điểm: "Văn hóa Việt Nam là ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa Đông phương và Tây phương chung đúc lại. Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt, ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam"[1]. Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa luôn có sự mở rộng cánh cửa đón nhận tinh hoa văn hóa nhân loại. Người luôn nhắc nhở các văn nghệ sĩ học tập cái hay của thế giới cần có chọn lọc, và nhất là phải biết vận dụng sáng tạo cho phù hợp với đặc điểm của đất nước, tránh sao chép một cách máy móc, khiên cưỡng. Hồ Chí Minh căn dặn: "Mình có

---

[1] Báo *Cứu quốc*, ngày 25-11-1946.

thể bắt chước cái hay của bất kỳ nước nào ở Âu - Mỹ, nhưng điều cốt yếu là sáng tác. Mình đã hưởng cái hay của người thì cũng phải có cái hay cho người ta hưởng. Mình đừng chịu vay mà không trả"[1].

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa

a. Văn hóa giáo dục

Nhận thức sâu sắc vai trò của văn hóa giáo dục trong nền văn hóa mới, Hồ Chí Minh đã luôn đấu tranh gạt bỏ những quan điểm tiêu cực, phản động trong nền giáo dục phong kiến, thực dân, tìm cách xây dựng nền giáo dục mới theo tinh thần của nền văn hóa mới. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa giáo dục được thể hiện ở những quan điểm sau:

- *Mục tiêu của văn hóa - giáo dục là thực hiện cả ba chức năng của văn hóa bằng giáo dục*. Điều đó có nghĩa là cần thông qua việc dạy và học trong nhà trường mà mở mang, nâng cao dân trí, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp; bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, những phong cách sống lành mạnh cho người học.

Theo Hồ Chí Minh, mở mang, nâng cao dân trí phải bắt đầu từ việc xóa nạn mù chữ, chống giặc dốt, trên cơ sở đó mà nâng cao dần trình độ hiểu biết, kết hợp phổ cập và nâng cao dân trí, biến nước ta từ một nước dốt nát, lạc hậu thành một nước có văn hóa cao.

---

[1] Báo *Cứu quốc,* ngày 9-10-1945.

Trên cơ sở nâng cao dân trí mà bồi dưỡng những tư tưởng đúng đắn, tình cảm cao đẹp, phong cách sống lành mạnh nhằm tạo nên những con người mới vừa có đức, vừa có tài, biết làm chủ, có năng lực làm chủ góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, dân tộc. Hồ Chí Minh nêu rõ mục đích của việc học tập là để làm việc, để làm người, để làm người cán bộ tốt của Đảng và nhân dân. Đây là quan điểm mới về mục đích của việc học tập, khác với trước đây dưới thời đế quốc, phong kiến, học để làm quan, để đè đầu cưỡi cổ nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, nền giáo dục mới cần phải góp phần "cải tạo trí thức cũ", "đào tạo trí thức mới", thực hiện "công nông hóa trí thức" và "trí thức hóa công nông", phấn đấu xây dựng đội ngũ trí thức mới ngày càng đông đảo, có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật ngày càng cao.

Hồ Chí Minh còn nhắc nhở ngành giáo dục phải đào tạo những lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng, xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh "theo kịp các nước trên hoàn cầu", "sánh vai với các cường quốc năm châu". Chính vì vậy, trong *Di chúc*, Người nhắc nhở Đảng ta: Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

- Phải tiến hành cải cách giáo dục để xây dựng một hệ thống trường lớp với chương trình, nội dung dạy và học thật khoa học, thật hợp lý, phù hợp với những bước phát triển của Việt Nam.

Trước hết, về nội dung giáo dục, theo Hồ Chí Minh: nội dung giáo dục phải toàn diện, phải bao gồm cả văn hóa, chính trị, đạo đức, khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, lao động kỹ thuật và rèn luyện sức khoẻ.

Về phương châm giáo dục, Hồ Chí Minh xác định, trong giáo dục phải luôn gắn nội dung giáo dục với thực tiễn Việt Nam, học phải đi đôi với hành, lý luận phải gắn với thực tế, học tập phải kết hợp với lao động. Hồ Chí Minh còn nhắc nhở: giáo dục nhà trường cần kết hợp với gia đình và xã hội. Nếu không phối hợp đều tay cả ba khâu này sẽ đem lại hậu quả không thể lường trước được.

Về phương pháp giáo dục, Hồ Chí Minh chỉ rõ: phương pháp giáo dục phải khoa học, phải phù hợp với từng đối tượng, phải dễ hiểu, dễ nhớ, nhanh chóng và thiết thực, phải phát huy trí thông minh của người học.

Về học tập, Người nói: phải thực hiện học ở mọi nơi, mọi lúc, học mọi người, học suốt đời, coi trọng việc tự học, tự đào tạo và đào tạo lại.

Theo Hồ Chí Minh, đối với mỗi người, việc học ở nhà trường chỉ là một phần, còn chủ yếu là tự học trong lao động, trong công tác, trong hoạt động thực tiễn. Người chỉ rõ: "Không phải chỉ ở tại nhà trường, có lên lớp mới học tập, tu dưỡng, rèn luyện và cải tạo được. Trong mọi hoạt động cách mạng, chúng ta đều có thể và đều phải học tập, tự cải tạo".

Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đối với giáo viên lại càng phải học. Người nhắc nhở: "Người huấn luyện càng phải học thêm mãi thì mới làm được công việc huấn luyện của mình. Lênin khuyên chúng ta: "Học, học nữa, học mãi". Mỗi người đều phải ghi nhớ và thực hành điều đó. Những người huấn luyện lại càng phải ghi nhớ hơn ai hết".

Hồ Chí Minh thường hay nhắc câu nói của Khổng Tử: "Học không biết chán, dạy không biết mỏi" để khuyên mọi người chăm chỉ học tập. Hồ Chí Minh nêu quan điểm của mình về việc học tập là: "Học không bao giờ đủ, còn sống còn phải học".

Trong lĩnh vực học tập, Hồ Chí Minh đã rất chú trọng kết hợp học tập ở nhà trường với tự học, kết hợp đào tạo với tự đào tạo và đào tạo lại. Đây là quan điểm rất hiện đại trong giáo dục. Về phương pháp học tập, một mặt Người nêu cao tinh thần say mê, ý chí quyết tâm và nghị lực phấn đấu đạt kết quả tốt, mặt khác, Người cũng nhắc nhở cần có phương pháp học tập đúng đắn, khoa học.

- Phải không ngừng nâng cao Đảng trí.

Nâng cao dân trí là mục tiêu của giáo dục quốc dân. Nâng cao Đảng trí là mục tiêu của giáo dục đối với cán bộ, đảng viên của Đảng. Đối với cán bộ, đảng viên của Đảng, Hồ Chí Minh luôn yêu cầu phải thường xuyên nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác-Lênin, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật và chuyên môn nghiệp vụ. Người nhấn mạnh: "Cán bộ ngành nào cần phải vững, phải giỏi chuyên môn ngành ấy, chỉ chính trị suông không lãnh đạo được". Vì vậy, nâng cao Đảng trí cần phải được thực hiện thường xuyên trong quá trình phát triển của Đảng, của cách mạng.

Tóm lại, những quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa - giáo dục là hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc. Những quan điểm đó đã được toàn Đảng, toàn dân ta quán triệt vào quá trình phát triển giáo dục ở Việt Nam, tạo nên những thành tựu quan

trọng, đáng tự hào của nền giáo dục cách mạng. Hiện nay chúng ta cần quán triệt những quan điểm đó vào công cuộc đổi mới, nhất là vào quá trình cải cách giáo dục.

b. Văn hóa văn nghệ

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa văn nghệ bao gồm nhiều quan điểm lớn. Trong bài này, chúng ta chỉ tìm hiểu một số quan điểm sau:

- *Văn nghệ là một mặt trận, nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng, trong xây dựng xã hội mới, con người mới.* Đây là tư tưởng đã được thể hiện trong nhiều tác phẩm của Hồ Chí Minh đăng tải trên các báo ở Pháp trong những năm 1919, 1920. Người đã dùng các tác phẩm văn nghệ của mình để tố cáo tội ác của bọn thực dân và bè lũ phong kiến tay sai, cổ vũ nhân dân các dân tộc thuộc địa đứng lên đấu tranh giành độc lập tự do. Khi về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh cũng đã viết nhiều thơ ca nhằm giác ngộ, cổ vũ nhân dân đoàn kết đấu tranh đánh đổ ách thống trị của đế quốc phong kiến giành độc lập tự do, giành hạnh phúc, ấm no. Hồ Chí Minh nêu quan điểm về thơ và trách nhiệm của người nghệ sĩ như sau:

"Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp

Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông.

Nay ở trong thơ nên có thép,

Nhà thơ cũng phải biết xung phong".

Hồ Chí Minh nói với các văn nghệ sĩ: "Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà".

"Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ nhất định, tức là phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công nông binh. Để làm trọn nhiệm vụ, chiến sĩ nghệ thuật cần có lập trường vững, tư tưởng đúng... đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết"[1].

- Văn nghệ phải gắn với thực tiễn đời sống của nhân dân

Thực tiễn đời sống của nhân dân là lao động sản xuất, chiến đấu, sinh hoạt ... Đó là đối tượng phản ánh, phục vụ của văn nghệ và cũng là nguồn chất liệu, nguồn sinh khí vô tận của văn nghệ. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Chỉ có nhân dân mới nuôi dưỡng cho các sáng tác của nhà văn bằng những nguồn nhựa sống. Còn nếu nhà văn quên điều đó, nhân dân cũng sẽ quên anh ta".

Tháng 10-1945, khi xem triển lãm tranh, Hồ Chí Minh trao đổi với các họa sĩ như sau: "Những bức tranh này tỏ rõ, các nghệ sĩ của ta lâu nay đã cố gắng tìm con đường đi. Nhưng tiếc một điều là không muốn đi dưới đất, mà cứ vút lên trời, chất mơ mộng quá nhiều, mà cái chân thật của sinh hoạt rất ít... Muốn tìm thấy sự thay đổi, sự ham mê thật thì phải trở về với cuộc sống sinh hoạt thực tại của con người". Nói cách khác là phải trở về với thực tiễn đời sống của nhân dân.

Muốn làm được điều đó, theo Hồ Chí Minh, các văn nghệ sĩ phải "từ nơi quần chúng mà ra, trở lại nơi quần chúng mà phục vụ" thì mới hiểu được tâm tư, tình cảm của quần chúng, phản ánh đúng tâm tư, tình cảm của họ, phục vụ đúng yêu cầu của họ. Đó là cơ sở tồn tại cho các tác phẩm của các văn nghệ sĩ.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.6, tr.368.

- Văn nghệ phải có những tác phẩm xứng đáng với thời đại chúng ta.

Tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ III, ngày 1-12-1962, Hồ Chí Minh nói với văn nghệ sĩ: "Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta"[1].

Theo Hồ Chí Minh, đó phải là những tác phẩm miêu tả vừa hay, vừa chân thật sự nghiệp cách mạng của nhân dân, phục vụ quần chúng đông đảo, được quần chúng yêu thích, đem lại những chuyển biến tích cực về tư tưởng, tình cảm cho mọi người. Người nhấn mạnh: "Quần chúng mong muốn những tác phẩm có *nội dung* chân thật và phong phú, có *hình thức* trong sáng và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì có *bổ ích*"[2]. Đó phải là "những tác phẩm *ca tụng* chân thật những người mới, việc mới chẳng những để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay, mà còn để giáo dục con cháu đời sau"[3].

Đời sống là đa màu sắc. Nhu cầu thưởng thức của quần chúng cũng muôn vẻ khác nhau. Vì vậy, Hồ Chí Minh nhắc các văn nghệ sĩ: "... cần làm cho món ăn tinh thần được phong phú, không nên bắt mọi người chỉ được ăn một món thôi. Cũng như vào vườn hoa, cần cho mọi người thấy được nhiều loại hoa đẹp"[4]. Đó chính là quan điểm rất nhân văn. Đó cũng là con đường sáng tạo vô hạn của các văn nghệ sĩ.

[1, 2, 3, 4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.10, tr.646, 646-647, 646, 551.

c. Văn hóa đời sống

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng văn hóa đời sống là xây dựng đời sống mới. Đời sống mới bao gồm: đạo đức mới, lối sống mới và nếp sống mới.

- Đạo đức mới của đời sống mới là: cần, kiệm, liêm, chính. Người nhấn mạnh: "Nếu không giữ đúng cần, kiệm, liêm, chính dễ trở nên hủ bại biến thành sâu mọt của dân". Hồ Chí Minh khẳng định: "Nêu cao cần, kiệm, liêm, chính tức là nhen lửa cho đời sống mới". Người coi cần, kiệm, liêm, chính là nền tảng của đời sống mới, là cơ sở của lối sống mới, nếp sống mới. Bởi lẽ đạo đức luôn là cơ sở, là cái gốc của mỗi người khi thực hành đời sống mới.

- Lối sống mới, theo Hồ Chí Minh là lối sống có lý tưởng, có đạo đức, kết hợp hài hòa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại tạo nên lối sống văn minh. Lối sống mới thể hiện trong cách ăn, cách mặc, cách ở, cách làm việc, phong cách sống và làm việc của mỗi người. Với Hồ Chí Minh, lối sống mới còn là lối sống khiêm tốn, giản dị, chừng mực, điều độ, ngăn nắp, vệ sinh, yêu lao động, quý trọng thời gian, ít lòng ham muốn về vật chất, về chức quyền, danh lợi; trong quan hệ với bạn bè, đồng chí, với nhân dân cần chân tình, cởi mở, ân cần, tế nhị, yêu thương quý trọng và khoan dung, độ lượng; cách ăn mặc phải sạch sẽ, giản đơn, chất phác, tiết kiệm; nói năng cần chân thật, dễ hiểu mà tế nhị; mộc mạc bình dân mà không thô thiển; phong cách làm việc phải tận tụy, làm đến nơi đến chốn, hết lòng vì nước, vì dân.

- Xây dựng nếp sống mới theo Hồ Chí Minh là xây dựng

những thói quen, những phong tục tập quán tốt đẹp. Do đó, nếp sống mới mà chúng ta xây dựng cần kế thừa những truyền thống tốt đẹp, những thuần phong mỹ tục của nhân dân Việt Nam, đồng thời phải tiếp thu những cái hay, cái đẹp của nhân loại. Người nhấn mạnh: "Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu thì bỏ... Cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý... Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm. Cái gì mới mà hay thì ta phải làm..." Từ quan điểm đó, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ những nếp sống mới rất cụ thể cần thực hiện như: giữ gìn vệ sinh từ trong nhà, ngoài ngõ đến phố phường, hồ ao, nước ăn, nước rửa hàng ngày; xây dựng quan hệ xóm làng, thực hiện giỗ tết, ma chay, cưới hỏi v.v. sao cho tốt.

Để cuộc vận động xây dựng đời sống mới được thực hiện tốt, Người nhắc nhở: Vận động đời sống mới phải khéo léo, phù hợp với phong tục, tập quán tốt, tránh ép buộc thô bạo gây hậu quả xấu. Cần xây dựng những tấm gương tốt, qua những tấm gương đó mà giáo dục, vận động quần chúng làm theo. Cán bộ văn hóa phải là người gương mẫu thực hiện đời sống mới.

II. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA VÀO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

1. Thực trạng và những vấn đề đặt ra với văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

Từ Đại hội VII của Đảng (1991) đến nay, tính chất và cũng là mục tiêu của nền văn hóa mà chúng ta xây dựng được xác định

là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Hội nghị Trung ương 5 khoá VIII đã cụ thể hóa sâu sắc nội dung này.

- Tính tiên tiến của nền văn hóa được thể hiện ở tính khoa học, hiện đại, xã hội chủ nghĩa và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Đậm đà bản sắc dân tộc thể hiện ở sự kế thừa và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

- Theo tinh thần đó, toàn Đảng, toàn dân ta đã từng bước xây dựng nền văn hóa mới và đã đạt được những thành tựu đáng kể sau:

- Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã được xác định là nền tảng, là kim chỉ nam của Đảng, và đó cũng là nền tảng tư tưởng của quá trình xây dựng nền văn hóa mới. Chúng ta đã giáo dục, tuyên truyền, làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng thấm sâu vào quần chúng, trở thành sức mạnh to lớn trong công cuộc đổi mới.

- Những giá trị văn hóa dân tộc đã được kế thừa và phát huy ngày càng sâu sắc. Tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc được thể hiện sâu sắc trong các hoạt động lao động sáng tạo trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa theo tinh thần đổi mới. Văn hóa văn nghệ các dân tộc, các vùng miền đang được phát huy trong các lễ hội; các cuộc liên hoan được tổ chức sôi nổi ở khắp miền đất nước; nhiều di sản văn hóa dân tộc được quảng bá, được UNESCO công nhận là di sản văn hóa nhân loại.

- Các thành tựu văn hóa tiến bộ của nhân loại được khai thác có chọn lọc và được phát huy góp phần tích cực vào sự phát triển

của công cuộc đổi mới, giúp Việt Nam mau chóng hòa nhập và hội nhập với sự phát triển tiến bộ của nhân loại.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chúng ta cũng còn có những hạn chế cần sớm được khắc phục như :

- Do sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu khiến cho một số người suy giảm lòng tin vào con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân đã lựa chọn.

- Những tác động tiêu cực của mặt trái cơ chế thị trường đang làm cho một bộ phận cán bộ, nhân dân có biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống như : tham ô, tham nhũng, coi tiền là mục đích hàng đầu, làm ăn bất chính, vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức, sống thực dụng, chỉ biết mình không biết đến người khác.

- Nhiều tệ nạn xã hội nảy sinh, gây lo lắng trong xã hội như buôn lậu, tham ô, hối lộ, ma túy, mãi dâm, mê tín dị đoan, mua bán bằng cấp v.v..

- Đời sống văn hóa văn nghệ còn nhiều bất cập. Công cuộc đổi mới có nhiều thành tựu nhưng trên văn đàn chưa có những tác phẩm xứng đáng với thời đại chúng ta như Bác Hồ đã căn dặn. Còn xuất hiện một số tác phẩm không tốt chạy theo thị hiếu tầm thường, thấp hèn. Thậm chí còn có cả những tác phẩm độc hại gây bất bình trong nhân dân.

2. Phương hướng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trong công cuộc đổi mới hiện nay

Những hạn chế trên đây cho thấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa vẫn chưa được chúng ta quán triệt sâu sắc. Để phát huy

hơn nữa những thành tựu đã đạt được và khắc phục những hạn chế, Đảng và Nhà nước cần quan tâm quán triệt, vận dụng tốt hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa nói riêng theo những nội dung sau:

a. Tiếp tục xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Đây là nội dung đã được Hội nghị Trung ương 5 khoá VIII cụ thể hóa rất sâu sắc. Cần nhấn mạnh thêm là: việc xây dựng nền văn hóa phải bắt đầu xây dựng từ mỗi con người, với tư cách là chủ thể văn hóa. Mỗi con người chính là sản phẩm cụ thể của nền văn hóa như Mác đã chỉ rõ: Trong bản tính của nó, mỗi con người là sự tổng hòa của các mối quan hệ xã hội. Do đó, xây dựng văn hóa chúng ta phải bồi dưỡng giáo dục con người toàn diện thông qua giáo dục của nhà trường và toàn xã hội, phải tạo môi trường xã hội thật sự lành mạnh, tốt đẹp. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở các khu dân cư, các làng bản hiện nay có ý nghĩa rất tích cực, cần duy trì phát huy và nâng cao hiệu quả trong công cuộc đổi mới. Trong mỗi gia đình cần có ý thức thường trực về xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Cần phải biểu dương những tấm gương người tốt việc tốt trong xã hội như Bác Hồ đã từng thực hiện.

b. Giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong công cuộc đổi mới

Trong quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế hiện nay, nếu không quan tâm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, chúng ta sẽ dễ bị "đồng hóa" về văn hóa. Để giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc,

một mặt phải làm tốt công tác bảo tồn bảo tàng, phải duy trì và phát huy các phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc. Mặt khác, khi giao lưu, hội nhập quốc tế, chúng ta phải lấy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam làm nền tảng, phải bảo vệ, giữ gìn và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc, phải quảng bá văn hóa dân tộc Việt Nam cho thế giới biết.

c. Tích cực khai thác, phát huy những giá trị văn hóa nhân loại, chống văn hóa độc hại, chống diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch

Quá trình giao lưu hòa nhập, hội nhập thế giới hiện nay tạo điều kiện rất thuận lợi cho chúng ta khai thác, phát huy những tinh hoa văn hóa của các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Có nhiều thành tựu mà loài người đã đạt được trên các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn; qua giao lưu với thế giới, chúng ta phải tích cực khai thác, phát huy để làm cho Việt Nam tiến kịp với các nước trên thế giới. Bác Hồ luôn đặt niềm tin vào thế hệ trẻ trong việc tiếp thu tri thức văn hóa, khoa học kỹ thuật tiên tiến của thế giới. Do vậy, cần phải tích cực, động viên giúp đỡ thế hệ trẻ Việt Nam học tập, nghiên cứu, vươn lên nắm bắt và phát huy tốt những thành tựu khoa học tiên tiến của nhân loại.

Tuy nhiên, trong quá trình hòa nhập, hội nhập, các loại văn hóa độc hại, phản động cũng nhân cơ hội đó lan truyền vào Việt Nam. Chúng ta cần có những giải pháp tích cực và hữu hiệu để chống lại, gạt bỏ những loại văn hóa độc hại đang len lỏi vào qua các ấn phẩm văn hóa, qua mạng internet .... Phải giáo dục cho mỗi người Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ Việt Nam đủ hiểu

biết để loại trừ những loại văn hóa phẩm độc hại, phản động ngăn cản, phá hoại công cuộc xây dựng nền văn hóa mới của chúng ta.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày những quan điểm chung của Hồ Chí Minh về văn hóa?

2. Nội dung và ý nghĩa các quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa giáo dục, văn hóa nghệ thuật và văn hóa đời sống?

3. Trình bày phương hướng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trong công cuộc đổi mới hiện nay?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Khánh Bật (Chủ biên): *Những bài giảng về môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nxb.Chính trị quốc gia, H.1999.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2005.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2009.

4. Đinh Xuân Dũng (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức,* Nxb.Giáo dục, H.2006.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb.Sự thật, H.1987.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII,* Nxb.Sự thật, H.1991.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nxb.Chính trị quốc gia, H.1996.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb.Chính trị quốc gia, H.2001.

9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2006.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011.

11. Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2003.

12. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002 (Bộ sách 12 tập).

13. Vũ Đình Hòe, Bùi Đình Phong: *Hồ Chí Minh với sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2010.

14. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2003.

15. Nguyễn Bích Hạnh, Nguyễn Văn Khoan: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết và mặt trận đoàn kết dân tộc*, Nxb.Lao động, H.1999.

16. Trần Đình Huỳnh, Ngô Kim Ngân: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền*, Nxb.Hà Nội, H.2004.

17. Lê Văn Yên: *Hồ Chí Minh với chiến lược đoàn kết quốc tế trong cách mạng giải phóng dân tộc*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2010.

18. Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2005.

19. Nguyễn Đình Lộc: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.1998.

20. Nguyễn Bá Linh: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2005.

21. Lê Văn Lý (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002.

22. Trịnh Nhu, Vũ Dương Ninh: *Về con đường giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.1996.

23. Đào Phan: *Hồ Chí Minh danh nhân văn hóa*, Nxb.Văn hóa thông tin, H.2000.

24. Bùi Đình Phong: *Đỉnh cao tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa*, Nxb.Lao động, H.2001.

25. Phùng Hữu Phú (Chủ biên): *Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.1995.

26. Bùi Đình Phong: *Giải phóng dân tộc và đổi mới dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2004.

27. Bùi Đình Phong, Phạm Ngọc Anh: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2006.

28. Ngyễn Văn Sáu (Chủ biên): *Nghiên cứu, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới*, Nxb.Lý luận chính trị, H.2005.

29. Song Thành (Chủ biên): *Một số vấn đề phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu về Hồ Chí Minh*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.1997.

30. Song Thành: *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb.Lý luận chính trị, H.2005.

31. Song Thành (Chủ biên): *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb.Lý luận chính trị, H.2006.

32. Mạch Quang Thắng: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.1995.

33. Mạch Quang Thắng (Chủ biên): *Hồ Chí Minh - Nhà cách mạng sáng tạo*, Nxb Chính trị quốc, H.2009.

34. Mạch Quang Thắng (Chủ biên): *Nhân cách Hồ Chí Minh*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2010.

35. Hoàng Trang, Phạm Ngọc Anh: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Lao động, H.2000.

MỤC LỤC

Lời nói đầu 5

Chương 1

Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh 7

Chương 2

Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 19

Chương 3

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc 41

Chương 4

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 67

Chương 5

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam . 96

Chương 6

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân 118

Chương 7

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế 143

Chương 8

Tư tưởng nhân văn, đạo đức Hồ Chí Minh 181

Chương 9

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 215

Chịu trách nhiệm xuất bản
PGS, TS ĐƯỜNG VINH SƯỜNG

Biên tập nội dung
ĐỚI KIM THOA
NGUYỄN THU HIỀN

Biên tập kỹ - mỹ thuật
ỨNG LIÊN

Đọc soát bản in
KIM THOA - THU HIỀN

Trình bày bìa
TRẦN SƠN

In 1.000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Công ty In Hải Nam.
Số ĐKKHXB: 369-2013/CXB/03-16/CTHC, cấp ngày 22-3-2013.
In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2013.